

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

ĐÀO TRỌNG HẠNH

**QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP
TẠI CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

ĐÀO TRỌNG HẠNH

**QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP
TẠI CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số : 60 34 01 02

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. THÂN DANH PHÚC

HÀ NỘI, NĂM 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận văn “**Quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương**” là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi, chưa từng sử dụng để bảo vệ một học vị nào. Các số liệu và kết quả sử dụng trong bài luận văn là hoàn toàn trung thực và có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng.

Tác giả luận văn

Đào Trọng Hạnh

LỜI CẢM ƠN

Trong khoảng thời gian thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp thạc sỹ kinh tế, tôi đã gặp nhiều khó khăn trong việc chuẩn bị tài liệu, thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của bản thân và sự giúp đỡ tận tình các thầy cô giáo, bạn bè và đồng nghiệp, tôi đã hoàn thành luận văn của mình.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy cô trong Ban Giám hiệu trường Đại học Thương mại, Khoa sau Đại học đã động viên và tạo mọi điều kiện để tôi có thể yên tâm với công việc nghiên cứu.

Hơn hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy TS. Thân Danh Phúc - người đã hướng dẫn chỉ bảo tận tình, động viên tôi trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, cán bộ công nhân viên các Bộ, Ban ngành gồm: Cục thuế tỉnh Hải Dương, Cục Thống kê tỉnh Hải Dương, Kho bạc tỉnh Hải Dương, Các phòng, ban chức năng của Chi cục thuế thành phố Hải Dương... đã hỗ trợ cung cấp tài liệu để tôi có cơ sở thực tiễn bổ sung vào bài viết.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thành nội dung nghiên cứu bằng tất cả năng lực và sự nhiệt tình của bản thân, tuy nhiên luận văn này không thể tránh khỏi những thiếu sót, tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của các thầy, cô và đồng nghiệp để tôi hoàn thiện hơn nữa nhận thức của mình.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU, SƠ ĐỒ	vi
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP.....	9
1.1 Các khái niệm cơ bản.....	9
1.1.1 Khái niệm về nợ thuế và phân loại tiền thuế nợ.....	9
1.1.2. Khái niệm quản lý nợ thuế	19
1.2. Nội dung quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp	21
1.2.1. Xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ.....	22
1.2.2. Đơn đốc thu và xử lý tiền thuế nợ	24
1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ thuế.....	30
1.3.1. Nhóm yếu tố từ phía cơ quan quản lý thuế.....	30
1.3.2. Nhóm yếu tố từ phía người nộp thuế	31
1.3.3. Nhóm yếu tố từ môi trường kinh tế - xã hội	32
1.4. Kinh nghiệm quản lý nợ thuế.....	33
1.4.1. Kinh nghiệm quản lý nợ thuế ở một số quốc gia.....	33
1.4.2. Kinh nghiệm quản lý nợ thuế ở một số địa phương.....	34
1.4.3. Bài học cho Cục thuế tỉnh Hải Dương	36
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG	38
2.1. Giới thiệu về Cục thuế tỉnh Hải Dương và các đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương có ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ thuế.....	38
2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương	38
2.1.2. Giới thiệu về Cục thuế tỉnh Hải Dương.....	42
2.1.3. Các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý	49

2.2. Thực trạng công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương	52
<i>2.2.1. Thực trạng công tác xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ và kết quả.....</i>	<i>52</i>
<i>2.2.2. Thực trạng công tác đôn đốc thu và xử lý tiền thuế nợ</i>	<i>58</i>
<i>2.2.3. Thực trạng một số công tác hỗ trợ quản lý nợ thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương</i>	<i>67</i>
2.3. Đánh giá công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương	71
<i>2.3.1. Những ưu điểm trong quản lý nợ thuế</i>	<i>71</i>
<i>2.3.2. Những hạn chế trong quản lý nợ thuế và nguyên nhân</i>	<i>72</i>
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG.....	79
3.1. Quan điểm, định hướng hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương	79
<i>3.1.1. Quan điểm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương</i>	<i>79</i>
<i>3.1.2. Định hướng nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương.....</i>	<i>81</i>
<i>3.1.3. Mục tiêu của công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương trong giai đoạn tới</i>	<i>82</i>
3.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương.....	84
<i>3.2.1. Giải pháp trong thực hiện quy trình quản lý nợ thuế</i>	<i>84</i>
<i>3.2.2. Giải pháp về phân công công việc đối với cán bộ công chức thuế làm công tác quản lý nợ thuế.....</i>	<i>86</i>
<i>3.2.3. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận quản lý nợ và các bộ phận có liên quan khác trong quản lý nợ thuế.....</i>	<i>87</i>
<i>3.2.4. Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế và trách nhiệm của cán bộ, công chức ngành thuế.....</i>	<i>88</i>

<i>3.2.5. Ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quản lý nợ thuế</i>	89
3.3. Một số kiến nghị	89
<i>3.3.1. Kiến nghị với Tổng cục thuế</i>	89
<i>3.3.2. Kiến nghị với UBND tỉnh Hải Dương</i>	90
<i>3.3.3. Kiến nghị với Cục thuế tỉnh Hải Dương</i>	91
KẾT LUẬN	93
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	vii

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Bộ máy tổ chức quản lý của Cục thuế Hải Dương	43
Bảng 2.1: Tình hình nhân lực của văn phòng cục thuế tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012 - 2015	48
Bảng 2.2: Bảng phân loại doanh nghiệp do Văn phòng Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý	50
Bảng 2.3: Tình hình thu NSNN đối với các doanh nghiệp do VP Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý	51
Bảng 2.4: Tình hình thu NSNN của VP Cục thuế tỉnh Hải Dương	52
Bảng 2.5: Tình hình nợ thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương	53
Bảng 2.6: Tình hình nợ thuế phân theo loại hình doanh nghiệp do VP cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý	54
Bảng 2.7: Tình hình nợ thuế phân theo ngành nghề do VP cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý	55
Bảng 2.8: Tình hình nhân sự làm công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế giai đoạn 2012 – 2015	59
Bảng 2.9: Tình hình nợ thuế phân theo tính chất nợ do VP cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý	60
Bảng 2.10: Tình hình đơn đốc nợ thuế giai đoạn 2012 - 2015 của VP cục thuế tỉnh Hải Dương	63
Bảng 2.11: Tình hình hoàn thuế kiêm bù trừ thuế tại Cục thuế tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012 - 2015	64
Bảng 2.12: Bảng tổng hợp tình hình gia hạn nộp thuế của Cục thuế Hải Dương giai đoạn 2012 - 2015	64
Bảng 2.13: Tình hình thu nợ đọng của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý	67
Bảng 2.14: Tình hình tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế giai đoạn 2012-2015	69
Bảng 2.15: Kết quả kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012 - 2015	70

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	CNTT	Công nghệ thông tin
2	CTHD	Cục thuế tỉnh Hải Dương
3	GTGT	Giá trị gia tăng
4	KBNN	Kho bạc nhà nước
5	NCKH	Nghiên cứu khoa học
6	NHTM	Ngân hàng thương mại
7	NQD	Ngoài quốc doanh
8	NNT	Người nộp thuế
9	NSNN	Ngân sách nhà nước
10	QLT	Quản lý thuế
11	QLNN	Quản lý nhà nước
12	TNCN	Thu nhập cá nhân
13	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
14	UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài: “Quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương”

Xuất hiện gắn liền với sự ra đời của Nhà nước và sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa tiền tệ, thuế được coi là một phương tiện huy động nguồn lực tài chính cho Nhà nước thực hiện chức năng quản lý của mình và trở thành nguồn thu có tỷ trọng lớn nhất trong tổng thu Ngân sách Nhà nước (NSNN). Không chỉ đơn thuần là nguồn thu chủ yếu của NSNN mà thuế còn gắn liền với các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế, về sự công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Vì vậy quản lý thuế là một hoạt động có tầm quan trọng lớn trong chính sách điều hành kinh tế của Nhà nước cũng như đảm bảo an sinh xã hội.

Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập quốc tế làm cho môi trường kinh tế ngày càng phức tạp và gia tăng cạnh tranh. Điều này đòi hỏi các hệ thống thuế khoá và pháp luật thuế ngày càng phải hoàn thiện hơn để phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường. Trong điều kiện đó Nhà nước có vai trò hoàn thiện và thực hiện hiệu quả hơn nữa công tác quản lý thuế nhằm đảm bảo tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước, chống gian lận thương mại và hạn chế thất thu NSNN. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý thuế trong hoạt động điều tiết kinh tế của Nhà nước đồng thời để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế và thu thuế, ngày 29/11/2006, Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11, có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2007, nhằm hoàn thiện đầy đủ hơn nữa hệ thống văn bản pháp luật quy định về thuế và quản lý thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo đó, hệ thống quản lý thu thuế từ quản lý theo sắc thuế nay chuyển sang quản lý theo chức năng đó là: Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; thanh tra kiểm tra; kê khai kế toán thuế; quản lý nợ và cưỡng chế thuế. Do vậy, trong hoạt động quản lý thuế thì quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế là một khâu quan trọng nhằm tránh thất thu ngân sách, đảm bảo tính công bằng giữa các đối tượng nộp

thuế (ĐTNT) và là khâu hoàn thiện của công tác quản lý thuế. Việc triển khai thực hiện Luật quản lý thuế đã tạo cơ sở pháp lý để đổi mới công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế; ngược lại việc quản lý tốt nợ đọng thuế và cưỡng chế thuế lại có tác động sâu sắc tới công tác quản lý thuế, tạo sự chuyển động mạnh mẽ cả từ phía ĐTNT và cơ quan quản lý thuế nói chung.

Năm 2013 kinh tế Việt Nam thoát ra khỏi sự ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tuy vậy hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp còn gặp không ít khó khăn. Một số doanh nghiệp không thực hiện đúng thời hạn nộp thuế theo quy định của luật quản lý thuế dẫn đến nợ đọng thuế, gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách. Đồng thời, do cơ chế chính sách còn chưa đồng bộ, cơ chế ý thức của một số người nộp thuế còn chưa cao nên số nợ đọng thuế vẫn còn lớn, quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, một bộ phận cán bộ thuế trình độ còn hạn chế và nhiều đối tượng có nợ thuế đã không còn tồn tại do bị giải thể, mất tích gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước.

Theo kết quả cập nhật đến giữa tháng 4-2016, việc đôn đốc nợ và cưỡng chế nợ thuế ở các Cục Thuế trên cả nước đạt mức thấp. Số doanh nghiệp (DN) đã ban hành quyết định cưỡng chế là 127 DN đạt 62%; trong đó, áp dụng biện pháp trích tiền từ tài khoản là 50 DN, áp dụng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng là 75 DN và 2 trường hợp áp dụng biện pháp cưỡng chế khác; số DN chưa ban hành quyết định cưỡng chế là 78 DN, chiếm tỷ lệ 38% so với tổng số DN phải cưỡng chế.

Số tiền thuế nợ thu vào NSNN là 932,1 tỷ đồng, chỉ đạt 9% so với tiền thuế nợ phải thu; trong đó tiền nợ thuế thuộc ngân sách Trung ương đã thu được là 428,4 tỷ đồng, chiếm 46% so với tổng số tiền thuế nợ thu được. Số thuế còn phải đôn đốc thu vào ngân sách vẫn còn lớn, với gần 10.000 tỷ đồng.

Tỉnh Hải Dương cũng là một địa phương không nằm ngoài tình trạng trên. Qua thực tiễn công tác và tìm hiểu tại địa phương, tác giả nhận thấy công tác quản lý thuế trên địa bàn tỉnh Hải Dương đạt được nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn gặp phải khó khăn và vướng mắc: tình trạng nợ đọng vẫn diễn ra, số thuế nợ

động cao, đặc biệt việc xử lý các khoản nợ ảo, nợ không chính xác tiến độ triển khai chậm... dẫn đến tình trạng trốn thuế, chiếm dụng tiền thuế còn phổ biến. Đứng trước thực trạng đó, việc tìm kiếm giải pháp, tăng cường hỗ trợ công tác quản lý nợ thuế, cường chế thuế là vấn đề mang tính thời sự, cấp thiết đối với toàn ngành nói chung và Cục thuế Hải Dương nói riêng.

Trong quá trình tìm hiểu cơ sở lý luận, tác giả thấy có nhiều công trình nghiên cứu về công tác quản lý nợ thuế ở các địa phương khác nhau, tuy nhiên chưa có đề tài nào nghiên cứu về quản lý nợ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài “*Quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương*” làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề quản lý nợ thuế tại các đơn vị, cơ quan quản lý thuế, nhưng mỗi công trình nghiên cứu ở những khía cạnh khác nhau, tại các địa phương khác nhau. Trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu đề tài, tôi đã có cơ hội tiếp cận, tham khảo một số công trình khoa học tiêu biểu có liên quan đến đề tài như sau:

- Ths. Nguyễn Việt Trung (2015), “*Quản lý nợ thuế trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương*”, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Chuyên ngành Quản lý kinh tế. Nghiên cứu của tác giả sau khi tổng hợp, hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý nợ thuế, tác giả đã đi sâu tìm hiểu thực trạng thực hiện công tác này của Chi cục thuế huyện Cẩm Giàng, đưa ra những nhận định và đánh giá sắc nét. Tuy nhiên, luận văn chỉ nghiên cứu trong phạm vi huyện Cẩm Giàng, là một huyện của tỉnh Hải Dương nên tài liệu này có thể tham khảo về mặt bài học kinh nghiệm cũng như đặc điểm kinh tế khu vực.

- Ths. Trần Thị Hạnh (2015), *Quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Chi cục Thuế huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Nghiên cứu của tác giả tiếp cận dưới góc độ của chuyên ngành quản trị kinh doanh, chưa có cái nhìn theo góc độ quản lý nhà nước về kinh tế. Vì vậy, luận văn có thể làm tài liệu tham khảo về mặt đặc điểm kinh tế khu vực và

những nét tương đồng của doanh nghiệp ở các khu vực trong tỉnh Hải Dương.

- Ths. Lê Văn Hòa (2014), Quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế đối với doanh nghiệp tại chi cục thuế Kim Thành tỉnh Hải Dương, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Nghiên cứu của tác giả góp phần bổ sung và hệ thống hóa các vấn đề lý luận về quản lý nhà nước, nợ thuế và quản lý nợ thuế, cưỡng chế thuế; đánh giá những thuận lợi, khó khăn đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong việc quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế. Tuy nhiên, đề tài chỉ nghiên cứu trên địa bàn huyện Kim Thành, và theo góc độ tiếp cận của chuyên ngành Quản trị kinh doanh, chưa tiếp cận theo góc độ quản lý kinh tế.

- Ths. Hoàng Văn Hải (2014), Quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế tại Cục thuế Vĩnh Phúc, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Luận văn tổng hợp những lý luận về công tác quản lý thu thuế, quản lý nợ thuế. Từ cơ sở đó, tác giả tìm hiểu, tổng kết lại những ưu điểm và hạn chế của công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Ths. Hoàng Văn Hải cũng đề xuất nhiều giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý nợ thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Nghiên cứu của Ths. Hoàng Văn Hải có ý nghĩa tham khảo về mặt lý luận trong quá trình tác giả viết luận văn, cũng như việc vận dụng những kinh nghiệm trong công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, làm bài học cho Cục thuế tỉnh Hải Dương.

- Ths. Nguyễn Việt Hà (2010), Quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế tại địa bàn huyện Đông Anh – TP Hà Nội, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Chuyên ngành quản trị kinh doanh. Luận văn góp phần bổ sung và hoàn thiện lý luận về việc sử dụng chính sách và các biện pháp quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế; Qua khảo sát thực trạng của công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế, những việc làm được và chưa làm được; luận văn đưa ra những giải pháp kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế tại Đông Anh. Phạm vi của nghiên cứu này giới hạn trong không gian huyện Đông Anh, chỉ mang tính chất tham khảo về mặt lý luận và bài học kinh nghiệm cho luận văn của tác giả.

Để có cơ sở lý luận vững chắc đồng thời có sự liên hệ thực tiễn, tác giả đã tìm hiểu và nghiên cứu một số sách giáo trình, bài báo khoa học và tạp chí kinh tế:

- Quang Hiệp (2014), Phát triển nhìn từ Thuế, Tạp chí thuế số 3/2014
- Dương Đăng Chinh – Phạm Văn Khoan (2009), Quản lý tài chính công, Nxb Tài chính.
- Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Thị Liên (2007), Giáo trình thuế, Nxb Tài Chính, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Ninh (2007), “Nợ thuế là thước đo năng lực quản lý thuế”, Tạp chí thuế Nhà nước, 158 (40), tr 4-5
- Giải quyết những vấn đề pháp lý nảy sinh khi mở rộng diện áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thuế, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán, số tháng 3/2007.

Cùng với các công trình nghiên cứu trên, tác giả tham khảo thêm các văn bản pháp luật quy định của Chính phủ về hướng dẫn thực hiện quy trình quản lý nợ thuế (Xem trong phụ lục 1).

Tóm lại, từ các công trình nghiên cứu tiêu biểu ở trên, có thể thấy một số vấn đề lý luận liên quan đến việc thực hiện hoạt động quản lý nợ thuế đã được hệ thống đầy đủ và được vận dụng để đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp cụ thể hoàn thiện công tác thực hiện tại một số đơn vị. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay chưa có công trình nghiên cứu về: “Quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương” dưới góc độ quản lý kinh tế. Chính vì thế việc nghiên cứu đề tài này là cấp thiết và có tính mới, không trùng với những nghiên cứu trước đó.

3. Mục đích nghiên cứu

Đề tài hướng tới mục tiêu đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý, nhằm hạn chế nợ đọng, xử lý các khoản nợ ảo, nợ tồn nhiều năm, nợ xác định không chính xác..., đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời và hạn chế thất thu NSNN.

Để giải quyết được mục tiêu nghiên cứu nói trên, đề tài cần phải thực hiện được 3 nhiệm vụ nghiên cứu:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác quản lý nợ của nhà nước.
- Tìm hiểu thực trạng công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương theo phân cấp quản lý. Từ đó, đánh giá và nhận định thành tựu đạt được cũng như những hạn chế và nguyên nhân hạn chế của công tác này;
- Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị với Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương đối với các doanh nghiệp thuộc phân cấp quản lý của Cục thuế trong thời gian tới.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Đề tài đi sâu nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp do Cục thuế Hải Dương quản lý.

Theo phân cấp quản lý, Cục thuế tỉnh Hải Dương trực tiếp quản lý các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài quốc doanh có số vốn điều lệ lớn (thường trên 10 tỷ), doanh nghiệp có vốn liên doanh nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nội dung: Luận văn nghiên cứu những lý luận cơ bản về quản lý nợ thuế. Cụ thể, tác giả tìm hiểu những khái niệm về nợ thuế, quản lý nợ thuế, cưỡng chế thuế, nội dung các công tác trong quy trình quản lý nợ thuế, vai trò và yêu cầu của quy trình quản lý nợ thuế.... Trên cơ sở đó tác giả đi sâu tìm hiểu thực trạng công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý.

Phạm vi không gian: Luận văn nghiên cứu về thực trạng công tác quản lý nợ thuế các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương trực tiếp quản lý, có đối chiếu so sánh với công tác quản lý nợ của chi cục ở một số địa phương trong nước.

Phạm vi thời gian: Luận văn giới hạn sử dụng dữ liệu thứ cấp nghiên cứu thực trạng trong 3 năm gần đây (2013 - 2015). Luận văn định hướng đề xuất giải pháp và kiến nghị hoàn thiện quản lý nợ thuế cho Cục thuế tỉnh Hải Dương đến năm 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn sử dụng một số phương pháp khác nhau để giải quyết mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra. Cụ thể, đề tài sử dụng hai nhóm phương pháp là phương pháp thu thập dữ liệu và phương pháp phân tích dữ liệu.

Dữ liệu được tìm kiếm, thu thập từ các đề tài của các sách, giáo trình, luận án, luận văn, bài báo khoa học,... là những dữ liệu có nội dung liên quan đến quản lý nhà nước đối với hoạt động thu thuế, quản lý nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế,... Những dữ liệu này sẽ được dùng để làm cơ sở lý luận cho đề tài như: khái niệm quản lý nhà nước, khái niệm nợ thuế, cưỡng chế nợ,... sử dụng viết cho chương 1 của đề tài. Đồng thời, tác giả còn thu thập dữ liệu từ các văn bản pháp luật quy định quy trình quản lý nợ thuế, luật quản lý thuế, cưỡng chế nợ thuế,... Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã liên hệ với Đội quản lý nợ và cưỡng chế thuế, Đội Hành chính - Tài Vụ - Ấn chỉ và các đội thuế có liên quan khác để thu thập các số liệu về tình hình thu thuế, hoàn thuế, cưỡng chế nợ thuế,... của Cục thuế tỉnh Hải Dương thông qua bảng báo cáo các năm và các hồ sơ theo dõi. Các số liệu này được dùng để viết chương 2, đánh giá thực trạng của hoạt động quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế Hải Dương.

Đề tài cũng kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan đồng thời dựa vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về quản lý thu NSNN và hỗ trợ phát triển kinh tế làm tư liệu tham khảo viết chương 3.

Phương pháp tổng hợp dữ liệu: phương pháp này được sử dụng để tổng hợp các kết quả điều tra, quan sát, các tài liệu thu thập được từ nhiều nguồn để đưa ra các kết luận, đánh giá phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài. Dựa vào các số liệu đã thu thập được ở trên tiến hành tổng hợp dưới dạng văn bản word, bảng excel, xây dựng các bảng biểu, sơ đồ, hình vẽ...

Phương pháp so sánh: phương pháp này được thực hiện thông qua việc đối chiếu giữa các sự vật, hiện tượng với nhau để thấy được những điểm giống và khác nhau giữa chúng. Phương pháp này được thực hiện trong việc nghiên cứu đề tài là so

sánh thực trạng thực hiện cơ chế tự chủ tại các trường khác nhau để đưa ra được các kết luận cần thiết.

Phương pháp đánh giá: Dựa trên các số liệu đã phân tích để đưa ra nhìn nhận, đánh giá đối với thực trạng vấn đề nghiên cứu. Từ đó đưa ra những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý của Nhà nước, tìm được nguyên nhân, phương pháp hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý này.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Về khoa học: Đề tài đã góp phần hệ thống hóa và sáng tỏ thêm một số vấn đề lý luận cơ bản về quản lý nợ thuế cũng như cơ sở của việc nợ thuế, nguyên nhân và hậu quả của việc nợ thuế; đúc kết kinh nghiệm quản lý nợ thuế của một số địa phương trong tỉnh Hải Dương và trong nước, rút ra bài học kinh nghiệm cho các đơn vị quản lý thuế trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Về thực tiễn: Đề tài làm tài liệu tham khảo có giá trị cho công tác giảng dạy, học tập của các giáo viên, cao học viên và sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế và quản trị kinh doanh. Kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu tham khảo có ý nghĩa cho lãnh đạo các Chi cục thuế, Cục thuế, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính công trên cả nước nói chung, và tỉnh Hải Dương nói riêng.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài Lời cảm ơn, Lời cam đoan, Mục lục, Danh mục bảng biểu, hình vẽ, Danh mục các từ viết tắt, Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn được kết cấu làm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

1.1 Các khái niệm cơ bản

1.1.1 Khái niệm về nợ thuế và phân loại tiền thuế nợ

1.1.1.1. Một số khái niệm

a) Khái niệm thuế

“Thuế là hiện tượng tất yếu, xuất hiện và tồn tại cùng với các hiện tượng kinh tế - xã hội” gắn với mỗi giai đoạn khác nhau. Lịch sử xã hội loài người đã chứng minh thuế ra đời là một tất yếu khách quan, gắn liền với sự hình thành và phát triển của nhà nước. Bằng quyền lực của mình, nhà nước thu một bộ phận của cải xã hội để có được nguồn vật chất thực hiện những chi tiêu có tính chất xã hội. Quan hệ thu - nộp những nguồn vật chất này chính là thuế. Ở Việt Nam, thuế bắt đầu xuất hiện từ thời kỳ đầu chế độ phong kiến (thuế thân, thuế muối, thuế thổ trạch,...). Đến khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, Nhà nước đã xóa bỏ hệ thống thuế phi nhân đạo, dần dần thiết lập một hệ thống thuế mới và ngày càng đi vào ổn định, hoàn thiện.

Để đưa ra một khái niệm về thuế có tính tổng quát, tác giả đã nghiên cứu ở nhiều khía cạnh khác nhau. Theo Các Mác, “thuế là cơ sở kinh tế của bộ máy nhà nước, là thủ đoạn đơn giản để kho bạc thu được tiền hay tài sản của người dân để dùng vào việc chi tiêu của nhà nước” [3.,36]. Bằng cách tiếp cận khác, các nhà nghiên cứu kinh tế cho rằng “thuế là một hình thức phân phối thu nhập tài chính của nhà nước để thực hiện các chức năng của mình, dựa vào quyền lực chính trị, tiến hành phân phối sản phẩm thặng dư của xã hội một cách cưỡng chế và không hoàn lại” [8.,69]. Theo cách tiếp cận của các nhà kinh tế hiện đại thì thuế được định nghĩa là “một hình thức động viên bắt buộc của nhà nước theo luật định, thuộc phạm trù phân phối, nhằm tập trung một bộ phận thu nhập của các thể nhân và pháp nhân vào NSNN để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của nhà nước và phục vụ lợi ích công cộng” [2.,13]

Như vậy, theo cách hiểu chung nhất thuế là một khoản nộp bằng tiền mà các

thể nhân và pháp nhân có nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện theo luật đối với Nhà nước; không mang tính chất đòi khoản, không hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế và dùng để trang trải cho các nhu cầu chi tiêu công cộng.

Một trong những đặc trưng quan trọng của thuế là mang tính pháp lý cao. Mỗi khoản thuế phát sinh được xác định trên cơ sở thu nhập của người nộp thuế và sẽ trở thành khoản nộp bắt buộc mà người nộp thuế phải có nghĩa vụ chuyển giao cho nhà nước. Tuy nhiên, trong thực tiễn do nhiều lý do khác nhau, người nộp thuế chưa nộp hoặc không nộp thuế cho nhà nước theo thời hạn quy định, từ đó hình thành nên khoản nợ thuế.

b) Khái niệm nợ thuế

Mặc dù thuế là khoản thu mang tính bắt buộc, tuy nhiên trong thực tế vì nhiều lý do khác nhau mà người nộp thuế chưa nộp, nộp chưa đúng mức cần thu hoặc không nộp cho Nhà nước theo thời hạn quy định, hình thành nên khoản nợ thuế. Theo QĐ số 1401/QĐ-TCT ngày 28/07/2015 về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế của Tổng Cục trưởng Tổng Cục thuế, có nêu rõ khái niệm:

Nợ thuế: Là các khoản tiền thuế, phí, lệ phí, tiền chậm nộp và các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật về thuế mà người nộp thuế đã kê khai, cơ quan thuế đã tính; các cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế, cơ quan thuế xác định đây là nghĩa vụ của người nộp thuế và đã thông báo cho người nộp thuế nhưng đã hết thời hạn quy định trên mà chưa nộp vào NSNN.

Trong khái niệm “nợ thuế” cần hiểu rõ về một số thuật ngữ như người nợ thuế, mức nợ thuế, thời điểm bắt đầu tính nợ, thời điểm kết thúc tính nợ,... Những thuật ngữ này đều được định nghĩa rõ ràng trong Mục III của QĐ số 1401/QĐ-TCT ngày 28/07/2015.

Người nợ thuế: Là người nộp thuế có khoản tiền thuế nợ

Tiền thuế đang chờ điều chỉnh là: các khoản tiền thuế; phí, lệ phí; các khoản thu từ đất; thu từ khai thác tài nguyên khoáng sản và các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật mà người nộp thuế (NNT) đã nộp nhưng có một số sai sót trên chứng từ nộp tiền; chứng từ luân chuyển

chậm hoặc thất lạc; chờ ghi thu - ghi chi; tiền thuế được gia hạn nộp thuế nhưng chưa kịp thời hạch toán/ghi nhận/cập nhật trên ứng dụng mà cơ quan thuế đang điều chỉnh theo đúng quy định; tiền thuế không tính tiền chậm nộp.

Thời điểm bắt đầu tính nợ đối với một khoản thuế nợ là ngày tiếp theo ngày hết hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Thời điểm kết thúc tính nợ đối với một khoản thuế nợ (ngày thanh toán) là ngày khoản nợ được nộp vào NSNN; hoặc ngày có hiệu lực thi hành của văn bản xoá nợ, miễn nợ hoặc xử lý bằng các hình thức khác.

Khoản nợ là số tiền thuế bắt đầu được tính nợ hay được gọi là bắt đầu phát sinh tiền thuế nợ.

Số ngày nợ thuế của một khoản thuế nợ là khoảng thời gian liên tục tính theo ngày, kể từ thời điểm bắt đầu tính nợ đến thời điểm kết thúc tính nợ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.

Khoá sổ thuế là thời điểm ngừng nhập các chứng từ kế toán liên quan đến nghĩa vụ thuế của NNT như tờ khai thuế, chứng từ nộp thuế, các quyết định, thông báo... Sau khi khoá sổ thuế, mọi số liệu trên Sổ theo dõi thu nộp thuế các tháng trước sẽ không được điều chỉnh, bổ sung ngay, mà chỉ được điều chỉnh, bổ sung sau ngày khoá sổ và sẽ được hạch toán vào thời điểm phát hiện để điều chỉnh, bổ sung vào kỳ thuế tiếp theo.

Xác định nợ thuế (sau đây gọi là chốt nợ) là việc rà soát, đối chiếu số liệu tiền thuế nợ của tháng báo cáo sau khi khoá sổ thuế, đảm bảo mọi số liệu nợ trên sổ theo dõi nợ thuế, báo cáo nợ thuế thống nhất và không được thay đổi sau khi xác định nợ thuế.

1.1.1.2. Phân loại tiền thuế nợ

a) Đặc điểm của nợ thuế

Nợ thuế là một hành vi tâm lý phổ biến

Như chúng ta biết, trong hệ thống thuế bao gồm nhiều sắc thuế khác nhau, tuy nhiên các sắc thuế dù trực tiếp hay gián tiếp đều đánh vào thu nhập của các thể nhân hay pháp nhân trong nền kinh tế. Nói cách khác, thuế là một hình thức phân phối

thu nhập có tính chất bắt buộc mà mọi người có nghĩa vụ phải nộp cho nhà nước. Như vậy, hành vi nộp thuế luôn luôn ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của người nộp thuế. Vì vậy, ở Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới, người nộp thuế thường có xu hướng trốn hoặc tránh thuế. Tình hình này đặc biệt nghiêm trọng trong điều kiện các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam hiện nay, khi mà nhận thức xã hội về thuế còn thấp, đại bộ phận người dân chưa hiểu rõ bản chất tốt đẹp và lợi ích của việc nộp thuế, chưa phê phán, lên án mạnh mẽ các hành vi gian lận tiền thuế, chưa hỗ trợ tích cực cho cơ quan thuế để thu thuế theo đúng pháp luật. Tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, nợ đọng thuế còn khá phổ biến vừa làm thất thu NSNN, vừa không đảm bảo công bằng xã hội. Hay nói cách khác, những người nộp thuế luôn tìm mọi cách để tối thiểu hóa số thuế mà họ phải nộp. Một trong các cách đó là nợ thuế.

Nợ thuế là hành vi vi phạm pháp luật về thuế

Quy phạm pháp luật thuế là các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra và đảm bảo thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các chủ thể thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN.

Trong các quy định của pháp luật về thuế luôn luôn đề cập đến các phạm vi điều chỉnh như: mức nộp thuế, người nộp thuế và thời gian phải nộp thuế.

Như vậy, hành vi nợ thuế là hành vi vi phạm pháp luật thuế của người nộp thuế bằng cách chậm nộp hoặc không nộp số tiền thuế phải nộp vào NSNN theo quy định của pháp luật thuế.

Nợ thuế chưa hẳn là hành vi trốn thuế

Trốn thuế là hành vi cố ý vi phạm pháp luật của ĐTNT bằng mọi hình thức, thủ đoạn để làm giảm số thuế phải nộp vào NSNN. Còn nợ thuế mới chỉ là hành vi dậm dera, chậm nộp thuế khi quá thời hạn nộp theo quy định của pháp luật. Tất nhiên, trong một số trường hợp việc nợ thuế có thể là một hành vi nằm trong chuỗi hành vi nhằm trốn thuế. Chẳng hạn như, một số doanh nghiệp cố tình nợ một số thuế lớn sau đó bỏ trốn không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Nợ thuế khác với hành vi tránh thuế

Tránh thuế là hành vi lợi dụng sơ hở của luật thuế để giảm nghĩa vụ thuế. Đây không phải là hành vi vi phạm pháp luật mà là hành vi lợi dụng những điểm yếu trong pháp luật về thuế để làm lợi cho mình. Tránh thuế xuất phát từ những nhược điểm trong hệ thống pháp luật về thuế của quốc gia, vì vậy quản lý và phát hiện tránh thuế có ý nghĩa cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung pháp luật thuế. Còn nợ thuế thì khác hoàn toàn về bản chất, đó là nghĩa vụ đã được luật pháp xác định nhưng cố tình dấy dưng, chậm nộp cho các cơ quan thu thuế.

b) Phân loại nợ thuế

Phân loại nợ thuế là công tác cần thiết giúp việc quản lý nợ thuế đạt hiệu quả. Để việc đôn đốc, thu hồi nợ đạt kết quả cao thì nợ thuế phải được phân loại một cách cụ thể rõ ràng để cán bộ quản lý thuế sử dụng các biện pháp thu hồi nợ phù hợp.

b1) Căn cứ vào khả năng thu hồi nợ

Căn cứ vào khả năng thu hồi nợ dựa trên những thông tin về người nợ thuế theo mức nợ, tuổi nợ, tình trạng hoạt động kinh doanh của người nợ thuế thì nợ thuế được phân loại thành: nợ có khả năng thu, nợ khó thu và nợ không có khả năng thu.

- Nợ có khả năng thu

Theo thống kê, khoản nợ thuộc nhóm này thường chủ yếu là các khoản nợ mới phát sinh sau thời hạn nộp thuế được quy định tại các văn bản pháp quy về thuế. Do vậy, nợ có khả năng thu được hiểu là số tiền nợ thuế của người nợ thuế được xác định phải nộp vào NSNN nhưng đã hết thời hạn nộp theo quy định của pháp luật mà chưa nộp, đồng thời không thuộc nhóm nợ khó thu và nhóm nợ không có khả năng thu. Tùy thuộc vào tính chất, mục đích thu nợ của từng thời kỳ kinh tế xã hội thì cơ quan thuế có thể tiếp tục chia nợ có khả năng thu hồi thành các loại: nợ thuế chậm nộp dưới 30 ngày, nợ thuế chậm nộp từ 30 ngày đến 90 ngày và nợ thuế quá 90 ngày.

- Nợ khó thu

Theo cách phân loại này, nợ khó thu bao gồm số tiền thuế nợ của người nộp

thuế đang trong giai đoạn bị điều tra, khởi tố hình sự hoặc đang chờ bản án hoặc kết luận của cơ quan pháp luật nên chưa thực hiện được nghĩa vụ nộp thuế hoặc nợ của người nộp thuế ngừng và tạm ngừng hoạt động kinh doanh; nợ đang chờ giải quyết theo Luật phá sản. Khi người nộp thuế rơi vào tình trạng này thì có thể có trường hợp cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản, sổ sách kế toán nên người nộp thuế không thể thực hiện việc nộp thuế hoặc người nộp thuế đã nộp thuế nhưng phải nộp vào tài khoản của cơ quan điều tra nên trên sổ theo dõi thu nộp của cơ quan thuế vẫn báo nợ. Khi người nộp thuế đang bị điều tra, khởi tố liên quan đến nghĩa vụ thuế hoặc không liên quan đến nghĩa vụ thuế thì cơ quan thuế phải tạm thời phân loại các khoản nợ của người nộp thuế này vào nhóm nợ khó thu để chờ kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Đối với người nộp thuế gặp khó khăn về tài chính, hoặc ngừng và tạm ngừng kinh doanh thì việc tiếp xúc với người nộp thuế để thu nợ là khó khăn nên phân loại vào nhóm này để có biện pháp quản lý theo dõi phù hợp. Tương tự, đối với trường hợp nợ đang chờ giải quyết theo Luật phá sản thì số tiền thuế nợ của người nộp thuế đã có quyết định phá sản doanh nghiệp hoặc đang trong thời gian làm thủ tục phá sản doanh nghiệp nhưng chưa làm các thủ tục xử lý nợ theo quy định của pháp luật thì cũng cần được phân vào nhóm này để cơ quan thuế có biện pháp quản lý thích hợp.

- Nợ không có khả năng thu

Việc phân loại nợ vào nhóm này chủ yếu căn cứ vào tình trạng tồn tại của người nộp thuế. Người nộp thuế hầu hết đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc không còn tồn tại trong thực tế, bao gồm các khoản nợ thuộc các trường hợp như nợ của người nộp thuế lâm vào tình trạng giải thể, phá sản nhưng không làm các thủ tục, trình tự giải thể phá sản đúng pháp luật nên chưa có đủ căn cứ pháp lý để xử lý theo quy định của pháp luật. Đặc điểm của trường hợp này là khó khăn về tài chính, kinh doanh thua lỗ dẫn đến không còn khả năng thanh toán. Trường hợp người nộp thuế lâm vào tình trạng giải thể phá sản nhưng đang được cơ quan có thẩm quyền thụ lý để giải quyết cho phép khoan nợ thì cũng phải đưa vào nhóm

này để sau khi có quyết định khoan nợ thì sẽ chuyển sang nhóm nợ không có khả năng thu này.

Ngoài ra, nợ thuế của một loại đối tượng khác cũng có thể coi là không có khả năng thu, đó là nợ thuế của các doanh nghiệp bỏ trốn. Hầu hết đây là các doanh nghiệp ma, chỉ thành lập để mua bán hóa đơn, không thực tế kinh doanh.

b2) Căn cứ vào nội dung nợ của người nộp thuế

Căn cứ vào nội dung các khoản nợ qua kê khai của người nộp thuế, qua công tác thanh tra - kiểm tra của cơ quan thuế thì nợ thuế được chia thành: nợ thuế, phí thông thường; nợ phạt thuế, phí; và nợ thuế, phí truy thu phải nộp sau thanh tra, kiểm tra.

- Nợ thuế, phí thông thường

Nợ trong nhóm này bao gồm các khoản nợ phát sinh từ số thuế, phí phải nộp do người nộp thuế kê khai với cơ quan thuế mà không bao gồm số thuế, phí bị truy thu, bị phạt chậm nộp do cơ quan thuế thanh tra, kiểm tra phát hiện. Thông thường trong nhóm nợ thuế, phí này cũng bao gồm nhiều khoản nợ có tuổi nợ và mức nợ khác nhau do người nộp thuế kê khai với cơ quan thuế và các khoản nợ thuế này được theo dõi trên hồ sơ quản lý đối tượng nộp thuế lưu tại cơ quan thuế.

- Nợ phạt thuế, phí

Theo Luật Quản lý thuế hiện nay thì việc cơ quan thuế xử phạt thuế, phí đối với người nộp thuế vi phạm về thuế thì sẽ có nhiều loại vi phạm tương ứng với từng nội dung vi phạm, tương ứng với đó là các khoản nợ phạt phát sinh cho từng lần vi phạm. Do vậy, trong nhóm nợ phạt thuế, phí này còn có thể chia ra thành các khoản mục nợ: Nợ phạt thiếu thuế phải nộp; nợ phạt trốn thuế; nợ phạt vi phạm thủ tục về thuế. Việc phân loại thành các nhóm nợ nhỏ theo từng loại vi phạm như trên vừa có tác dụng phân loại nợ, vừa có ý nghĩa thống kê vi phạm của người nộp thuế để cơ quan thuế có biện pháp quản lý hiệu quả.

- Nợ thuế, phí truy thu phải nộp sau thanh tra, kiểm tra

Đây là khoản nợ thuế mà cơ quan thuế sau quá trình kiểm tra, thanh tra đã phát hiện thêm số thuế phải nộp mà đơn vị bỏ sót ngoài sổ sách, không kê khai hoặc khai

không chính xác ở tất cả các loại hồ sơ khai thuế trong năm tính thuế. Ở thời điểm cơ quan thuế tiến hành thanh tra, kiểm tra thì theo quy định số thuế này đã phải nộp vào NSNN nhưng có thể đơn vị do vô tình hoặc cố tình đã kê khai sai để trốn thuế. Số thuế này thường được thể hiện trên các biên bản kiểm tra, thanh tra và được các đoàn kiểm tra, thanh tra chốt lại ở thời điểm 31/12 hàng năm để thể hiện tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN của người nộp thuế. Việc thống kê, phân loại nhóm nợ này không phải là chính xác tuyệt đối bởi trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế của cơ quan thuế hàng năm thì không phải tất cả các đối tượng nộp thuế đều được thanh tra, kiểm tra. Do vậy, số nợ thuộc nhóm nợ này chỉ phản ánh được số thuế phát hiện thêm được coi là nợ thuế của những người nộp thuế được thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, việc phân loại này cũng có ý nghĩa quan trọng giúp cơ quan thuế có những biện pháp quản lý thích hợp với nhóm nợ này đồng thời cũng giúp cơ quan thuế đánh giá được các mức độ vi phạm pháp luật thuế của ĐTNТ trong từng thời kỳ cụ thể.

b3) Căn cứ vào thời hạn nợ

- Nợ trong hạn

Nợ thuộc nhóm này bao gồm các khoản nợ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu vẫn còn trong thời hạn nộp thuế. Bên cạnh đó, còn có nợ thuế trong hạn do được gia hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật. Ngoài ra nhằm thực hiện các biện pháp khuyến khích xuất khẩu thì thuế xuất khẩu hoặc nhập khẩu thường được cơ quan quản lý cho phép nộp chậm sau khi khai báo với cơ quan hải quan tại cửa khẩu, do đó các khoản này thường chưa được tính chậm nộp mà phải được theo dõi như là các khoản nợ trong hạn nộp.

- Nợ quá hạn

Nợ trong nhóm này được phân loại như các khoản nợ thông thường theo tiêu thức phân loại theo khả năng thu hồi nợ. Có nghĩa là những khoản nợ đến hạn trả theo quy định của pháp luật hoặc theo thông báo, được ghi trên quyết định của cơ quan thuế đến hạn nộp mà chưa nộp thì được coi là nợ thuế, theo tiêu thức phân loại theo thời gian nợ thì sẽ được coi là nợ quá hạn. Tùy theo từng thời kỳ kinh tế mà

người ta chia thành các khoản nợ nhỏ theo mức nợ, nhóm nợ khác nhau để có biện pháp quản lý phù hợp theo các nhóm ở trên.

b4) Căn cứ vào đối tượng nợ

Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay có nhiều thành phần kinh tế tham gia, góp phần đa dạng hóa nền kinh tế, thúc đẩy quá trình cạnh tranh và là động lực phát triển đất nước. Tuy nhiên, về mặt quản lý của các cơ quan chức năng thì việc có nhiều thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động kinh tế cũng tương ứng với việc quản lý sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp. Việc quản lý thuế nói chung và quản lý nợ thuế nói riêng cũng không phải là ngoại lệ. Vì vậy, căn cứ vào đối tượng nợ thuế thì người ta có thể chia thành các nhóm nợ khác nhau như sau:

- *Nợ thuế của doanh nghiệp nhà nước*
- *Nợ thuế của doanh nghiệp ngoài quốc doanh*
- *Nợ thuế của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*
- *Nợ thuế của hộ kinh doanh cá thể*
- *Nợ thuế thu nhập của cá nhân*
- *Nợ thuế của các đối tượng khác*

Việc phân loại này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá mức độ nợ thuế của từng loại hình người nộp thuế. Từ đó có biện pháp, chính sách để khuyến khích các loại hình doanh nghiệp phát triển, đồng thời nghiên cứu những bất cập của nhóm nợ khác để có phương pháp quản lý hoặc xử lý phù hợp.

b5) Căn cứ vào tính chất nợ

- Nợ chờ xử lý

Khác với việc phân loại nợ theo các nhóm trên thì nợ chờ xử lý căn cứ vào tính chất của khoản nợ và áp dụng đối với ĐTNT đang tồn tại để phân loại. Do vậy, các khoản nợ thuộc các trường hợp được đưa vào nhóm nợ chờ xử lý để theo dõi thường bao gồm:

Thứ nhất, nợ đang chờ điều chỉnh: Là số tiền nợ thuế của người nộp thuế do người nộp thuế hoặc cơ quan thuế có sai sót khi kê khai thuế, tính thuế đang làm thủ

tục để điều chỉnh lại hoặc do tạm tính số thuế phải nộp cao hơn số phát sinh. Tức là, số tiền nợ do người nộp thuế đã kê khai số thuế tạm nộp hàng kỳ theo quy định nhưng thực tế thuế phát sinh phải nộp thấp hơn so với số thuế đã kê khai tạm nộp, đang làm thủ tục điều chỉnh lại. Ngoài ra, trong nhóm này còn có số tiền nợ do chúng từ luân chuyển chậm hoặc thất lạc, tiền thuế đã nộp vào tài khoản thu NSNN nhưng do chúng từ luân chuyển chưa kịp thời hoặc thất lạc nên trên sổ thuế vẫn ghi nợ.

Thứ hai, nợ đang xử lý miễn, giảm, xóa nợ: là số tiền nợ thuế của người nộp thuế đang trong thời gian làm các thủ tục tại cơ quan thuế để được xử lý miễn, giảm, xóa nợ theo quy định của pháp luật về thuế; cá nhân được cơ quan pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt còn nợ; nợ của người nộp thuế bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của Luật phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt. Khi người nộp thuế đang có nợ thuế do đến kỳ phải thực hiện kê khai thuế đúng hạn nhưng theo quy định của pháp luật về thuế họ sẽ được miễn, giảm hoặc được xử lý cho ghi thu, ghi chi và đang làm thủ tục thì tạm thời đưa vào nhóm nợ chờ xử lý này để theo dõi chứ không áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu nợ.

Thứ ba, theo quy định của pháp luật về thuế và xử lý khiếu nại tố cáo thì trong quá trình khiếu nại khi cơ quan có thẩm quyền chưa ra quyết định xử lý, người nộp thuế vẫn phải nộp các khoản thuế vào NSNN. Do đó, phát sinh thêm khoản nợ chờ xử lý do khiếu nại của người nộp thuế, xử lý thoái trả tiền thuế khi có quyết định chính thức của cơ quan có thẩm quyền thì nợ này được đưa vào một trong hai nhóm nợ có khả năng thu hoặc nợ không có khả năng thu.

Thứ tư, nợ đang được khoan nợ, giãn nợ là số tiền thuế nợ của người nộp thuế đã được xử lý cho khoan nợ, giãn nợ hoặc đang trong thời hạn làm các thủ tục tại cơ quan thuế đã được xử lý giãn nợ theo quy định.

- Nợ thông thường

Là số tiền nợ thuế của người nộp thuế được xác định phải nộp vào NSNN nhưng đã hết hạn nộp theo quy định của pháp luật về thuế mà chưa nộp vào NSNN và không thuộc các trường hợp thuộc nhóm nợ chờ xử lý nêu trên.

- Nợ khó thu

Tương tự cách phân loại vào khả năng thu hồi nợ của đối tượng nợ thì khó thu bao gồm nợ của các đối tượng giải thể, phá sản hoặc đang trong giai đoạn thực hiện các thủ tục giải thể, phá sản để giải quyết nợ theo trình tự của thủ tục giải thể, phá sản doanh nghiệp; hoặc nợ của đối tượng bỏ trốn, mất tích; của đối tượng bị khởi tố là số tiền thuế nợ của ĐTNT đang trong giai đoạn bị điều tra, khởi tố hình sự liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế, đang thi hành án, đang chờ bản án hoặc kết luận của cơ quan pháp luật.

Đối với những người nộp thuế rơi vào tình trạng này thì việc thu nợ sẽ gặp nhiều khó khăn, người nộp thuế thường không có tiền trả nợ thuế hoặc không tìm được chủ doanh nghiệp, khi đó cơ quan thuế sẽ phải phụ thuộc vào kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền khác, do đó sẽ không chủ động trong việc đưa ra các biện pháp thu nợ kịp thời. Chính vì vậy, việc phân loại các nhóm nợ này có ý nghĩa quan trọng trong việc quản lý nợ đối với những trường hợp người nộp thuế rơi vào tình trạng này.

1.1.2. Khái niệm quản lý nợ thuế

1.1.2.1. Khái niệm

Để hiểu một cách thật rõ nét về quản lý nợ thuế, trước tiên tác giả tìm hiểu những khái niệm về quản lý và quản lý thuế nói chung. Theo các nhà kinh tế học cổ điển, “quản lý” được định nghĩa là “một tiến trình bao gồm tất cả các khâu: lập kế hoạch, tổ chức, phân công điều khiển và kiểm soát các nỗ lực của cá nhân, bộ phận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất khác của tổ chức để đạt được mục tiêu đã đề ra” (Henry Fayol) [14.,21]. Kinh tế học hiện đại tiếp cận quản lý cho rằng: quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý thông qua các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát để đạt được mục tiêu đã đặt ra trong điều kiện môi trường luôn biến động.

Như vậy, gắn với khái niệm thuế, quản lý thuế là một hệ thống những quá trình có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm mục tiêu đảm bảo thu thuế đúng, đủ và công bằng trên cơ sở quy định của pháp luật thuế, bao gồm các hoạt động thu nhận

hồ sơ khai thuế, tính toán số thuế phải nộp, đôn đốc thu nộp thuế và tuyên truyền, tư vấn cho người nộp thuế - Theo Tổng cục thuế Latvia. Từ quan điểm trên có thể hiểu quản lý thuế dưới ba góc độ: Quản lý thuế là quá trình vận dụng bản chất, chức năng của thuế để hoạch định chính sách (chính sách điều tiết qua thuế và chính sách quản lý); Là quá trình xây dựng tổ chức bộ máy ngành thuế và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý; Là việc vận dụng các biện pháp tác động tới quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế gồm tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, thanh tra, kiểm tra thuế...

Quản lý nợ thuế là một trong những hoạt động của công tác quản lý thuế nói chung. Có vai trò cần thiết và quan trọng, quản lý nợ thuế giúp đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tiền thuế vào NSNN, tăng cường hiệu quả của công tác quản lý thuế. Vậy quản lý nợ thuế là gì? Sau quá trình tìm hiểu, tác giả đưa ra khái niệm về quản lý nợ thuế như sau: Quản lý nợ thuế là công việc theo dõi, nắm bắt thực trạng nợ thuế và các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý và thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi số thuế nợ của người nộp thuế.

Nội dung của công tác quản lý nợ thuế bao gồm: Theo dõi, phân tích số thuế nợ của người nộp thuế theo từng loại thuế, mức nợ, tuổi nợ; Kết hợp phân tích nợ với phân tích thông tin về sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của người nộp thuế để xây dựng kế hoạch, biện pháp tổ chức thu nợ, áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế phù hợp; Giám sát chặt chẽ, có biện pháp kịp thời để đôn đốc, xử phạt nợ thuế theo quy định của Luật thuế; Tổ chức cưỡng chế nợ thuế.

1.1.2.2. Vai trò của công tác quản lý nợ thuế

Quản lý nợ thuế có vai trò quan trọng trong công tác quản lý thuế cũng như có vai trò trong hoạt động kinh tế xã hội. Cụ thể là:

Thứ nhất, quản lý nợ thuế để quản lý, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ của ĐTNT, đảm bảo người nộp thuế nộp các khoản thuế đầy đủ, kịp thời vào NSNN; đảm bảo công bằng xã hội khi các cơ sở kinh doanh cùng phát sinh nghĩa vụ thuế thì phải nộp vào NSNN đúng hạn.

Thứ hai, quản lý nợ thuế để đảm bảo quản lý tất cả các khoản thu của Nhà nước, chống thất thoát NSNN. Quản lý nợ đảm bảo các chính sách thuế được thực hiện đúng và triệt để thông qua việc cơ quan thuế có các tác động, can thiệp kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi vi phạm thời hạn nộp thuế nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của người nộp thuế.

Thứ ba, việc quản lý nợ thuế để đảm bảo cơ quan thuế có biện pháp thu nợ phù hợp, hiệu quả; mặt khác quản lý nợ là một thước đo để đánh giá hiệu quả của công tác quản lý thu thuế, góp phần nâng cao hiệu quả của các chức năng khác như: thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế.

1.1.2.3. Yêu cầu của công tác quản lý nợ thuế

Quản lý nợ thuế phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Thứ nhất, trong quản lý thuế nói chung và quản lý nợ thuế nói riêng thì yêu cầu cơ bản và quan trọng nhất của công tác này là phải quản lý đầy đủ, không bỏ sót các khoản thu của NSNN, vì nếu quản lý không chặt chẽ, không bao quát hết các khoản thu sẽ gây thất thu cho NSNN, khi đó sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế thuế.

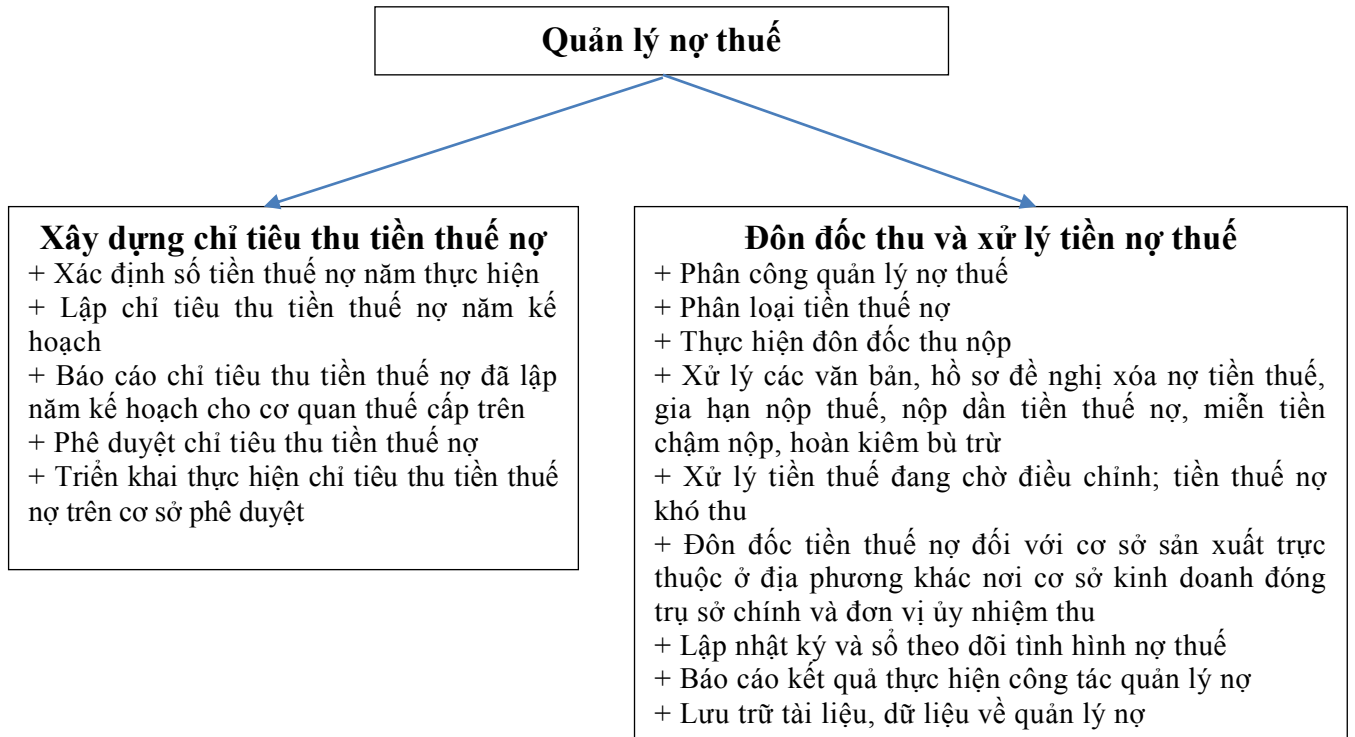
Thứ hai, phải đảm bảo xác định và phân loại chính xác các khoản nợ để cơ quan thuế có các biện pháp quản lý phù hợp. Để thực hiện yêu cầu này, bên cạnh việc phân loại nợ theo các tiêu thức đã trình bày ở phần trên thì các tiêu thức phân loại phải được kết hợp với nhau một cách hợp lý; qua đó cơ quan thuế sẽ đánh giá, xem xét và đưa ra các biện pháp thu nợ phù hợp với từng ngành nghề, lĩnh vực, trong từng thời kỳ phát triển kinh tế xã hội.

Thứ ba, phải đảm bảo thu nợ kịp thời, tránh thất thu NSNN. Yêu cầu này là yêu cầu xuyên suốt của công tác quản lý nợ thuế và là mục tiêu của công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế trong toàn ngành nói chung và của Cục thuế tỉnh Hải Dương nói riêng.

1.2. Nội dung quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp

Nội dung của quản lý nợ thuế được quy định cụ thể trong Quyết định số 1401/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế của Tổng cục trưởng

Tổng cục thuế ngày 28/07/2015. Cụ thể các nội dung của quản lý nợ thuế được thể hiện qua sơ đồ sau:



1.2.1. Xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ

1.2.1.1. Xác định số tiền thuế nợ năm thực hiện

Bộ phận quản lý nợ là đầu mối tham mưu giúp lãnh đạo cơ quan thuế giao chỉ tiêu thu nợ cho các bộ phận trong cơ quan thuế. Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ tại các cấp đơn vị có nhiệm vụ xác định các chỉ tiêu thực hiện đến thời điểm lập chỉ tiêu thu nợ. Thời gian xác định là tháng 11 hàng năm; số liệu về tiền thuế nợ được xác định căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/10. Trên cơ sở chỉ tiêu thu nợ do cơ quan thuế cấp trên giao và số liệu, tình hình tiền thuế nợ tại các báo cáo theo mẫu 01/QLN, 02/QLN, 05/QLN, 13/QLN qui định tại Quyết định số 1401/QĐ-TCT, phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ tại các cấp đơn vị dùng làm căn cứ để lập báo cáo, phân tích, tổng hợp, phân loại kết quả thực hiện thu tiền thuế nợ 10 tháng trên địa bàn theo mẫu 04/QLN. Sau khi đã xác định số tiền thuế nợ đến thời điểm 31/10 hàng năm, cơ quan thuế tiếp tục tiến hành phân tích tình hình nợ thuế các tháng cuối năm dựa trên các báo cáo số tiền thuế nợ năm trước để dự kiến tiền thuế nợ của 3

tháng cuối năm. Đặc biệt tập trung phân tích danh sách người nộp thuế có số tiền thuế nợ lớn lập theo mẫu số 13/QLN. Cuối cùng, căn cứ tiền thuế nợ năm trước và tiền thuế nợ tại thời điểm lập chỉ tiêu thu tiền thuế nợ, theo đó, phân tích, đánh giá khả năng thu và xử lý các khoản tiền thuế nợ để dự báo số tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12 năm thực hiện.

1.2.1.2. Lập chỉ tiêu thu tiền thuế nợ năm kế hoạch

Cơ quan thuế căn cứ vào số tiền thuế nợ năm thực hiện đã được xác định và chỉ tiêu thu tiền thuế nợ cơ quan thuế cấp trên hướng dẫn hàng năm làm cơ sở phân tích, dự báo tình hình kinh tế, các chính sách về quản lý nợ mới ban hành, từ đó đề xuất chỉ tiêu thu tiền thuế nợ cho năm kế hoạch. Đồng thời, đề ra các biện pháp để thực hiện các chỉ tiêu thu tiền thuế nợ đã xác định.

1.2.1.3. Báo cáo chỉ tiêu thu tiền thuế nợ

Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm báo cáo chỉ tiêu thu tiền thuế nợ đã lập về cơ quan thuế cấp trên hàng năm. Đối với Chi cục Thuế lập và gửi báo cáo về Cục Thuế trước ngày 05/12. Đối với Cục Thuế lập và gửi báo cáo về Tổng cục Thuế trước ngày 10/12.

1.2.1.4. Phê duyệt chỉ tiêu thu tiền thuế nợ

Căn cứ vào kết quả tổng hợp của các Cục Thuế đã báo cáo, Tổng cục Thuế phê duyệt chỉ tiêu thu tiền thuế nợ giao cho các Cục Thuế chậm nhất là ngày 31/12 hàng năm. Theo đó, Cục thuế căn cứ vào chỉ tiêu do Tổng cục Thuế giao và kết quả đã tổng hợp, giao chỉ tiêu thu tiền thuế nợ cho phòng quản lý nợ, các phòng tham gia thực hiện quy trình, các Chi cục Thuế chậm nhất là ngày 31/01 năm tiếp theo và báo cáo kết quả về Tổng cục Thuế.

1.2.1.5. Triển khai thực hiện chỉ tiêu thu tiền thuế nợ

Phòng quản lý nợ có nhiệm vụ xây dựng chỉ tiêu đối với toàn bộ số tiền thuế nợ do Cục Thuế quản lý. Đồng thời, phòng quản lý nợ có trách nhiệm trình lãnh đạo Cục Thuế giao chỉ tiêu thu tiền thuế nợ cho phòng quản lý nợ, các phòng tham gia thực hiện quy trình và các Chi cục Thuế. Sau khi được Cục thuế giao chỉ tiêu, phòng tiến hành giao nhiệm vụ thu tiền thuế nợ cho các công chức thuộc phòng.

Đối với các phòng tham gia thực hiện quy trình quản lý nợ thuế khi đến thời điểm 31/10 có trách nhiệm phối hợp xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ để báo cáo về Cục thuế. Sau khi nhận được chỉ tiêu do Cục thuế giao, trưởng phòng tiến hành giao nhiệm vụ thu tiền thuế nợ cho công chức thuộc phòng quản lý.

Các Chi cục Thuế căn cứ vào chỉ tiêu thu nợ do Cục Thuế giao, giao chỉ tiêu thu tiền thuế nợ cho đội quản lý nợ và các đội tham gia thực hiện quy trình, sau đó báo cáo kết quả về Cục Thuế.

Tại Đội quản lý nợ, nhiệm vụ trước tiên là xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ đối với toàn bộ số tiền thuế nợ do Chi cục Thuế quản lý; Dự kiến, trình lãnh đạo Chi cục Thuế giao chỉ tiêu thu tiền thuế nợ cho đội quản lý nợ, các đội tham gia thực hiện quy trình. Sau đó, trưởng đội giao nhiệm vụ thu tiền thuế nợ cho công chức thuộc đội quản lý nợ.

Đối với các đội tham gia thực hiện quy trình quản lý nợ có nhiệm vụ tham gia xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ và giao nhiệm vụ thu tiền thuế nợ cho công chức thuộc đội quản lý.

1.2.2. Đôn đốc thu và xử lý tiền thuế nợ

1.2.2.1. Phân công quản lý nợ thuế

Quyết định số 1401/QĐ-TCT của Tổng cục thuế ban hành ngày 28/07/2015 hướng dẫn rõ ràng các cấp được phân công quản lý nợ thuế. Đối với doanh nghiệp: Phân công quản lý nợ thuế cho công chức có kinh nghiệm thuộc bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận tham gia thực hiện quy trình theo loại hình doanh nghiệp, sắc thuế, ngành nghề, địa bàn hành chính, địa bàn thu và theo các phương thức phù hợp khác. Công chức quản lý nợ theo địa bàn thu như: phường, xã, thị trấn; bến tàu; bến xe; chợ... được phân công quản lý nợ thuế đối với hộ kinh doanh và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN. Các đơn vị chủ trì cuộc thanh tra có trách nhiệm đôn đốc các khoản tiền thuế ghi trên quyết định xử lý vi phạm về thuế qua thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đã ban hành. Đồng thời, thông báo cho bộ phận quản lý nợ ngay sau khi ban hành quyết định xử lý vi phạm về thuế (bản sao) để tổ chức xác minh thông tin và thực hiện cưỡng chế khi trường hợp này quá thời hạn

ghi trên quyết định mà NNT chưa nộp. Các bộ phận được giao nhiệm vụ quản lý thu tiền thuế nợ đôn đốc các khoản tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp từ 1 đến 90 ngày. Trường hợp đã quá thời hạn 60 ngày trở lên thì thông báo cho bộ phận quản lý nợ tổ chức xác minh thông tin để thực hiện cưỡng chế khi các khoản tiền thuế nợ này quá thời hạn nộp từ ngày thứ 91. Hàng tháng, sau ngày khoá sổ thuế 01 ngày làm việc, trưởng phòng, đội trưởng đội quản lý nợ và trưởng phòng, đội trưởng đội tham gia thực hiện quy trình có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở công chức quản lý nợ thực hiện quy trình. Đối với NNT mới phát sinh tiền thuế nợ, cơ quan thuế thực hiện phân công cho các phòng, đội và công chức theo quy định.

1.2.2.2. Phân loại tiền thuế nợ

Hàng ngày, ngay khi nhận được hồ sơ và các tài liệu liên quan đến việc thay đổi tính chất nợ của NNT, công chức quản lý nợ và công chức tham gia thực hiện quy trình căn cứ tiêu thức phân loại tiền thuế nợ và hồ sơ nhận được, để phân loại tính chất theo từng khoản nợ, nhóm nợ, nhằm phản ánh kịp thời các thay đổi liên quan đến tính chất nợ. Kết quả phân loại tiền thuế nợ hàng tháng sẽ được chốt cùng thời điểm khoá sổ thuế, là căn cứ để thực hiện các biện pháp đôn đốc; báo cáo và tính tiền chậm nộp của kỳ báo cáo đã khoá sổ. Bộ phận kê khai và kế toán thuế có trách nhiệm cung cấp hồ sơ liên quan đến việc cập nhật trạng thái của NNT trên ứng dụng quản lý thuế để bộ phận quản lý nợ có cơ sở phân loại tiền thuế nợ. Đối với khoản nợ đã được phân loại vào nhóm tiền thuế nợ đang xử lý, tiền thuế không tính tiền chậm nộp bộ phận quản lý nợ thông báo cho bộ phận kiểm tra, kê khai và kế toán thuế để không thực hiện thanh toán, bù trừ. Việc hủy các cặp giao dịch đã bù trừ chỉ được thực hiện vào các ngày trong tháng chưa khoá sổ thuế. Sau thời điểm khoá sổ không được phép thực hiện hủy bù trừ. Nếu phát hiện sai sót công chức quản lý nợ phối hợp với công chức bộ phận kê khai và kế toán thuế thực hiện điều chỉnh dữ liệu.

1.2.2.3. Thực hiện đôn đốc thu nợ

Việc đôn đốc thu nợ đối với từng loại tiền thuế nợ được quy định cụ thể trong QĐ số 1401/QĐ-TCT. Đối với khoản nợ từ 01 đến 30 ngày công chức quản lý nợ

thực hiện đơn đốc bằng điện thoại hoặc qua hình thức nhắn tin và gửi thư điện tử nếu được NNT đồng ý.

Đối với khoản nợ từ ngày thứ 31 trở lên công chức quản lý nợ lập thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp theo mẫu số 07/QLN trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế, trình lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt, sau đó gửi Thông báo 07/QLN cho NNT. Nếu NNT phản ánh về số liệu tiền thuế nợ tại Thông báo 07/QLN không chính xác thì công chức quản lý nợ hoặc công chức tham gia thực hiện quy trình phối hợp với NNT để đối chiếu số liệu và ban hành lại Thông báo 07/QLN.

Đối với khoản tiền thuế nợ quá thời hạn nộp từ 61 ngày công chức thuộc bộ phận quản lý nợ thực hiện xác minh thông tin để thực hiện cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền thuế nợ trên 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế; khoản tiền thuế nợ đã quá thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn không tính tiền chậm nộp; NNT có hành vi bỏ địa chỉ kinh doanh, tẩu tán tài sản; NNT không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế; bộ phận quản lý nợ trình thủ trưởng cơ quan thuế ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp cưỡng chế phù hợp.

Hàng tháng, cơ quan thuế thực hiện công khai thông tin người nợ thuế theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 và lập báo cáo tình hình công khai thông tin người nợ thuế theo mẫu số 13/QLN. Việc xử lý đối với các khoản nợ không ban hành thông báo 07/QLN được quy định tại điểm 3, mục II, phần II của QĐ số 1401/QĐ-TCT.

1.2.2.4. Xử lý các văn bản, hồ sơ đề nghị xoá nợ tiền thuế, gia hạn nộp thuế, nộp dần tiền thuế nợ, miễn tiền chậm nộp, hoàn kiêm bù trừ

Đối với các trường hợp thuộc đối tượng được xoá nợ tiền thuế theo quy định thì cơ quan thuế tiến hành lập và thẩm định hồ sơ đề nghị xoá nợ. Khi có quyết định xoá nợ của cơ quan có thẩm quyền, bộ phận quản lý nợ thực hiện gửi bản sao cho bộ phận kê khai và kế toán thuế để điều chỉnh giảm số tiền thuế nợ trên ứng dụng

quản lý thuế và đăng tải trên trang thông tin điện tử ngành thuế. Bộ phận quản lý nợ có trách nhiệm lưu toàn bộ hồ sơ liên quan đến xóa nợ thuế cho NNT.

Trường hợp NNT thuộc diện được gia hạn nộp thuế, nộp dần tiền thuế nợ, miễn tiền chậm nộp, không tính tiền chậm nộp, bộ phận quản lý nợ thuế nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế trình lãnh đạo cơ quan thuế ký duyệt. Khi có quyết định gia hạn nộp thuế của cơ quan có thẩm quyền, bộ phận quản lý nợ Gửi bản sao quyết định cho bộ phận kê khai và kế toán thuế để điều chỉnh lại hạn nộp cho khoản nợ thuế được gia hạn vào ứng dụng quản lý thuế và thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử ngành thuế. Bộ phận quản lý nợ có trách nhiệm lưu toàn bộ hồ sơ liên quan đến xóa nợ thuế cho NNT.

NNT thuộc diện thu tiền thuế nợ thông qua hoàn thuế kiêm bù trừ thu NSNN, bộ phận quản lý nợ thực hiện xác nhận tình trạng nợ thuế căn cứ vào số tiền thuế nợ đang theo dõi trên ứng dụng tại cơ quan thuế và chuyển phiếu xác nhận tình trạng nợ thuế cho bộ phận giải quyết hồ sơ hoàn thuế để có cơ sở lập Quyết định hoàn trả kiêm bù trừ thu NSNN.

1.2.2.5. Xử lý tiền thuế đang chờ điều chỉnh; tiền thuế nợ khó thu

Tiền thuế đang chờ điều chỉnh do sai sót từ phía người nộp thuế, do KBNN, NHTM, hoặc do cơ quan thuế, bộ phận quản lý nợ thuế cần báo cáo cho bộ phận kê khai và kế toán thuế nhanh chóng đối chiếu và điều chỉnh.

Đối với các khoản tiền thuế chờ điều chỉnh do chứng từ luân chuyển chậm hoặc thất lạc, bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận tham gia thực hiện quy trình thông báo cho bộ phận kê khai và kế toán thuế, bộ phận kiểm tra thuế để xác định chứng từ nộp thuế của NNT tại KBNN, NHTM để điều chỉnh giảm số tiền thuế nợ của NNT trên ứng dụng quản lý thuế.

Đối với các khoản nộp được thực hiện bằng hình thức ghi thu - ghi chi qua ngân sách, bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận tham gia thực hiện quy trình đề nghị bộ phận kê khai và kế toán thuế, kiểm tra thuế xác định thời hạn nộp ngân sách, theo đó điều chỉnh lại thời hạn nộp thuế trên ứng dụng quản lý thuế.

Bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận tham gia thực hiện quy trình phối hợp với

bộ phận kê khai và kế toán thuế phát hiện các khoản nợ chênh lệch do nguyên nhân từ quá trình nâng cấp ứng dụng quản lý thuế, chuyển bộ phận tin học để tiến hành sửa lỗi ứng dụng kịp thời.

Các khoản tiền thuế nợ khó thu, bộ phận công chức quản lý nợ phải báo cáo lãnh đạo cơ quan thuế và gửi thông báo tới các cơ quan chức năng liên quan để xác minh thông tin. Sau khi trình lãnh đạo cơ quan thuế phê duyệt biện pháp đôn đốc hoặc xử lý tiền thuế nợ, công chức quản lý nợ tiến hành thực hiện đôn đốc thu tiền thuế nợ. Tiền thuế nợ đã áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế và đã trên 10 năm: công chức quản lý nợ lập hồ sơ đề nghị xoá nợ tiền thuế.

1.2.2.6. Đôn đốc tiền thuế nợ đối với cơ sở sản xuất trực thuộc ở địa phương khác nơi cơ sở kinh doanh đóng trụ sở chính và đơn vị ủy nhiệm thu

Đối với khoản nợ của cơ sở sản xuất trực thuộc ở địa phương khác nơi cơ sở kinh doanh đóng trụ sở chính, sau khi phân loại tiền thuế nợ, cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính thực hiện đôn đốc và tính tiền chậm nộp đối với toàn bộ nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính, bao gồm nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính và nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất trực thuộc tại địa bàn tỉnh/thành phố khác nơi đóng trụ sở chính. Bộ phận kê khai và kế toán thuế hạch toán, trừ nợ kịp thời cho NNT khi NNT cung cấp chứng từ chứng minh đã nộp tiền thuế cho nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất trực thuộc.

Cơ quan thuế nơi cơ sở sản xuất trực thuộc phối hợp với cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính theo dõi và đôn đốc việc nộp tiền thuế vào NSNN đối với nghĩa vụ thuế của cơ sở sản xuất trực thuộc trên địa bàn. Bộ phận kê khai và kế toán thuế thực hiện luân chuyển kịp thời chứng từ nộp thuế của các cơ sở sản xuất trực thuộc về cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ sở sản xuất kinh doanh tại trụ sở chính theo quy định để hạch toán trừ nợ cho NNT.

Đối với các đơn vị được ủy nhiệm thu căn cứ vào biên lai thuế, giấy nộp tiền vào ngân sách thực hiện kế toán thuế. Nếu phát hiện vẫn còn tiền thuế nợ, thì đề xuất biện pháp đôn đốc thu tiền thuế nợ này. Đội thuế liên xã, phường, thị trấn

ngoài nhiệm vụ hướng dẫn, quản lý việc thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của ủy nhiệm thu thuế còn phải thực hiện kiểm tra, giám sát công tác đôn đốc thu tiền thuế nộp của ủy nhiệm thu và thực hiện đôn đốc, cưỡng chế nợ thuế đối với NNT nộp thuế qua ủy nhiệm thu.

1.2.2.7. Lập nhật ký và sổ theo dõi tình hình nợ thuế

Khi NNT phát sinh nợ thuế, công chức quản lý nợ hoặc công chức tham gia thực hiện quy trình lập và ghi nhật ký theo dõi tiền thuế nợ của NNT theo mẫu số 08/QLN ban hành kèm theo quy trình.

Nhật ký theo dõi tiền thuế nợ được lập riêng cho từng NNT để theo dõi từng khoản tiền thuế nợ. Sau mỗi biện pháp đôn đốc, xử lý nợ thuế, công chức quản lý nợ hoặc công chức tham gia thực hiện quy trình thực hiện ghi nhật ký.

Hàng tháng, sau khi lập nhật ký, công chức quản lý nợ hoặc công chức tham gia thực hiện quy trình chuyển cho công chức được giao nhiệm vụ tổng hợp của bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận tham gia thực hiện quy trình tổng hợp theo mẫu số 09/QLN ban hành kèm theo quy trình. Công chức được giao nhiệm vụ tổng hợp của các bộ phận tham gia thực hiện quy trình chuyển phòng quản lý nợ hoặc đội quản lý nợ tổng hợp theo mẫu số 09/QLN trên địa bàn quản lý. Đối với các đơn vị đã triển khai ứng dụng quản lý nợ thuế, công chức quản lý nợ phải nhập các dữ liệu kịp thời, theo dõi quá trình tự động lập và ghi nhật ký tại ứng dụng này.

1.2.2.8. Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ

Định kỳ hàng tháng, cơ quan thuế cấp dưới lập và gửi báo cáo lên cơ quan thuế cấp trên. Thời hạn gửi báo cáo hàng tháng là ngay sau ngày khóa sổ thuế một ngày làm việc, Trường hợp thời hạn gửi báo cáo trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo.

Đối với báo cáo ước số tiền thuế nợ hàng tháng, cơ quan thuế tổ chức đánh giá, ước tính kịp thời số tiền thuế nợ tại thời điểm ngày cuối tháng trước, lập báo cáo tổng hợp phân loại tiền thuế nợ theo cơ quan thuế theo mẫu số 01/QLN và báo cáo kết quả thu tiền thuế nợ theo mẫu số 05/QLN, gửi về Tổng cục Thuế vào ngày cuối cùng của tháng.

Báo cáo được gửi qua thư điện tử (Email) hoặc truyền qua hệ thống ứng dụng quản lý thuế. Riêng đối với báo cáo tháng 12 hàng năm: cơ quan thuế cấp dưới gửi lên cơ quan thuế cấp trên bằng ba hình thức: thư điện tử (Email), truyền qua hệ thống ứng dụng quản lý thuế và bằng văn bản (có ký tên, đóng dấu của thủ trưởng cơ quan thuế).

1.2.2.9. Lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ

Bộ phận quản lý nợ lưu trữ các báo cáo của cơ quan thuế đã gửi lên cơ quan thuế cấp trên. Đối với các báo cáo gửi bằng hình thức điện tử, nhật ký theo dõi tiền thuế nợ của NNT và sổ tổng hợp theo dõi tiền thuế nợ: lưu trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế tại cơ quan thuế các cấp quản lý NNT.

Bộ phận quản lý nợ và tham gia thực hiện quy trình có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ bao gồm: thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp, các quyết định, thông báo áp dụng các biện pháp đôn đốc thu tiền thuế nợ và xử lý nợ, quyết định xóa nợ, văn bản chấp thuận gia hạn nộp thuế, các giấy tờ, sổ sách, tài liệu khác liên quan đến tình hình nợ thuế của NNT. Bộ phận tin học thực hiện lưu trữ, đảm bảo an toàn bảo mật đối với dữ liệu đã xử lý vào cơ sở dữ liệu trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế bao gồm toàn bộ báo cáo, nhật ký, sổ tổng hợp, Thông báo 07/QLN.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ thuế

1.3.1. Nhóm yếu tố từ phía cơ quan quản lý thuế

Thứ nhất, chính sách và pháp luật thuế là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ thuế. Chính sách và pháp luật thuế phải đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế nền kinh tế và xã hội. Sự đồng bộ và thống nhất trong chính sách, pháp luật là kim chỉ nam cho các hoạt động quản lý của cơ quan thuế, đồng thời tạo môi trường thuận lợi, lành mạnh để người dân thực thi pháp luật thuế. Các chính sách thuế còn phải có sự linh hoạt nhất định đối với hoàn cảnh thực tiễn của nền kinh tế xã hội mới thúc đẩy và tạo đà cho việc thực hiện luật thuế cũng như công tác quản lý nợ thuế diễn ra hiệu quả. Điển hình trong những trường hợp người nộp thuế không có khả năng nộp thuế, nợ đọng kéo dài nhưng cơ quan thuế vẫn tính phạt nộp chậm lại càng làm cho số nợ đọng tăng lên, sẽ càng làm cho việc quản lý thu nợ gặp

hiều khó khăn. Khi đó việc đánh giá hiệu quả công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế lại càng không chính xác.

Thứ hai, quy trình quản lý nợ thuế của cơ quan thuế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý nợ thuế. Quy trình quản lý nợ thuế hợp lý hay không hợp lý sẽ có tác động trực tiếp đến hiệu quả công tác quản lý nợ thuế vì nó quyết định thao tác nghiệp vụ của cán bộ thuế.

Thứ ba, cơ sở vật chất, trang thiết bị ngành thuế, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ quản lý thuế như hệ thống phần mềm hỗ trợ về kê khai kế toán thuế, quản lý nợ thuế, các phần mềm tin học hỗ trợ cũng là yếu tố quan trọng tác động đến công tác quản lý nợ. Sự hỗ trợ của các phần mềm quản lý thuế quyết định một phần hiệu quả các thao tác nghiệp vụ của cán bộ quản lý nợ thuế. Vì vậy, được trang bị hệ thống cơ sở vật chất tốt sẽ giúp cán bộ thuế nâng cao hiệu quả quản lý, rút ngắn thời gian đối với thao tác hành chính rườm rà.

Thứ tư, trình độ nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của cán bộ làm công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế. Con người luôn là nhân tố quyết định đến mọi thành bại của quản lý. Quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế cũng không nằm ngoài quy luật này. Do vậy trình độ của các cán bộ thuế trong công tác quản lý nợ thuế có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của công tác thu hồi nợ, hoàn thiện hơn công tác quản lý nợ.

1.3.2. Nhóm yếu tố từ phía người nộp thuế

Thứ nhất, ý thức của người nộp thuế tác động đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước của người nộp thuế. Nhận thức được nghĩa vụ nộp thuế của mình không. Ý thức chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật thuế nói riêng tỷ lệ thuận với ý thức và trách nhiệm nộp thuế. Khi người dân có ý thức chấp hành luật thuế tốt, họ sẽ tự giác trong kê khai, nộp thuế; hành vi trốn thuế sẽ ít xảy ra. Từ đó, công tác quản lý thu thuế sẽ gặp nhiều thuận lợi và đạt kết quả tốt hơn. Nếu người dân có ý thức chấp hành luật thuế kém sẽ tìm mọi cách trốn, tránh thuế nhằm làm giảm nghĩa vụ thuế dẫn đến làm giảm hiệu quả của công tác quản lý thu thuế. Thực tế, khi người dân nhận thức được quyền lợi họ sẽ được hưởng những hàng hóa, dịch vụ

công cộng mà Nhà nước cung cấp họ sẽ thấy rõ hơn trách nhiệm của mình đối với Nhà nước là đóng thuế cho nhà nước. Vì vậy, công tác tuyên giáo, tuyên truyền tốt có thể nâng cao được nhận thức của người dân và cải thiện tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

Thứ hai, sự hiểu biết của người nộp thuế về luật thuế, những yêu cầu của luật thuế, thủ tục hoàn thành nghĩa vụ thuế tác động tới việc thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước. Người nộp thuế có ý thức tuân thủ luật thuế nhưng thiếu sự hiểu biết về luật, các yêu cầu của luật thuế và thủ tục hoàn thành luật thuế dẫn đến sai sót trong quá trình tuân thủ luật thuế. Điều này làm gia tăng tỷ lệ lỗi trong kê khai và thanh toán thuế, tăng chi phí tuân thủ thuế và cản trở sự tuân thủ. Đặc biệt ở các nước đang phát triển, trình độ và các kiến thức cơ bản về pháp luật thuế, kế toán thuế của người nộp thuế còn hạn chế dẫn tới nhiều khó khăn trong công tác quản lý thuế nói chung và quản lý nợ thuế nói riêng.

1.3.3. Nhóm yếu tố từ môi trường kinh tế - xã hội

Thứ nhất, tình hình kinh tế xã hội có ảnh hưởng nhất định đến công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế. Giả sử khi tỷ lệ lạm phát tăng cao, khi đó Chính phủ sẽ phải thực hiện các chính sách tiền tệ thắt chặt, áp dụng mức lãi suất tín dụng cao sẽ làm cho giá cả các mặt hàng, nguyên liệu đầu vào tăng. Điều này sẽ làm cho chi phí sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp tăng làm cho hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp giảm nhiều, dẫn đến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn không có khả năng nộp thuế đúng thời hạn hoặc cố tình chây ì nộp thuế dù biết có thể bị phạt chậm nộp từ phía cơ quan thuế.

Thứ hai, đặc điểm của nền kinh tế cũng là một yếu tố tác động đến công tác đôn đốc thu nợ thuế và cưỡng chế thuế. Theo thống kê của các nhà nghiên cứu về thuế thì nền kinh tế lạc hậu thì ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế thường không cao. ý thức tuân thủ pháp luật của ĐTNT cũng là một yếu tố tác động quan trọng đến hiệu quả công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế. Giả sử ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của ĐTNT không tốt, cố tình dây dưa chây ì không nộp thuế, hoặc trường hợp do chính sách quy định chưa rõ thì ĐTNT sẽ cố tình áp dụng tính

thuế sai, khi cơ quan thuế phát hiện ra truy thu thì lại khiếu nại, cố tình không nộp...

1.4. Kinh nghiệm quản lý nợ thuế

1.4.1. Kinh nghiệm quản lý nợ thuế ở một số quốc gia

Indonesia

Ở Indonesia, Tổng cục thuế cung cấp thông tin qua trang thông tin điện tử của ngành, hỗ trợ trực tiếp, trả lời bằng văn bản, hướng dẫn hoặc tọa đàm trên đài tiếng nói, truyền hình, phát tờ rơi,... Đặc biệt, họ có chế độ “Tờ khai thuế xanh” áp dụng cho những doanh nghiệp thực hiện tốt các nghĩa vụ thuế. Các doanh nghiệp này sẽ được ưu đãi hoàn thuế nhanh chóng nhằm khuyến khích người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ, kịp thời. Trong công tác thanh tra thuế tại nước này được phân ra thành nhiều loại: thanh tra tại cơ quan thuế, thanh tra tại cơ sở, thanh tra thường xuyên, thanh tra chứng cứ ban đầu, và thanh tra đặc biệt được thực hiện khi DN có sự bất thường. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế tại Indonesia đã được thực hiện trong các khâu quản lý thuế từ đăng ký thuế, xử lý tờ khai thuế, theo dõi thu nộp, xác định các chỉ tiêu đánh giá rủi ro, hay đặc biệt là thực hiện việc kê khai thuế qua mạng. Ở nước này, khai thuế qua mạng đã được triển khai từ tháng 7 năm 2002.

Australia

Ở Australia thì dịch vụ hỗ trợ NNT rất phong phú, đa dạng và hiện đại. Việc quản lý thu thuế dựa trên cơ sở phân loại NNT theo mức độ tuân thủ: Nhóm 1: phản ứng hoặc trốn thuế; Nhóm 2: đối tượng chỉ nộp thuế khi cơ quan thuế ép buộc; Nhóm 3: đối tượng không muốn nộp thuế nhưng vẫn nộp đúng; Nhóm 4: đối tượng luôn mong làm đúng. Theo cách phân loại trên thì việc cung cấp các dịch vụ cho họ cũng khác nhau. Đối với Nhóm 1, cơ quan thuế yêu cầu gặp trực tiếp. Đối với Nhóm 2, cơ quan thuế cũng gặp trực tiếp nhưng thỏa thuận mềm mỏng hơn. Đối với nhóm 3, cơ quan thuế thực hiện giáo dục “một với nhiều người”. Còn nhóm cuối cùng thì cơ quan thuế cho NNT tự phục vụ thông tin qua các dịch vụ mà các cơ quan thuế đã cung cấp dưới nhiều hình thức. Việc ứng dụng công nghệ thông tin

trong công tác quản lý thuế tại quốc gia này cũng rất được chú trọng. Hình thức khai thuế qua mạng ở Australia đã được giới thiệu từ năm 1990 và trước hết được áp dụng cho các đại lý thuế. Tính đến nay đã phát triển ở trình độ cao và phạm vi rộng.

1.4.2. Kinh nghiệm quản lý nợ thuế của chi cục thuế tại một số địa phương

Cục thuế tỉnh Hải Phòng

Xác định nhiệm vụ thu nợ và cưỡng chế nợ thuế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu để đánh giá chất lượng công tác quản lý thuế, lãnh đạo Cục thuế tỉnh Hải Phòng đã chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ các biện pháp từ việc rà soát, phân loại nợ, đôn đốc thu nộp và cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định định tại Thông tư của Bộ Tài chính; Tăng cường nguồn nhân lực cho Bộ phận thu nợ thuế các cấp, phối hợp với Trung tâm viễn thông Hải Phòng nhắn tin nợ thuế hàng tháng đối với chủ doanh nghiệp có số nợ thuế lớn. Tham mưu với các cấp chính quyền chỉ đạo UBND các quận, huyện thành lập các đoàn kiểm tra đôn đốc thu nợ thuế, tập trung kiểm tra, xử lý các doanh nghiệp nợ thuế lớn, để đôn đốc thu hồi nợ thuế. Công bố công khai một số doanh nghiệp có số nợ thuế lớn trên trang web của Cục thuế Thành phố Hải Phòng. Kết quả, năm 2013 đã thu nợ của năm 2012 chuyển sang là 507,3 tỷ đồng, trong đó, bằng biện pháp quản lý nợ là 490,5 tỷ đồng, bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là 16.758,6 triệu đồng.

Cục thuế Thừa Thiên Huế

Trong những năm qua, Cục thuế Thừa Thiên Huế đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nghiệp vụ, nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế trên địa bàn đã thu được những kết quả hết sức tích cực.

Thứ nhất, thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền để người nộp thuế nắm bắt đầy đủ chính sách. Cục Thuế Tỉnh định kỳ tổ chức các buổi tập huấn cho các đơn vị chi trả thu nhập khi có thay đổi về chính sách thuế, giúp các đơn vị nắm bắt kịp thời văn bản chính sách. Cùng với đó, thường xuyên phối hợp với Hội đồng

giáo dục pháp luật của Tỉnh, huyện, thị xã và thành phố trong việc lồng ghép tuyên truyền các chính sách pháp luật thuế đến từng tổ chức cá nhân nộp thuế.

Thứ hai, tổ chức tốt phong trào thi đua: Phát động thi đua theo từng tháng, quý và cuối tháng, quý đều có đánh giá, phân loại cán bộ công chức tích cực, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để bình xét phân loại, đề xuất hình thức và danh hiệu khen thưởng thích đáng khơi dậy ý thức phấn đấu.

Thứ ba, xây dựng các sáng kiến, cải tiến phù hợp và triển khai có hiệu quả góp phần tăng thu bù đắp các khoản hụt do chính sách giảm thu.

- Thống kê số thuế đã nộp của năm trước liền kề: Hằng năm trên cơ sở số thực thu, tiến hành lựa chọn các đơn vị, các cá nhân có số thực nộp ngân sách lớn, trong số gần 90.000 đối tượng nộp thuế và 3.800 đơn vị chi trả, Cục đã chọn các cá nhân người nộp thuế có mức nộp từ 200 triệu đồng trở lên, và cơ quan chi trả nộp từ 500 triệu đồng trở lên/năm để lập danh sách theo dõi việc kê khai thu nộp năm tới. Với cách làm này, cơ quan Thuế chỉ lọc ra danh sách khoảng 500 trên tổng số gần 93.800 đơn vị chi trả và cá nhân, giao cho mỗi công chức theo dõi từ 70 - 80 đơn vị chi trả và cá nhân để thường xuyên nắm chắc, phân tích phục vụ cho nhiệm vụ thu.

- Biện pháp quản lý hộ kinh doanh khoán thuế: Cục Thuế coi trọng việc tăng cường chỉ đạo các chi cục thuế phối hợp chặt chẽ cấp ủy, chính quyền các cấp, hội đồng tư vấn thuế để đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người nộp thuế, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm chắc tình hình kinh doanh, trên cơ sở đó mà hiệp thương mức thuế khoán và thực hiện đúng quy trình quản lý hộ theo phương châm “Minh bạch - Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới”.

Chi cục thuế TP. Bắc Giang

Chi cục thuế TP. Bắc Giang nhận định quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là khâu quan trọng trong công tác quản lý thuế của ngành thuế tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, chi cục thuế TP. Bắc Giang đã tập trung chỉ đạo các bộ phận tham gia quản lý nợ thực hiện nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nợ thuế.

Chi cục thuế TP. Bắc Giang rất chú trọng đến việc bố trí nhân sự cho bộ phận quản lý thu nợ thuế. Chi cục lựa chọn những công chức có đủ năng lực trình độ,

kiện toàn Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để tham mưu với lãnh đạo Chi cục thuế chỉ đạo toàn diện nhiệm vụ quản lý nợ thuế của đơn vị.

Chi cục thuế TP Bắc Giang đã ghép Đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế vào Đội kiểm tra thuế để thực hiện chức năng quản lý, cưỡng chế nợ, đồng thời đôn đốc số phát sinh nợ thuế kết hợp với kiểm tra và cưỡng chế nợ thuế.

Thông qua ứng dụng quản lý thuế tập trung TMS, Chi cục thuế TP Bắc Giang đã tập trung rà soát số liệu nợ thuế, đối chiếu số liệu với NNT đang quản lý để xác định chính xác số liệu nợ đọng, xử lý các khoản nợ ảo. Từ đó tiến hành điều chỉnh kịp thời các khoản chênh lệch, xác định đúng thực tế nghĩa vụ thu, nộp của người nộp thuế.

Qua phối hợp với các cơ quan có liên quan, trên cơ sở quy chế phối hợp đã được ký kết và căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chi cục thuế chủ động đề xuất phối hợp với các ban ngành có liên quan thực hiện công tác đôn đốc và thu nợ đọng thuế, nhất là công tác cưỡng chế nợ thuế.

1.4.3. Bài học cho Cục thuế tỉnh Hải Dương

Một là, cần tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các phòng chức năng trong công tác quản lý nợ thuế: Các bộ phận Quản lý nợ, bộ phận Kế khai kế toán thuế, bộ phận Kiểm tra thuế thực hiện phối hợp rà soát, đối chiếu, điều chỉnh các khoản nợ đảm bảo số liệu trên ứng dụng của cơ quan thuế chính xác và thống nhất với người nộp thuế; đối với các Chi cục Thuế phải thực hiện quản lý nợ trên ứng dụng đã triển khai, yêu cầu tất cả các Chi cục Thuế phải thực hiện quản lý nợ trên ứng dụng và truyền báo cáo nợ thuế về cục thuế qua ứng dụng mạng internet và quản lý hệ thống;

Hai là, tăng cường thực hiện đôn đốc thu hồi các khoản nợ: Đối với các doanh nghiệp có khoản nợ dưới 90 ngày thực hiện việc đôn đốc nợ như gọi điện, yêu cầu người nộp thuế thực hiện cam kết trả nợ thuế trong vòng 90 ngày, ban hành đầy đủ thông báo nợ thuế và tiền phạt chậm nộp. Đối với các doanh nghiệp có khoản nợ trên 90 ngày, Ban hành 100% thông báo sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế; triển khai xác minh thông tin giao dịch tài khoản ngân hàng, xác minh tình hình tài

chính của doanh nghiệp; Phối hợp với Khoa bạc nhà nước xác minh và thu thập thông tin tình hình thanh toán vốn qua Kho bạc. Cương quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thu hồi nợ thuế;

Các tổ đơn đốc thu và thu hồi nợ thuế của Cục thuế, Chi cục Thuế phải triển khai tổ chức có hiệu quả theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo đơn đốc thu hồi nợ thuế. Tổ đốc thu nộp phải lên kế hoạch chi tiết và tiến hành làm việc với từng người nợ thuế ở tất cả các lĩnh vực và địa bàn, đặc biệt đối tượng nợ lớn và các địa bàn trọng điểm;

Ba là, tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền địa phương trong việc đơn đốc thu hồi nợ thuế. Báo cáo kịp thời tình hình diễn biến nợ thuế với các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương; đồng thời chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp để xử lý nợ đọng phù hợp. Tuyên truyền thông báo trên phương tiện truyền thanh của xã phường đối với các hộ kinh doanh cố tình dây dưa nợ thuế;

Bốn là, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng theo đúng quy trình Quản lý nợ, quy trình cưỡng chế nợ thuế và yêu cầu của Tổng cục Thuế, Cục Thuế; Báo cáo phải đảm bảo đúng, đầy đủ mẫu biểu và kịp thời, đồng thời phản ánh kết quả triển khai các biện pháp và kết quả thu nợ thuế.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1. Giới thiệu về Cục thuế tỉnh Hải Dương và các đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương có ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ thuế

2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương

2.1.1.1. Điều kiện địa lý tự nhiên

a) Địa lý, khí hậu

Tỉnh Hải Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, cách thủ đô Hà Nội 60 km về phía Tây, cách cảng Hải Phòng 45 km về phía Đông, phía Bắc giáp với các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, phía Tây giáp tỉnh Hải Dương, phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình, phía Đông giáp thành phố Hải Phòng. Đây là vị trí đắc địa, thuận lợi trong giao thương và phát triển kinh tế.

Địa hình Hải Dương nghiêng và thấp dần từ Tây xuống Đông Nam, phần đất núi đồi chiếm gần 11% tổng diện tích tự nhiên, diện tích đồng bằng chiếm 89%. Vùng đồi núi ở phía Bắc tỉnh, gồm 13 xã thuộc huyện Chí Linh và 18 xã thuộc huyện Kinh Môn, là vùng đồi núi thấp phù hợp với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và cây công nghiệp ngắn ngày. Vùng đồng bằng còn lại chiếm 89% diện tích tự nhiên do phù sa sông Thái Bình bồi đắp, đất màu mỡ thích hợp với nhiều loại cây trồng, sản xuất được nhiều vụ trong năm. Trên diện tích hành chính 166.222 ha, Hải Dương bố trí sử dụng 63,1% vào sản xuất.

Đồng thời, Hải Dương nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm 4 mùa rõ rệt (xuân, hạ, thu, đông). Khí hậu và thời tiết của tỉnh thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm cây lương thực, thực phẩm và cây ăn quả, đặc biệt là sản xuất cây vụ đông.

Tài nguyên khoáng sản của Hải Dương tuy không nhiều chủng loại nhưng một số có trữ lượng lớn, chất lượng tốt đáp ứng cho nhu cầu phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng của tỉnh, đồng thời cung cấp nguyên

liệu cho Trung ương và một số tỉnh khác như: đá vôi sản xuất sứ, xi măng, cao lanh; sét chịu lửa sản xuất gạch, quặng bôxít,...

b) Tiềm năng kinh tế

- Những lợi thế so sánh: Hải Dương là tỉnh nằm giữa vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Tỉnh có hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy rất thuận lợi, Hệ thống đường bộ có quốc lộ 5, quốc lộ 18 chạy qua tỉnh, quốc lộ 183 chạy dọc tỉnh, tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng chạy song song với đường quốc lộ 5 có 7 ga để đón trả khách nằm trên địa bàn tỉnh. Tuyến đường sắt Kép - Phả Lại cung cấp than cho nhà máy điện Phả Lại. Hệ thống giao thông thủy có 16 tuyến dài 400 km. Vị trí địa lý và hệ thống giao thông trên đã tạo điều kiện cho Hải Dương giao lưu kinh tế với các tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế rất thuận lợi.

Hải Dương có một số khoáng sản trữ lượng lớn làm nguyên liệu phục vụ công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tại chỗ (đá vôi xi măng, cao lanh, sét chịu lửa...). Do đó, giảm được chi phí vận chuyển nguyên liệu, tạo điều kiện hạ giá thành, nâng sức cạnh tranh so với các địa phương khác.

Hải Dương có nguồn lao động dồi dào, lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2014 chiếm 65,1% dân số trong tỉnh, lao động trong độ tuổi từ 18 – 30 chiếm 36% tổng số lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 40%, lao động phổ thông có trình độ văn hoá trung học phổ thông chiếm 70 – 75%. Với lực lượng lao động đông đảo, có trình độ văn hoá lại gần các thành phố nên việc cung ứng lao động làm lâu dài cũng như thời vụ cho nhu cầu tại các khu này rất thuận lợi.

Tiềm năng du lịch: Hải Dương có tiềm năng lớn về du lịch, nhất là du lịch văn hoá lịch sử và lễ hội, với 1.907 di tích lịch sử văn hoá, trong đó có 97 di tích được xếp hạng và nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như chùa Côn Sơn, đền Kiếp Bạc, đền thờ Trần Liễu, tượng đài Trần Hưng Đạo, chùa An Phụ, động Kính Chủ, di chỉ Văn Miếu... Các di tích và danh thắng của tỉnh tập trung vào 2 cụm du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc và cụm An Phụ - Kính Chủ.

2.1.1.2. Tình hình kinh tế

Tình hình kinh tế năm 2015 của tỉnh Hải Dương đạt được kết quả tích cực và

toàn diện trên các lĩnh vực. Kinh tế tiếp tục đà phục hồi, đạt mức tăng trưởng khá, cụ thể:

a) Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GDP_r theo giá 2010) ước tăng 8,5% so với năm 2014, cao hơn bình quân cả nước (cả nước tăng 6,8%), trong đó, giá trị tăng thêm (tính cả thuế) khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,2%, công nghiệp tăng 11,0%, xây dựng tăng 13,3%, dịch vụ tăng 7,5%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; cơ cấu kinh tế ước đạt 15,2% - 52,7% - 31,2% (năm 2014 đạt 16,2% - 51,5% - 32,3%).

b) Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

*** Sản xuất nông nghiệp**

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2015 của tỉnh đạt 162.003 ha, giảm 1,2 %(-1.993 ha) so với năm 2014. Cơ cấu giống lúa có sự chuyển đổi tích cực. Tỷ lệ diện tích lúa chất lượng cao ngày càng tăng do đây là những giống lúa được thị trường ưa dùng, dễ bán, đồng thời giá bán cũng cao hơn các giống lúa thuần. Tổng diện tích cây lâu năm của tỉnh năm 2015 đạt 21.669 ha, tăng 0,1% (tăng 22 ha) so với năm 2014 chủ yếu ở một số cây ăn quả như chuối, thanh long, ổi, đu đủ, bưởi... Tình hình chăn nuôi trên địa bàn cơ bản ổn định, không có dịch bệnh xảy ra. Chăn nuôi trang trại và gia trại phát triển nhanh, chăn nuôi nhỏ lẻ trong hộ dân cư giảm mạnh.

*** Sản xuất Lâm nghiệp**

Năm 2015, tổng diện tích đất lâm nghiệp của toàn tỉnh đạt 10.630 ha; trong đó, diện tích đất rừng là 10.462,2 ha chiếm 98,4% diện tích đất lâm nghiệp; diện tích rừng tập trung ở thị xã Chí Linh và huyện Kinh Môn. Hầu hết đất lâm nghiệp của tỉnh đã được khai thác khá triệt để để trồng rừng.

*** Sản xuất Thủy sản**

Năm 2015, trên địa bàn toàn tỉnh có 80.532 cơ sở nuôi trồng thủy sản tăng 1,2%; có 78.834 cơ sở nuôi thủy sản bằng diện tích mặt nước chiếm 97,7%; 188 cơ

sở nuôi lồng bè; 1.610 cơ sở sản xuất giống. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2015 là 10.869 ha, tăng 8%(+805 ha) so với năm trước.

c) Công nghiệp

Năm 2015 so với cùng kỳ chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,6%, trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 19,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,2%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hoà tăng 3,4%; cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tăng 9,2%.

d) Đầu tư – xây dựng

Ước năm 2015, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đạt 26.979 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, vốn nhà nước trên địa bàn đạt 5.229 tỷ đồng, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước; vốn ngoài nhà nước đạt 16.709 tỷ đồng, tăng 17,0% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 5.041 tỷ đồng, giảm 11,6% so với cùng kỳ năm trước.

e) Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2015, ước đạt 10.213 tỷ đồng, bằng 132,6% dự toán năm, trong đó thu nội địa 8.148 tỷ đồng, bằng 132,0%, thu qua hải quan 2.064 tỷ đồng, bằng 134,9%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm tính đến ngày 15 tháng 12 năm 2015, ước đạt 12.535 tỷ đồng, bằng 153,4% dự toán năm, trong đó, chi đầu tư phát triển 2.402 tỷ đồng, bằng 240,9% (hoàn toàn là chi đầu tư xây dựng cơ bản); chi thường xuyên 10.132 tỷ đồng, bằng 171,0% năm 2014.

f) Thương mại, giá cả, dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2015, đạt 38.323 tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước. Riêng về xuất khẩu năm 2015 đạt 4.167 triệu USD, tăng 1,1% so với cùng kỳ; nhập khẩu đạt 3.520 triệu USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ.

Năm 2015 là năm có chỉ số giá có tốc độ tăng thấp nhất so với những năm gần đây, từ 2008 – 2014, chỉ tăng có 0,54%, trong khi năm 2008 tăng 20,59%, và năm 2014 tăng 1,42%.

2.1.2. Giới thiệu về Cục thuế tỉnh Hải Dương

2.1.2.1. Cơ cấu bộ máy tổ chức

Cục thuế tỉnh Hải Dương

Địa chỉ : Khu 10 Đ. Trường Chinh, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0320.3891237

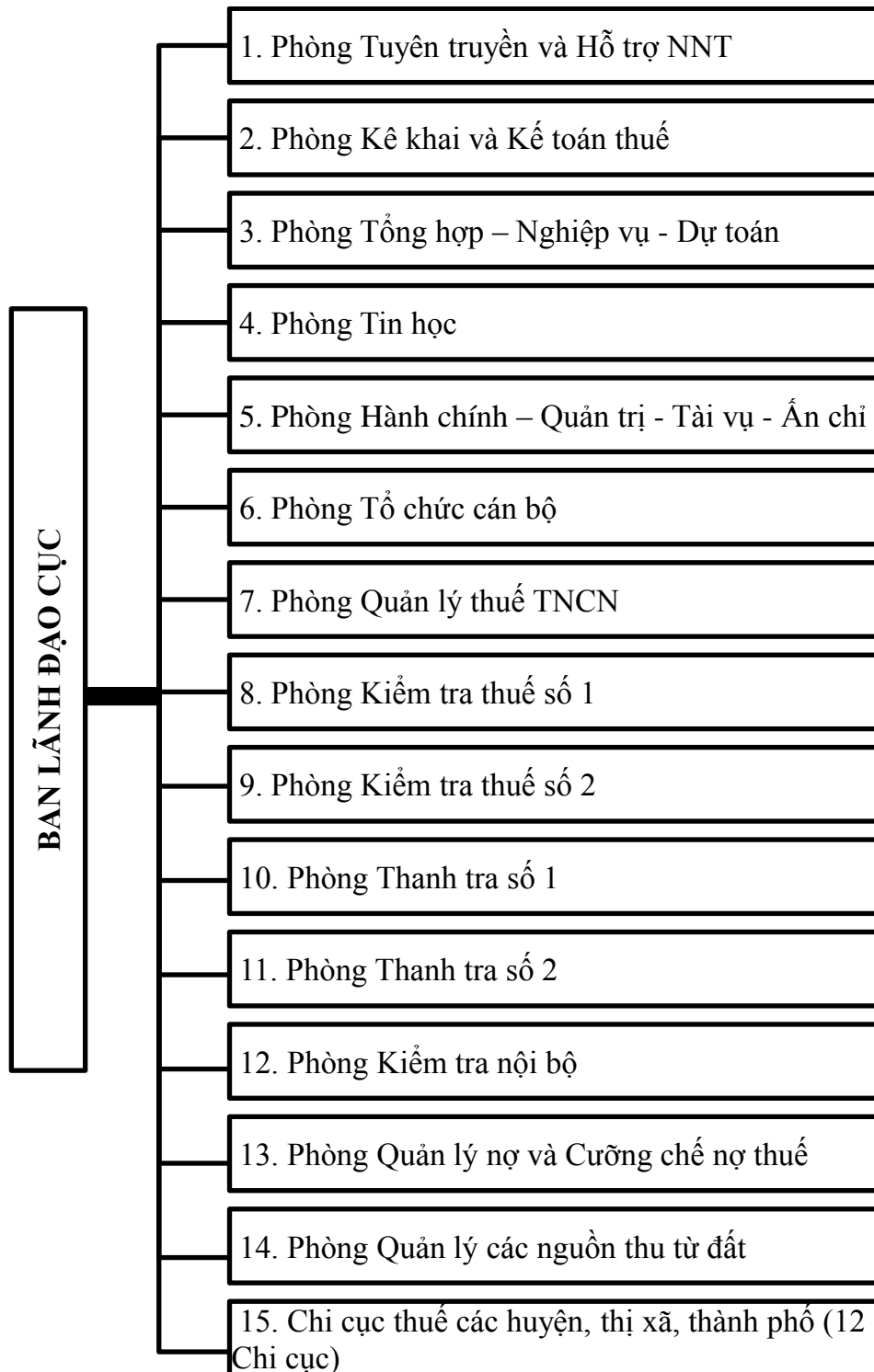
Fax : 03203.891758

Website : <http://www.haiduong.gdt.gov.vn>

Tiền thân Cục thuế tỉnh Hải Dương là Cục thuế tỉnh Hải Hưng, được thành lập tháng 10 năm 1990. Cùng với việc tái lập tỉnh năm 1997, Cục thuế tỉnh Hải Hưng được chia tách và đổi tên thành Cục thuế Hải Dương hiện nay, thực hiện chức năng tổ chức Quản lý thuế, phí và lệ phí trên địa bàn toàn tỉnh.

Bộ máy tổ chức quản lý và hoạt động của Cục thuế tỉnh Hải Dương gồm Ban lãnh đạo Cục (Cục trưởng và 03 Phó cục trưởng), 14 phòng chức năng thuộc văn phòng Cục và 12 Chi cục thuế trực thuộc với tổng số cán bộ công chức trên 709 người.

Thực hiện luật quản lý thuế, bộ máy quản lý ở cơ quan thuế các cấp được cải cách theo hướng tổ chức tập trung theo 4 chức năng nhằm chuyên môn hoá, nâng cao năng lực quản lý thuế ở từng chức năng, gồm: Tuyên truyền, hỗ trợ NNT; Theo dõi, xử lý việc kê khai thuế; Đơn đốc thu nợ và cưỡng chế thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế. Hiện tại, cơ cấu tổ chức bộ máy Cục thuế Hải Dương được thể hiện ở Sơ đồ 2.1 dưới đây:



Sơ đồ 2.1. Bộ máy tổ chức quản lý của Cục thuế Hải Dương

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Trong đó:

- Các phòng quản lý thuế theo chức năng: Phòng Tuyên truyền, hỗ trợ NNT;

phòng Kế khai và kế toán thuế; phòng Thanh tra 1; phòng Thanh tra 2; phòng Kiểm tra 1; phòng Kiểm tra 2; phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

- Các phòng quản lý thuế theo sắc thuế: Phòng Thuế thu nhập cá nhân; phòng Quản lý các khoản thu từ đất.

- Các phòng có chức năng quản lý nội bộ : Phòng Tổ chức cán bộ; phòng Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán; phòng Hành chính quản trị - tài vụ - ấn chỉ; phòng kiểm tra nội bộ; phòng Tin học.

Các phòng thanh tra, kiểm tra còn chia ra các phòng mang tính chất của mô hình quản lý theo đối tượng: Các Phòng Thanh tra 2 và Phòng kiểm tra 2 quản lý khối DNNN và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp lớn); Phòng Thanh tra 1 và Phòng kiểm tra 1 quản lý khối doanh nghiệp Ngoài quốc doanh (doanh nghiệp nhỏ và vừa).

Cụ thể Ban lãnh đạo Cục thuế tỉnh Hải Dương gồm:

- 01 Cục trưởng: Có nhiệm vụ chỉ đạo chung và chịu trách nhiệm trước Tổng cục thuế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục thuế.

- 03 Phó Cục trưởng: Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

- Phòng Hành chính – Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ: Phòng có chức năng giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện về công tác tổ chức bộ máy, quản lý công chức, biên chế, tiền lương, đào tạo công chức và thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong nội bộ Cục Thuế; công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản trị, quản lý ấn chỉ thuế trong toàn Cục Thuế. Thực hiện công tác quản lý hóa đơn, ấn chỉ thuế trong phạm vi được phân cấp; thực hiện in, cấp phát, bán hóa đơn, ấn chỉ thuế cho các tổ chức, cá nhân nộp thuế, đơn vị trong và ngoài ngành thuế; hướng dẫn, quản lý hoạt động tạo, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn của các tổ chức, cá nhân nộp thuế.

- Phòng Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế: Giúp Cục trưởng Cục thuế tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách, pháp luật thuế, hỗ trợ người

nộp thuế trong phạm vi Cục thuế quản lý.

- Phòng Quản lý Thuế thu nhập cá nhân: Kiểm tra, giám sát kê khai thuế thu nhập cá nhân; kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế trước bạ nhà đất, phương tiện vận tải và các tài sản khác.

- Phòng Tổng hợp - Nghiệp vụ - dự toán: Giúp Cục trưởng Cục thuế trong việc chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý thuế, chính sách, pháp luật thuế; xây dựng và thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước; thực hiện công tác pháp chế về thuế và công tác quản lý các khoản thu từ đất trên địa bàn Cục Thuế quản lý.

- Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ: Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đôn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong phạm vi quản lý. Xử lý gia hạn nộp thuế, xóa nợ thuế.

- Phòng Kê khai và kế toán thuế: Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế trong phạm vi Cục Thuế quản lý.

- Phòng Tin học: Quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học ngành thuế; triển khai các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế và hỗ trợ hướng dẫn, đào tạo công chức thuế trong việc sử dụng ứng dụng tin học trong công tác quản lý.

- Phòng Kiểm tra thuế: Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức thực hiện công tác kiểm tra thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế trong phạm vi Cục Thuế quản lý.

- Phòng kiểm tra nội bộ: Giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại (bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế và khiếu nại liên quan trong nội bộ cơ quan thuế, công chức thuế), tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ và bảo vệ sự liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế trong phạm vi quản lý của Cục trưởng Cục thuế.

- 12 Chi cục các huyện: Thực hiện công tác quản lý thuế đối với các doanh

nghiệp trên địa bàn huyện do Chi cục quản lý.

2.1.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Thuế tỉnh Hải Dương là tổ chức trực thuộc Tổng cục Thuế, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Cục thuế có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Theo Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ tài chính, Cục Thuế thực hiện nhiệm vụ quyền hạn trách nhiệm theo quy định của Luật Quản lý thuế, các Luật thuế, các quy định pháp luật có liên quan khác như sau:

- Tổ chức, chỉ đạo hướng dẫn và triển khai thực hiện thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trên địa bàn tỉnh, thành phố.

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá công tác quản lý thuế; tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương về lập dự toán thu NSNN, về công tác quản lý thuế trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức thực hiện dự toán thu thuế hàng năm được giao, trực tiếp thực hiện việc quản lý thuế đối với NNT thuộc phạm vi quản lý của cơ quan thuế địa phương theo quy định của pháp luật và các quy định, quy trình, biện pháp nghiệp vụ của Bộ Tài chính, TCT.

- Thực hiện cải cách hệ thống thuế theo mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động, công khai hoá thủ tục, cải tiến quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và cung cấp thông tin để tạo thuận lợi phục vụ cho NNT thực hiện chính sách, pháp luật về thuế.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế của Nhà nước; hỗ trợ NNT trên địa bàn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với NNT thuộc phạm vi quản lý của cơ quan thuế địa phương: đăng ký thuế, cấp mã số thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, tính

thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, xoá nợ thuế, tiền phạt, lập sổ thuế, thông báo thuế, phát hành các lệnh thu thuế và thu khác theo quy định của pháp luật thuế; đôn đốc NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, kịp thời vào NSNN.

- Thực hiện thống kê, kế toán thuế quản lý biên lai, ấn chỉ thuế lập báo cáo về tình hình kết quả thu thuế và báo cáo khác phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên, của UBND đồng cấp và các cơ quan có liên quan; tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả công tác của Cơ quan thuế địa phương.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu và quản lý thông tin về người nộp thuế.

- Thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đôn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong phạm vi quản lý của cơ quan thuế địa phương.

- Trực tiếp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách pháp luật về thuế đối với NNT; tổ chức và cá nhân quản lý thu thuế, tổ chức được uỷ nhiệm thu thuế thuộc thẩm quyền quản lý của Cơ quan thuế địa phương

- Tiếp nhận và triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại vào các hoạt động của Cơ quan thuế địa phương.

- Quản lý bộ máy biên chế và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ CBCC của Cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước và của Ngành Thuế.

(Các nhiệm vụ cụ thể được quy định trong Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

2.1.2.3. Tình hình nhân sự tại Cục thuế tỉnh Hải Dương

Hiện nay, số lượng và chất lượng cán bộ của Cục Thuế tỉnh Hải Dương đã tương đối phù hợp với quy mô cũng như tính phức tạp của công tác quản lý thuế trên địa bàn, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

Tình hình bố trí nhân sự ở Cục Thuế tỉnh Hải Dương khá đồng đều cả về số lượng và chất lượng. Tập trung chú trọng cho các phòng có chức năng nhiệm vụ nặng nề, phức tạp và khối lượng công việc lớn. Đội ngũ lãnh đạo được giao cho những cán bộ giỏi, có kinh nghiệm lâu năm...

Tình hình nguồn nhân lực giai đoạn 2012 - 2015 diễn biến theo một số xu

hướng sau: Tổng số nhân viên có tăng nhưng không đáng kể, trong khi số đối tượng quản lý, số thu NSNN ngày càng tăng lên. Khối lượng công việc trong từng khâu chức năng...đều tăng gấp nhiều lần. Nhân sự ở văn phòng Cục tăng nhanh, ở chi cục không tăng hoặc có xu hướng giảm: Điều này phản ánh việc quản lý tại cục ngày càng cần nhiều cán bộ hơn do khối lượng công việc đưa lên cục thuế ngày một nhiều hơn. Mặt khác, trước đây công tác quản lý thuế đối với hộ cá thể của chi cục chiếm nhiều nhân lực nhất, càng về sau càng giảm dần do nhiều nguyên nhân như: kinh tế phát triển; chính sách thuế thay đổi; cơ sở vật chất, trang thiết bị quản lý ngày càng hiện đại... Bảng dưới đây thể hiện tình hình nhân sự tại Cục thuế tỉnh Hải Dương.

Bảng 2.1 Tình hình nhân lực của văn phòng cục thuế tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012 - 2015

ĐVT: Người

Chỉ tiêu	2012	Tỷ trọng (%)	2013	Tỷ trọng (%)	2014	Tỷ trọng (%)	2015	Tỷ trọng (%)	So sánh (%)		
									2013/2012	2014/2013	2015/2014
Tổng CBNV	736	100	745	100	752	100	709	100	101,2	100,9	94
1. Phân theo cấp quản lý											
+ Tại Cục thuế	136	18	148	20	152	20	152	21	108,8	102,7	100
+ Tại các Chi cục	600	82	597	80	600	80	557	79	99,5	100,5	92
2. Phân theo giới tính											
+ Nam	276	38	287	39	294	39	467	66	104,0	102,4	158
+ Nữ	460	62	458	61	458	61	242	34	99,6	100,0	52
3. Phân theo trình độ chuyên môn											
+ Trên đại học	18	2	24	3	29	4	77	11	133,3	120,8	265
+ Đại học	432	59	463	62	497	66	424	60	107,2	107,3	85
+ Cao đẳng	85	12	76	10	68	9	87	12	89,4	89,5	127
+ Trung cấp	201	27	182	24	158	21	80	11	90,5	86,8	50

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Nhìn vào bảng trên có thể thấy số lượng cán bộ, công chức thuế giảm dần qua các năm theo chính sách tinh giảm biên chế, đơn giản bộ máy tổ chức công kênh. Theo đó cán bộ, nhân viên của Cục thuế Hải Dương giảm từ 736 người năm 2012 xuống còn 709 người năm 2015. Đồng thời, toàn thể cán bộ, nhân viên Cục thuế cũng tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Biểu hiện là trình độ chuyên môn ngày càng nâng cao, trình độ trên đại học tăng mạnh từ 4% lên 11% năm 2015. Cán bộ, nhân viên có trình độ trung cấp giảm dần qua các năm và không còn đáng kể. Trong những năm qua, Cục Thuế tỉnh Hải Dương đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, chăm lo đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của ngành. Đồng thời Cục thuế tỉnh Hải Dương cũng đã khẩn trương sắp xếp lại đội ngũ cán bộ hiện có, tổ chức bộ máy theo hệ thống chuyên ngành, đúng quy định và hướng dẫn của Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính. Do đó công tác quản lý thuế của Cục Thuế tỉnh Hải Dương gặt hái được nhiều thành công đáng khích lệ.

2.1.3. Các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý

Cùng với sự phát triển kinh tế cả nước, tỉnh Hải Dương trong những năm gần đây được đánh giá là một tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh. Theo đó, số lượng doanh nghiệp cũng gia tăng, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thực hiện quá trình cổ phần hóa, số lượng doanh nghiệp nhà nước đã giảm dần thay vào đó là sự chuyển đổi của doanh nghiệp nhà nước sang loại hình công ty cổ phần, công ty TNHH, hoặc doanh nghiệp nhà nước không có vốn điều lệ. Đối với tổng doanh nghiệp hoạt động trên toàn tỉnh, Cục thuế Hải Dương quản lý tất cả số doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn toàn tỉnh, cùng với một phần các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong tổng số toàn tỉnh có vốn điều lệ lớn (khoảng trên 10 tỷ). Bảng dưới đây thể hiện những doanh nghiệp mà Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý.

Bảng 2.2: Bảng phân loại doanh nghiệp do Văn phòng Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý

DVT: doanh nghiệp

TT	Loại hình doanh nghiệp	2012		2013		2014		2015	
		VP cục quản lý	Tổng DN toàn tỉnh	VP cục quản lý	Tổng DN toàn tỉnh	VP cục quản lý	Tổng DN toàn tỉnh	VP cục quản lý	Tổng DN toàn tỉnh
	Tổng cộng số DN	673	3.961	718	4.532	785	5.100	831	6.005
1	Doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã	31	337	34	343	36	335	36	361
2	Hợp tác xã	0		0		0			
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	456	3.438	481	3.986	517	4.533	541	5.390
4	Công ty có vốn đầu tư nước ngoài	186	186	203	203	232	232	254	254

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Theo bảng có thể thấy, số lượng doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý ngày càng gia tăng và chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh. Năm 2012, Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý 673 doanh nghiệp trên tổng số 3961 doanh nghiệp toàn tỉnh, chiếm tỷ trọng 17%. So với 12 chi cục thuế tại các huyện thì đây là một số lượng lớn doanh nghiệp, đòi hỏi Cục thuế tỉnh Hải Dương cần phải có đội ngũ cán bộ, công chức thuế đủ về số lượng và trình độ để có thể quản lý doanh nghiệp hiệu quả nhất. Số lượng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại tỉnh Hải Dương đang ngày càng gia tăng về số lượng. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường là những doanh nghiệp có đóng góp ngân sách nhà nước lớn đồng thời có ý thức khá tốt trong việc thu nộp ngân sách, ít tình trạng nợ đọng, nợ khó thu. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm số lượng lớn nhất trong tổng số doanh nghiệp mà Cục thuế tỉnh quản lý. Đây là khu vực doanh nghiệp khá phức tạp, với nhiều loại hình doanh nghiệp, hoạt động trong nhiều lĩnh vực và

đặc biệt ý thức tuân thủ pháp luật thuế của các doanh nghiệp khu vực này còn khác thấp. Đây là một khó khăn trong việc quản lý thuế nói chung và quản lý nợ thuế nói riêng mà Cục thuế tỉnh Hải Dương cần phải đối mặt.

Cùng với sự phát triển kinh tế toàn tỉnh những năm qua thì tổng số thu ngân sách nhà nước của tỉnh cũng tăng lên đáng kể. Bảng 2.3 thể hiện tình hình thu ngân sách giai đoạn 2012 – 2015 của tỉnh Hải Dương.

Bảng 2.3: Tình hình thu NSNN đối với các doanh nghiệp do VP Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý

DVT: Triệu đồng

Năm	Dự toán thu NSNN	Thực hiện	Thực hiện so với dự toán (%)	Tỷ lệ tăng thu qua các năm(%)
2012	3.991.970	3.159.661	79,1	-
2013	3.686.900	4.158.667	112,8	131,6
2014	3.835.500	5.197.379	135,5	125
2015	4.757.000	5.939.258	124,9	114,3

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Theo bảng trên, nhận thấy số thu ngân sách tăng mạnh qua các năm. So với dự toán, trừ năm 2012, các năm còn lại đều vượt dự toán thu khá nhiều. không những vậy tỷ lệ tăng thu qua các năm cũng ở mức khá. Cụ thể, năm 2013, thực hiện thu ngân sách vượt mức dự toán 12,8% đồng thời tăng vượt mức so với năm 2012 là 31,6%. Năm 2014, thu ngân sách đạt 135,5% so với dự toán, vượt mức so với 2013 là 25%. Năm 2015, thu ngân sách đạt 5939 tỷ, vượt dự toán 25%, đồng thời tăng thu so với năm 2014 là 14,3%. Đây là kết quả thu ngân sách khá khả quan trong giai đoạn 2012 – 2015 mà tỉnh Hải Dương đạt được. Đồng thời cũng đặt ra vấn đề quản lý thu song song với quản lý nợ như thế nào cho hiệu quả nhất đối với cơ quan thuế tỉnh Hải Dương.

2.2. Thực trạng công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương

2.2.1. Thực trạng công tác xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ và kết quả

Để công tác xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ đạt kết quả cao thì việc xác định số tiền thuế nợ năm thực hiện là khâu đầu tiên, quan trọng làm cơ sở để thực hiện các khâu tiếp theo. Dựa trên các báo cáo thống kê thì số tiền thuế nợ của các doanh nghiệp do Cục thuế Hải Dương quản lý được tổng hợp dưới bảng sau:

Bảng 2.4: Tình hình thu NSNN của VP Cục thuế tỉnh Hải Dương

DVT: Triệu đồng

Năm	Tổng thu NSNN	Tổng cộng số thuế nợ	Tỷ lệ tăng thu NSNN qua các năm (%)	Tỷ lệ nợ thuế so với tổng thu (%)	Tỷ lệ tăng nợ thuế qua các năm (%)
2012	3.159.661	514.802	-	16,3	-
2013	4.158.667	707.161	131,6	17	137,3
2014	5.197.379	526.072	124,9	10,1	74,4
2015	5.939.258	510.756	114,3	8,6	97

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Theo bảng trên có thể thấy, tỷ lệ nợ thuế so với tổng thu ngân sách là khá cao, trung bình chiếm trên 10% so với tổng thu NSNN. Cụ thể, năm 2012, tổng số tiền nợ thuế chiếm 16,3% so với tổng thu ngân sách. Năm 2013 con số này còn tăng lên 17%. Như vậy, trong khi tỷ lệ tăng thu ngân sách dừng ở con số 31% thì tỷ lệ tăng nợ lên tới 37%. Năm 2013 cũng là năm có tổng số tiền nợ thuế cao nhất trong giai đoạn 2012 - 2015. Có thể lý giải điều này là do tình hình kinh tế năm 2013 gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng sa sút thậm chí phá sản. Đến năm 2014, con số nợ thuế đã giảm xuống còn 526.072 triệu đồng, giảm xuống khá nhiều so với năm 2013. Tuy nhiên đây vẫn là con số lớn, chiếm 10% tỷ trọng trong tổng thu ngân sách nhà nước. Năm 2015 là năm có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác thu thuế. Tổng thu ngân sách năm 2015 là 5.939.258 tăng 14% so với năm 2014, đồng thời tỷ lệ nợ lại giảm xuống còn 97%. Đây là dấu hiệu khởi sắc trong

công tác quản lý thu thuế cũng như quản lý nợ thuế cho giai đoạn sắp tới.

Tuy vậy, để có nhận định và phương hướng quản lý nợ thuế một cách phù hợp nhất, Cục thuế tỉnh Hải Dương cần xem xét mức độ nợ đọng thuế do văn phòng Cục quản lý với mức nợ thuế toàn tỉnh. Bảng thống kê số liệu cho thấy số tiền nợ thuế của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng số nợ thuế của các doanh nghiệp trong toàn tỉnh. Điều này được thể hiện trong bảng 2.5 dưới đây.

Bảng 2.5: Tình hình nợ thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ĐVT: Triệu đồng

STT	Số tiền thuế nợ				
		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Toàn tỉnh	639.918	840.540	815.266	867.721
2	VP Cục thuế tỉnh HD	514.802	707.161	526.072	510.756

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Nhìn vào bảng trên ta thấy số tiền nợ thuế do văn phòng Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý khá lớn so với tổng số nợ thuế toàn tỉnh, đặc biệt là năm 2012, tổng nợ thuế do văn phòng Cục thuế quản lý là 514.802 triệu, trên tổng số toàn tỉnh là 639.918 triệu, chiếm 80%. Có thể lý giải nguyên nhân của những con số này, là do văn phòng Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý hầu hết các doanh nghiệp lớn trên toàn tỉnh, số thu lớn, trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế không tránh khỏi tình trạng nợ thuế kéo dài. Ở địa bàn các huyện, các Chi cục đa phần quản lý các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình có số thu nhỏ, phần thu từ thuế Thu nhập doanh nghiệp và Thu nhập cá nhân không đáng kể. Dẫn đến tình trạng số nợ thuế do văn phòng cục quản lý khá lớn. Tuy nhiên, tỷ trọng này đã giảm dần qua các năm. Đến năm 2015, số tiền nợ thuế do văn phòng Cục thuế tỉnh quản lý chỉ chiếm 58% so với tổng số nợ thuế toàn tỉnh là 867.721 triệu. Điều này cho thấy sự tích cực trong công tác quản lý nợ của văn phòng cục thuế tỉnh. Nhưng để nhìn nhận chính xác về tình hình nợ thuế vào có những biện pháp quản lý nợ thuế hiệu

quả, văn phòng cục thuế tỉnh Hải Dương cần có những nghiên cứu để xem xét nguyên nhân chính dẫn đến tỷ trọng nợ thuế của văn phòng Cục ở mức cao trong toàn tỉnh.

Nhằm mục đích xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ một cách chính xác và phù hợp thì số tiền thuế nợ cần được theo dõi cụ thể để làm cơ sở phân loại nợ thuế và phân công quản lý nợ thuế hiệu quả nhất. Theo đó, tổng số nợ thuế của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý được phân theo loại hình doanh nghiệp, thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2.6: Tình hình nợ thuế phân theo loại hình doanh nghiệp do VP cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý

ĐVT: Triệu đồng

TT	Loại hình doanh nghiệp	2012	Tỷ trọng	2013	Tỷ trọng	2014	Tỷ trọng	2015	Tỷ trọng
	Tổng số nợ thuế	514.802	100	707.161	100	526.072	100	510.756	100
1	Doanh nghiệp NN	80.612	15.7	99.687	14.1	82.331	15.7	75.469	14.8
2	Công ty TNHH	66.187	12.9	87.154	12.3	76.525	14.5	46.123	9.0
3	Công ty cổ phần	61.019	11.9	77.198	10.9	58.616	11.1	176.492	34.6
4	DN tư nhân	233.218	45.3	345.283	48.8	199.914	38.0	127.219	24.9
5	Hộ kinh doanh	31.147	6.1	45.716	6.5	49.726	9.5	27.112	5.3
6	Công ty có vốn đầu tư nước ngoài	42.619	8.3	52.123	7.4	58.960	11.2	58.341	11.4

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Trong các doanh nghiệp mà Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý, thì những doanh nghiệp thuộc loại hình tư nhân có số nợ thuế chiếm tỷ trọng lớn nhất. Tuy nhiên càng về gần đây, tỷ trọng nợ thuế của nhóm doanh nghiệp tư nhân có xu hướng giảm xuống mà thay vào đó số tiền nợ thuế của nhóm công ty cổ phần lại gia tăng. Loại hình hộ kinh doanh có tỷ trọng nợ thuế trong tổng nợ là thấp nhất, nguyên nhân là do tỷ trọng đóng góp vào tổng ngân sách của nhóm hộ kinh doanh là thấp. Đứng thứ hai sau nhóm hộ kinh doanh là nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là nhóm doanh nghiệp có đóng góp khá cao và tổng thu ngân sách

nhưng lại có tỷ trọng nợ thuế thấp. Điều này cho thấy khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là khu vực có khả năng tài chính tốt và ý thức chấp hành pháp luật thuế rất cao. Doanh nghiệp nhà nước là nhóm có số lượng doanh nghiệp ít nhưng số tiền thuế nợ các năm luôn ở mức cao, phản ánh tình hình tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh kém của khu vực này. Đồng thời doanh nghiệp nhà nước thường có tâm lý ỷ lại, nên tỷ trọng nợ thuế chiếm khoảng 15%, năm 2012 có số thuế nợ là 80.612 triệu, năm 2013 lên tới 99.687 triệu, năm 2015 đã giảm xuống còn 75.469 triệu nhưng vẫn còn là mức cao. Vì vậy để việc quản lý thu thuế và quản lý nợ thuế đạt hiệu quả cao, cơ quan thuế cần đặc biệt chú trọng quan tâm hơn nữa tới nhóm các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và doanh nghiệp nhà nước để đôn đốc và nhắc nhở việc thực hiện thu nộp thuế nghiêm túc.

Không chỉ phân loại nợ thuế theo loại hình doanh nghiệp, Cục thuế tỉnh Hải Dương còn theo dõi nợ thuế theo lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp. Theo đó, tổng số nợ thuế của các doanh nghiệp do Cục thuế Hải Dương quản lý được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2.7: Tình hình nợ thuế phân theo ngành nghề do VP cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý

ĐVT: Triệu đồng

TT	Lĩnh vực hoạt động	2012	Tỷ trọng (%)	2013	Tỷ trọng (%)	2014	Tỷ trọng (%)	2015	Tỷ trọng (%)
	Tổng số nợ thuế	514.802	100	707.161	100	526.072	100	510.756	100
1	Sản xuất	184.117	35.76	225.217	31.85	173.362	32.95	164.125	32.13
2	Xây dựng	129.768	25.21	177.882	25.15	161.144	30.63	146.263	28.64
3	Vận tải	39.615	7.70	42.719	6.04	34.728	6.60	30.626	6.00
4	Dịch vụ, thương mại	91.217	17.72	132.218	18.70	97.25	18.49	95.176	18.63
5	Khác	70.085	13.61	129.125	18.26	59.588	11.33	74.566	14.60

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Trong tổng nợ thuế, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất có tỷ trọng nợ thuế cao nhất, chiếm trung bình khoảng 30% đến 35%. Từ năm 2012 đến 2015, tỷ trọng nợ của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực này có xu hướng giảm xuống xong không đáng kể. Cụ thể, năm 2012, tổng nợ thuế của doanh nghiệp sản xuất là 184.117 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 36% tổng nợ thuế, năm 2015, mức nợ thuế doanh nghiệp sản xuất giảm xuống còn 164.125 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 32%. Tuy nhiên mức giảm này không đáng kể, chỉ ứng với gần 20.000 triệu đồng. Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai là nhóm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, chiếm khoảng 25% đến 30% tổng nợ thuế. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, vận tải, giáo dục, y tế,... và các loại hình khác có mức nợ thuế thấp hơn. Một nguyên nhân là do đóng góp trong tổng thu ngân sách của các doanh nghiệp lĩnh vực này thấp hơn đồng thời việc hạch toán, tính toán kết quả kinh doanh trong những lĩnh vực này đơn giản và dễ dàng hơn lĩnh vực sản xuất, xây dựng, hạn chế được tình trạng kê khai sai, tính sai, trốn thuế hay nộp sai, chậm nộp.

Sau khi đã xác định số tiền thuế nợ, Cục thuế căn cứ vào chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng cục Thuế và tình hình thực tế quản lý nợ thuế ở địa phương để xây dựng chương trình, chỉ tiêu, biện pháp quản lý thu nợ thuế năm sau của toàn cục thuế, có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chi cục thuế thực hiện trong tháng 12 hàng năm. Các chi cục thuế căn cứ vào chỉ đạo, hướng dẫn của cục thuế để xây dựng chương trình, chỉ tiêu, biện pháp quản lý nợ thuế năm sau của chi cục thuế và báo cáo cục thuế trước ngày 30 tháng 12 hàng năm. Cục thuế tổng hợp chương trình, chỉ tiêu, biện pháp quản lý thu nợ của cục thuế gửi về Tổng cục Thuế trước ngày 20/01 hàng năm.

Cụ thể, chỉ tiêu thu tiền thuế nợ trong giai đoạn 2011 - 2015, Cục thuế Hải Dương thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và Tổng cục thuế, đó là:

- Hạn chế nợ mới phát sinh lớn, phần đầu nợ thuế đến thời điểm 31/12 hàng năm không vượt quá 5% so với số thực hiện thu NSNN của năm đó.
- Giảm 100% nợ chờ điều chỉnh (trừ các khoản nợ chờ điều chỉnh do có khiếu nại).
- Thu trên 80% nợ có khả năng thu thời điểm 31/12 năm trước.
- Tỷ lệ hồ sơ gia hạn nộp thuế được giải quyết đúng thời hạn quy định đạt tối

thiếu 90%.

Sau khi kết thúc năm ngân sách, Cục thuế đã quán triệt chốt số nợ đến 31/12 năm trước căn cứ tiền thuế nợ năm trước và tiền thuế nợ tại thời điểm lập chỉ tiêu thu tiền thuế nợ, phân tích, đánh giá khả năng thu và xử lý các khoản tiền thuế nợ, dự báo số tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12 năm thực hiện.

Sau đó, căn cứ vào số tiền thuế nợ năm thực hiện đã được xác định và chỉ tiêu thu tiền thuế được Tổng cục thuế hướng dẫn hàng năm để đề xuất chỉ tiêu thu tiền thuế nợ cho năm kế hoạch và đề ra các biện pháp để thực hiện các chỉ tiêu thu tiền thuế nợ đã xác định đồng thời báo cáo lên Tổng cục Thuế.

Công tác xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ hàng năm có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác quản lý nợ tại Cục thuế Hải Dương. Đây là căn cứ để đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý nợ hàng năm mà và cũng là một căn cứ quan trọng để giám sát, theo dõi công tác quản lý nợ hàng năm.

Tuy nhiên, hiện nay việc xây dựng chỉ tiêu thu tiền thuế nợ còn chưa phát huy được tối đa hiệu quả của nó vì các lý do chủ yếu sau:

- Việc chốt số nợ tại thời điểm 31/12 hàng năm còn mang tính chất tương đối. Việc lấy số nợ tại một thời điểm để làm căn cứ xác định chỉ tiêu thu nợ cả năm đôi khi không phản ánh đúng được bản chất của việc lập chỉ tiêu thu tiền thuế nợ, chưa tính đến được những biến động về kinh tế - xã hội của năm thực hiện.

- Tổng cục thuế quy định mức tiền thuế nợ/tổng thu NSNN chung cho tất cả các ngành nghề, lĩnh vực cũng chưa cụ thể, sát với thực tiễn. Thực tế quản lý hiện nay cho thấy: Cơ cấu nợ có sự chênh lệch rất lớn giữa các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc ngành nghề khác nhau. Có những ngành nghề, lĩnh vực có số thuế nợ đọng rất nhỏ, hầu như không có nợ: DN có vốn đầu tư nước ngoài, Ngân hàng, bảo hiểm ... Trong khi đó có những ngành nghề có số nợ rất lớn: xây dựng, đóng tàu, bất động sản, khai thác khoáng sản. Chỉ tiêu 5% cũng quá cao và không thực tế với tình trạng phát triển kinh tế giai đoạn 2011 - 2015.

2.2.2. Thực trạng công tác đôn đốc thu và xử lý tiền thuế nợ

a) Phân công quản lý nợ thuế:

Công tác đầu tiên trong việc thực hiện đôn đốc thu và xử lý tiền thuế nợ là việc phân công quản lý nợ thuế. Phân công quản lý nợ thuế là việc phân công người nợ thuế cho từng công chức quản lý nợ cụ thể để đôn đốc, theo dõi tình hình nợ thuế của đơn vị.

Phân công quản lý nợ thuế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý nợ thuế. Phân công hợp lý là nhân tố quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý. Ngược lại, việc phân công bất hợp lý không chỉ gây tốn kém thời gian, công sức, chi phí quản lý mà còn dẫn đến hiệu quả phối hợp trong công tác quản lý nợ thuế không cao. Công tác quản lý nợ thuế không chỉ là công việc của phòng quản lý nợ và cưỡng chế thuế mà còn liên quan đến rất nhiều phòng/đội chức năng như: kiểm tra thuế, thanh tra thuế, kê khai và kế toán thuế, phòng thuế TNCN ... Do đó, việc phân công hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong việc phối hợp quản lý, đôn đốc, điều chỉnh và thực hiện cưỡng chế nợ thuế.

Công tác quản lý nợ thuế được phân công theo ngành nghề kinh doanh, khu vực kinh tế. Theo đó, mỗi cán bộ quản lý nợ được phân công quản lý các đơn vị thuộc một khu vực. Tuy nhiên, do có những lĩnh vực có nhiều đơn vị nên sẽ có một số cán bộ được phân công quản lý tương ứng. Việc phân công quản lý nợ theo ngành nghề đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ. Một cán bộ được phân công quản lý những doanh nghiệp thuộc một hoặc một số ngành nghề kinh doanh giúp cho việc nắm bắt tình hình dễ dàng hơn, việc nắm bắt chính sách để phổ biến, hỗ trợ doanh nghiệp cũng thuận lợi nhiều hơn.

Cục thuế tỉnh thành lập Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế từ năm 2007, chi cục thuế các huyện, thị xã, thành phố thành lập Đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế. Đến năm 2015 có 6 Chi cục thuế có Đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế riêng, số Chi cục thuế còn lại có đội ngũ cán bộ quản lý nợ và cưỡng chế thuế ghép với các Đội chức năng khác.

Bảng 2.8: Tình hình nhân sự làm công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế giai đoạn 2012 – 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015	So sánh (%)		
						2013/2012	2014/2013	2015/2014
1. Tổng số cán bộ ngành thuế	Người	736	745	752	709	101.22	100.94	94.28
2. Cán bộ quản lý nợ và cưỡng chế thuế	Người	41	47	47	47	114.63	100	100
- Tại Cục thuế	Người	7	9	9	8	128.57	100	88.89
- Tại Chi cục thuế	Người	34	38	38	39	111.76	100	102.63
3. Tỷ lệ cán bộ quản lý nợ và cưỡng chế thuế so với tổng số	%	5.57	6.31	6.25	6.49	113.29	99.05	103.84

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Số lượng cán bộ làm công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế ngày càng tăng qua các năm, tốc độ tăng bình quân là 5%. Số lượng cán bộ chung của cục thuế Hải Dương quản lý từ 136 người năm 2012 tăng lên 148 người năm 2013 và đạt 152 người năm 2014, 2015. Trong đó số lượng cán bộ làm công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế tại Cục thuế và chi cục cũng tăng đều qua các năm. Năm 2012 số lượng cán bộ quản lý nợ và cưỡng chế thuế là 41 người đến năm 2013 tăng lên 47 người ứng với mức 14,63% và giữ vững số lượng đến năm 2015. Năm 2015, thực hiện chủ trương cắt giảm biên chế và gọn nhẹ bộ máy tổ chức, số lượng cán bộ, nhân viên ngành thuế nói chung đều giảm tuy nhiên cán bộ quản lý nợ và cưỡng chế nợ tại tỉnh Hải Dương vẫn giữ nguyên số lượng. Như vậy có thể thấy khối lượng công việc trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế ngày một nhiều và áp lực gia tăng về số lượng cán bộ trong mảng này cũng tăng lên để đáp ứng yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, việc số lượng doanh nghiệp tăng lên không ngừng theo cơ chế thông

thoáng hiện nay trong công tác hình thành doanh nghiệp mới sẽ làm cho công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế càng phức tạp và khối lượng công việc ngày một nhiều lên. Do đó, việc phân công cán bộ quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế phù hợp ngày càng có ý nghĩa quan trọng.

b) Phân loại tiền thuế nợ:

Phân loại tiền thuế nợ là công tác tạo tiền đề cơ sở cho việc thực hiện đơn đốc, thu nộp thuế. Dựa trên tiền thuế nợ đã được phân loại, cơ quan thuế có cơ sở để xây dựng kế hoạch đơn đốc thu nộp thuế cho từng bộ phận quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế đối với từng loại nợ thuế một cách phù hợp và hiệu quả nhất. Cục thuế Hải Dương dựa trên các báo cáo thực hiện thu nộp thuế của doanh nghiệp trong năm thực hiện để phân loại từng khoản nợ thuế theo tính chất nợ. Từ đó, đối với từng khoản nợ thuế khác nhau sẽ tiến hành các biện pháp đơn đốc, cưỡng chế khác nhau. Tổng số thuế nợ của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý được phân loại dưới bảng sau:

Bảng 2.9: Tình hình nợ thuế phân theo tính chất nợ do VP cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2012	Tỷ trọng (%)	2013	Tỷ trọng (%)	2014	Tỷ trọng (%)	2015	Tỷ trọng (%)
	Tổng số nợ thuế	514.802	100	707.161	100	526.072	100	510.756	100
1	Nợ khó thu	186.672	36.26	215.616	30.49	193.339	36.75	220.989	43.27
2	Nợ có khả năng thu	266.850	51.84	402.826	56.96	252.654	48.03	177.894	34.83
3	Nợ chờ xử lý	39.117	7.60	41.219	5.83	32.562	6.19	97.355	19.06
4	Nợ chờ điều chỉnh	22.163	4.31	47.500	6.72	47.517	9.03	14.518	2.84

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Theo số liệu tổng hợp ở bảng trên, có thể thấy khoản nợ khó thu chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng số tiền thuế nợ đồng thời có xu hướng tăng dần. Nợ khó thu ở đây bao gồm chủ yếu là tiền thuế nợ của các tổ chức, cá nhân đã giải thể, phá sản không đủ khả năng nộp thuế, người nộp thuế đã chấm dứt hoạt động kinh doanh. Năm 2012, nợ khó thu là 186.672 triệu đồng chiếm khoảng 36%. Năm 2012 do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu; kinh tế trong nước phục hồi chậm, sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, khiến một số các DN và hộ kinh doanh gặp khó khăn không “đủ sức” tồn tại phải giải thể, phá sản, bỏ trốn... từ đó làm tăng số thuế nợ khó thu so với giai đoạn trước. Năm 2013 Cục thuế thực hiện tính tiền chậm nộp trên toàn bộ các đối tượng nợ thuế để tăng cường kỷ luật thu nộp NSNN vì vậy nợ khó thu cũng như tổng nợ đều tăng cao đột xuất so với các năm trước. Vì vậy, nợ khó thu tăng cao của năm 2013 chủ yếu do nợ tiền chậm nộp tăng. Đến năm 2015, khoản nợ khó thu tăng lên 220.989 triệu, chiếm tỷ trọng 43% trong tổng nợ thuế. Những con số này thể hiện sự khó khăn trong công tác đôn đốc, thu nộp thuế và sự chưa hiệu quả trong quá trình quản lý thu thuế.

Nợ có khả năng thu luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số nợ toàn Cục thuế. Trừ năm 2013 là năm có tổng số nợ thuế tăng đột biến, thì từ 2012 đến năm 2015, nợ có khả năng thu có xu hướng giảm nhẹ cả về tỷ trọng cũng như về con số tuyệt đối. Cụ thể, năm 2012, nợ có khả năng thu là 266.850 triệu, chiếm 51.84% tổng nợ. Năm 2014, khoản nợ có khả năng thu giảm xuống còn 252.654 triệu, chiếm 48.03%. Năm 2015, khoản nợ này chỉ chiếm 34.83% trong tổng nợ, ứng với số nợ là 177.894.

Thực trạng này là do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Chủ quan là do một số các DN và hộ kinh doanh cố tình nợ thuế, chiếm dụng tiền thuế để phục vụ cho nhu cầu vốn kinh doanh; nhiều DN hoạt động trong lĩnh vực XD/CB bị ảnh hưởng rất lớn do Nhà nước chậm thanh toán khối lượng công việc hoàn thành thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế, tuy nhiên vì nhiều lý do không đề nghị xin gia hạn.

Năm 2012, 2013 kinh tế thế giới và trong nước chưa thoát khỏi khó khăn và suy giảm, thị trường vốn bất động sản đình trệ, sức mua giảm, hàng hóa SX ra không bán được, tồn kho lớn, Chính phủ thắt chặt đầu tư công dẫn tới các DN gặp khó khăn trong SXKD đọng vốn, nợ ngân hàng tăng không có khả năng thanh toán dẫn tới nợ đọng NSNN.

Nợ thuế chờ xử lý và nợ chờ điều chỉnh là do người nợ thuế hoặc cơ quan thuế có sai sót khi kê khai thuế, tính thuế, nộp thuế. Nhìn chung, từ năm 2012 đến 2015, tổng nợ thuế chờ xử lý và nợ thuế chờ điều chỉnh có xu hướng tăng qua các năm. Đây chính là số tiền nợ thuế ảo, cần bóc tách ra khỏi tổng số thuế nợ. Khoản nợ thuế được phân loại vào nợ chờ xử lý và chờ điều chỉnh cao cũng đã thể hiện phần nào hiệu quả của công tác phân loại nợ thuế, sự sát sao của công chức QLNT trong việc nắm bắt bản chất của từng khoản nợ để phân loại chính xác và có biện pháp phù hợp. Tuy nhiên, qua phân tích đánh giá xác định các khoản nợ thuế theo tính chất nợ, Cục thuế sẽ có phương hướng và biện pháp đôn đốc nợ thuế cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng nộp thuế.

c) Đôn đốc thu nộp:

Có thể khẳng định, nhân tố quan trọng nhất đối với hiệu quả của công tác QLNT chính là công tác đôn đốc thu nộp. Đôn đốc thu nộp là việc CQT thực hiện các biện pháp đôn đốc đủ để NNT nộp số tiền thuế nợ vào NSNN. Có nhiều biện pháp đôn đốc thu nộp mà CQT có thể áp dụng: gọi điện thoại nhắc nhở, ra thông báo yêu cầu nộp thuế, ra thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp thuế, gửi giấy mời lên CQT làm việc và biện pháp cao nhất là cưỡng chế thuế.

Bảng 2.10: Tình hình đơn đốc nợ thuế giai đoạn 2012 - 2015 của VP cục thuế tỉnh Hải Dương

ĐVT: lần

TT	Biện pháp thu nợ đã thực hiện	2012	2013	2014	2015
1	Thông báo nợ thuế bằng gọi điện, nhắn tin(lần)	1015	1760	1875	2016
2	Thông báo nộp tiền thuế nợ và tiền chậm nộp bằng văn bản (văn bản)	510	950	2146	3761
3	Mời người nợ thuế đến cơ quan thuế để lập biên bản yêu cầu nộp tiền thuế nợ (lần)	15	39	127	218

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Trong số các biện pháp đơn đốc thu nợ thì ra thông báo nợ thuế, phạt chậm nộp tiền thuế và gọi điện thoại nhắc nhở là các biện pháp được thực hiện nhiều nhất. Đặc biệt, trong hai năm 2014 và 2015, số lượng các biện pháp đơn đốc thu nợ tăng lên đáng kể. Những biện pháp này đã góp phần quan trọng vào việc giảm nợ. Tuy vậy, những biện pháp này chỉ thực sự phát huy hiệu quả đối với những đơn vị ý thức được nghĩa vụ của mình với NSNN, với những đơn vị có nợ ảo. Còn trên thực tế, rất nhiều đơn vị chây ì hoặc do khó khăn tài chính thì các biện pháp này thực sự không phát huy hiệu quả. Theo quy định hiện hành, NNT bị tính phạt chậm nộp 0,05%/ngày trên số tiền chậm nộp đến 90 ngày, nợ trên 90 ngày bị tính 0,07%/ngày trên số tiền chậm nộp. Nhiều đơn vị có số nợ đọng lớn, số phạt hàng tháng lên đến vài trăm triệu đồng. Tuy nhiên, việc gọi điện thoại nhắc nhở, ra thông báo nộp tiền thuế nợ và tiền chậm nộp với những đơn vị này hiệu quả không cao. Biện pháp mời người nợ thuế đến cơ quan để lập biên bản yêu cầu nộp thuế nợ cũng được thực hiện với số lượng gia tăng cao. Năm 2012 chỉ dừng lại ở 15 lần, đến năm 2015, biện pháp này tăng lên ở mức 218 lần. Tuy nhiên, đối với những doanh nghiệp quá chây ì trong việc nộp thuế thì những biện pháp này đều chưa mang lại hiệu quả.

d) Thực hiện các biện pháp xử lý nợ khác theo pháp luật, thu nợ qua hoàn thuế kiêm bù trừ nợ thuế.

Bảng 2.11:2 Tình hình hoàn thuế kiêm bù trừ thuế tại Cục thuế tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012 - 2015

Năm	Số DN hoàn kiêm bù trừ (DN)	Số tiền hoàn kiêm bù trừ (Triệu đồng)	Bình quân/DN (Triệu đồng)
2011	57	35.682	626,00
2012	55	46.744	849,89
2013	62	58.457	942,85
2014	53	56.491	1.065,86

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Nếu người nợ thuế không nộp nợ thuế đúng hạn, CQT xem xét nguyên nhân để giải quyết theo pháp luật đối với một số trường hợp cụ thể, đó là:

- *Xem xét gia hạn nộp thuế*

Đối với trường hợp NNT thuộc diện được gia hạn nộp theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của người nợ thuế CQT phải ra văn bản trả lời chấp thuận hay không chấp thuận việc gia hạn nộp thuế. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thủ tục thì phải thông báo cho người nợ thuế biết trong vòng 3 ngày làm việc để được gửi bổ sung. Tại Cục thuế Hải Dương tỷ lệ hồ sơ gia hạn nộp thuế được giải quyết đúng thời hạn quy định đạt 100%.

Bảng 2.12: Bảng tổng hợp tình hình gia hạn nộp thuế của Cục thuế Hải Dương giai đoạn 2012 - 2015

Năm	Số hồ sơ được gia hạn (hồ sơ)	Số tiền nợ thuế được gia hạn (triệu)
2012	12	3.621
2013	20	6.092
2014	23	8.306
2015	31	15.265

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Để công tác quản lý nợ đạt hiệu quả cao, đòi hỏi Luật Quản lý thuế cần mở rộng diện các đối tượng được xem xét gia hạn nộp thuế như các doanh nghiệp xây dựng cơ bản xây dựng các công trình thuộc nguồn vốn NSNN chưa được, để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

- Xóa nợ tiền thuế

Trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền phạt bao gồm:

+ Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản (không bao gồm doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh bị tuyên bố phá sản) đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt.

+ Cá nhân được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt còn nợ.

Việc xóa nợ tiền thuế được thực hiện theo quy trình quản lý nợ (QĐ số 2379/QĐ-TCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 và QĐ số 1401/QĐ-TCT ngày 28 tháng 7 năm 2015),

Từ khi thực hiện Luật Quản lý thuế, Cục thuế tỉnh Hải Dương mới xóa nợ được 03 trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản với tổng số tiền đã xóa là 3.048 triệu đồng.

- Thực hiện biện pháp thu nợ đối với trường hợp người nộp thuế được hoàn trả tiền thuế.

Trường hợp người nộp thuế đồng thời phát sinh số thuế được hoàn trả, thực hiện thu nợ đồng thời với việc hoàn trả thuế, khi thực hiện chi ngân sách về việc hoàn trả tiền thuế, bộ phận thực hiện thủ tục chi hoàn trả thuế phải chuyển danh sách đơn vị được hoàn thuế cho bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế cấp cục thuế để xác định số tiền thuế còn nợ. Sau khi bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế xác định đơn vị được hoàn thuế còn nợ thuế thì đề nghị bộ phận kê khai và kế toán thuế cấp cục thuế, đồng thời với việc ra quyết định hoàn trả thuế, phải lập lệnh thu ngân sách trong phạm vi số tiền còn nợ tương ứng với số tiền được chi hoàn trả thuế.

e) Lập nhật ký và sổ theo dõi tình hình nợ thuế

Hiện nay, việc quản lý nợ thuế được Cục thuế Hải Dương triển khai trên các phần mềm Quản lý thuế của Tổng cục thuế. Theo kỳ báo cáo, các dữ liệu này được kết xuất, kiểm tra lại và lưu trữ cẩn thận để làm hồ sơ, chứng từ theo dõi, làm cơ sở lấy số liệu thống kê cho các năm. Cùng với đó, công tác kê khai và kế toán thuế đã được thực hiện thống nhất theo quy trình, dữ liệu hồ sơ khai thuế được cập nhật đầy đủ, kịp thời, hình thành nguồn dữ liệu thông tin cơ bản về NNT phục vụ cho QLT khi thực hiện cơ chế NNT tự tính, tự khai, tự nộp thuế. Các trường hợp thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích mua bán hóa đơn bất hợp pháp, không hoạt động kinh doanh, không kê khai nộp thuế được phát hiện và ngăn chặn tương đối kịp thời thông qua việc kiểm tra, rà soát thường xuyên hồ sơ khai thuế; việc sử dụng tờ khai mã vạch hai chiều, áp dụng hình thức kê khai thuế điện tử... đã tạo thuận lợi và giảm thiểu chi phí cho NNT và CQT. Cũng chính nhờ điều này mà việc ghi chép, lập nhật ký theo dõi về người nộp thuế nói chung và các khoản nợ thuế trở nên dễ dàng và chi tiết hơn.

f) Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ

Định kỳ hàng tháng, Cục thuế Hải Dương lập báo cáo dựa trên các báo cáo gửi về từ Chi cục thuế các huyện và gửi báo cáo lên Tổng cục thuế. Thời hạn gửi báo cáo hàng tháng là ngay sau ngày khóa sổ thuế một ngày làm việc. Đối với báo cáo ước số tiền thuế nợ hàng tháng, lập báo cáo tổng hợp phân loại tiền thuế nợ theo mẫu số 01/QLN và báo cáo kết quả thu tiền thuế nợ theo mẫu số 05/QLN, gửi về Tổng cục Thuế vào ngày cuối cùng của tháng. Báo cáo được gửi qua thư điện tử hoặc truyền qua hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

Kết quả thực hiện quản lý nợ thuế được chi tiết cụ thể trong 15 mẫu quản lý nợ thuế hướng dẫn trong Phụ lục III – Quyết định số 1401/QĐ-TCT của Tổng cục thuế ngày 28 tháng 7 năm 2015.

Theo các mẫu tổng hợp, kết quả đôn đốc, thu nợ của Cục thuế tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012 – 2015 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2.13: Tình hình thu nợ đọng của các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015
1	Tổng số thuế nợ	triệu đồng	514.802	707.161	526.072	510.756
2	Số tiền thuế nợ thu được	triệu đồng	305.967	402.800	332.733	339.767
3	Tỷ lệ thu hồi nợ	%	59.43	56.96	63.25	66.52
4	Tốc độ tăng nợ thu được	%	-	31.65	-17.39	2.11

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Số tiền thuế nợ thu được qua các năm có xu hướng tăng lên. Năm 2012, số tiền thuế thu được là 305.967 triệu. Đến năm 2015, số tiền thu được tăng lên ở mức 339.767 triệu. Đặc biệt là năm 2013, mặc dù tỷ lệ thu hồi so với tổng nợ ở mức thấp (57%) nhưng con số tuyệt đối (402.800 triệu) cao so với các năm. Tuy nhiên, nhìn chung, tỷ lệ thu hồi nợ còn ở mức trung bình, giao động trong khoảng 60% đến 67%, đây là tỷ lệ thu hồi chưa cao. Đồng thời, tốc độ tăng nợ thu được cũng ở mức thấp, việc gia tăng khoản nợ thu được qua các năm là không đáng kể. Như vậy, công tác đôn đốc thu hồi nợ của Cục thuế tỉnh Hải Dương với các đơn vị do VP cục quản lý chưa đạt được kết quả cao, đòi hỏi Cục thuế Hải Dương cần nhanh chóng có những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nợ thuế nói chung cũng như nâng cao hiệu quả công tác thu hồi nợ thuế nói riêng.

2.2.3. Thực trạng một số công tác hỗ trợ quản lý nợ thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương

a) Công tác kê khai, tính thuế

Công tác kê khai và kế toán thuế đã được thực hiện thống nhất theo quy trình, dữ liệu hồ sơ khai thuế được cập nhật đầy đủ, kịp thời, hình thành nguồn dữ liệu thông tin cơ bản về NNT phục vụ cho QLT khi thực hiện cơ chế NNT tự tính, tự khai, tự nộp thuế; các trường hợp thành lập doanh nghiệp nhằm mục đích mua bán hóa đơn bất hợp pháp, không hoạt động kinh doanh, không kê khai nộp thuế được phát hiện và ngăn chặn tương đối kịp thời thông qua việc kiểm tra, rà soát thường

xuân hồ sơ khai thuế; việc sử dụng tờ khai mã vạch hai chiều, áp dụng hình thức kê khai thuế điện tử... đã tạo thuận lợi và giảm thiểu chi phí cho NNT và CQT.

Năm 2013, đã triển khai cho hơn 1.500 người nộp thuế thực hiện kê khai thuế qua mạng, lũy kế đến năm 2014 đã có 4.022 người nộp thuế đăng ký thực hiện kê khai điện tử, có 169.336 hồ sơ khai thuế đã được nhận, kết quả đạt 95% NNT nộp tờ khai thành công.

Tuy nhiên, bên cạnh rất nhiều những lợi ích của việc kê khai thuế qua mạng thì vẫn phải thấy rằng, hệ thống mạng, cơ sở dữ liệu của CQT hiện nay chưa đáp ứng tốt được cho việc kê khai thuế qua mạng. Tình trạng nghẽn mạng, sai sót trong quá trình kê khai còn xảy ra nhiều. Nhiều đơn vị bị thất lạc tờ khai mặc dù vẫn nhận được thông báo thành công khi gửi tờ khai qua mạng và nhiều trường hợp CQT vẫn phải nhập tay tờ khai vào hệ thống. Trong quá trình nhập tờ khai bằng tay vào hệ thống, rất nhiều trường hợp số thuế phát sinh của đơn vị bị nhập sai, dẫn đến số thuế nợ lên rất lớn. Nhiều trường hợp nhập nhầm lẫn giữa doanh thu tính thuế và số thuế phải nộp, nhầm giữa số phát sinh giữa các sắc thuế khác nhau.

Bên cạnh đó cũng phải thấy rằng, phần mềm hỗ trợ kê khai hiện nay mặc dù đã được nâng cấp rất nhiều nhưng vẫn không đáp ứng được hết các quy định của pháp luật. Nhiều trường hợp phần mềm không hỗ trợ được cho doanh nghiệp. Ví dụ: nhiều đơn vị thuộc diện được miễn, giảm nộp thuế, được gia hạn nộp thuế nhưng khi tích trên phần mềm thì không thể tích được do lỗi, và sau đó phải thực hiện điều chỉnh tay với cơ quan thuế ... tất cả những trường hợp này đều gây khó khăn cho công tác quản lý nợ. Không những làm số nợ ảo tăng lên mà còn tốn kém rất nhiều thời gian để có thể phát hiện, xử lý và điều chỉnh.

b) Công tác tuyên truyền, hỗ trợ

Thực hiện Luật Quản lý thuế, bộ máy tổ chức ngành thuế chuyển từ mô hình quản lý thuế theo đối tượng sang quản lý theo chức năng, lãnh đạo Cục thuế tỉnh Hải Dương rất chú trọng công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

Từ năm 2011 trở lại đây, ngành thuế nói chung và Cục thuế tỉnh Hải Dương

nói riêng đặc biệt quan tâm đến công tác tuyên truyền hỗ trợ cho NNT Giải đáp qua điện thoại, trả lời bằng văn bản cho NNT, đồng thời tổ chức tôn vinh các doanh nghiệp và hộ kinh doanh chấp hành tốt chính sách thuế, không để nợ đọng thuế. Phối hợp với các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương tuyên truyền về công tác thuế.

Qua công tác tuyên truyền đã dần nâng cao ý thức tự giác tuân thủ pháp luật thuế, góp phần giảm thiểu nợ đọng thuế và các vi phạm về thuế do thiếu hiểu biết của người nộp thuế gây ra. Tuy nhiên công tác tuyên truyền - hỗ trợ chưa dựa trên mức độ tuân thủ của NNT để phân nhóm và có hình thức, nội dung và mức độ TT-HT phù hợp. Việc đưa tin, phản ánh công khai NNT có hành vi vi phạm pháp luật thuế như trốn thuế, nợ thuế, sử dụng hóa đơn bất hợp chưa được thực hiện kịp thời nên chưa có tác dụng trong việc phê phán các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

Bảng 2.3 Tình hình tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế giai đoạn 2012-2015

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015
I	Công tác tuyên truyền					
1	Phát sóng truyền thanh, truyền hình	Buổi	23	50	35	38
2	Bài đăng báo, tạp chí	Bài	38	31	37	41
3	Biển quảng cáo, pa nô, áp phích	Biển	250	267	271	252
II	Công tác hỗ trợ doanh nghiệp					
1	Trả lời bằng văn bản	VB	157	172	259	237
2	Trả lời trực tiếp, qua điện thoại	Lượt	2301	2516	2875	3150
3	Tập huấn cho doanh nghiệp	Buổi	36	38	41	39
4	Đối thoại với doanh nghiệp	Buổi	43	48	52	47
5	Cung cấp tài liệu, ấn phẩm thuế	Bộ	1500	1550	1610	1530

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Hải Dương)

Trong những năm qua, Cục thuế tỉnh Hải Dương tăng cường các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, đặc biệt là hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, Cục thuế đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, tiếp xúc doanh nghiệp, mở các buổi tập huấn tới từng huyện để phổ biến, hướng dẫn những chính

sách pháp luật thuế mới. Không chỉ có các chuyên viên thuế tại Phòng Tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế, Cục thuế tỉnh Hải Dương còn mời về các chuyên gia trong lĩnh vực tư vấn thuế tại Bộ Tài chính, Tổng cục thuế, phổ biến tới doanh nghiệp những điểm mới nhất của Luật thuế và những vướng mắc doanh nghiệp thường gặp phải. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp bằng văn bản và điện thoại cũng được đẩy mạnh, tích cực giải đáp các thắc mắc cho người nộp thuế. Cục thuế tỉnh Hải Dương nhận định công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế là một hoạt động quan trọng trong công tác quản lý thuế nói chung, quản lý nợ thuế nói riêng, giúp nâng cao hiểu biết cũng như tính tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế.

c) Công tác thanh tra, kiểm tra

Công tác thanh tra, kiểm tra đối tượng nộp thuế đã góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật về thuế, là phương tiện phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm nảy sinh trong hoạt động quản lý thu thuế, có vai trò quan trọng trong việc cải cách thủ tục hành chính cả về quy chế và tổ chức thực hiện, giảm đến mức tối đa các thủ tục, quy chế không cần thiết gây phiền hà đến người dân và doanh nghiệp.

Bảng 2.45: Kết quả kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012 - 2015

Năm thực hiện	Số đơn vị vi phạm (DN)	Số thuế truy thu (tr.đ)	Phạt vi phạm hành chính (tr.đ)	Số thuế truy thu b.quân (tr.đ)
2012	127	14.500	1.630	114,2
2013	131	15.200	1.710	116,0
2014	145	17.700	1.820	122,1
2015	158	18.300	2.130	115,8

Nguồn Cục thuế tỉnh Hải Dương

Qua bảng 2.14 có thể thấy, kết quả kiểm tra thuế hàng năm có sự phát triển vượt bậc. Nếu như số thuế truy thu qua công tác kiểm tra năm 2012 chỉ là 14.500 triệu đồng thì con số này năm 2015 tương ứng là 18.300 triệu đồng, tức là tăng gần 4.000 triệu đồng. Có thể nói công tác kiểm tra tại trụ sở NNT đã có bước phát triển

lớn trong năm 2015, và chất lượng công tác này khá ổn định. Cụ thể, nếu như trong năm 2012, số thuế truy thu trung bình một cuộc kiểm tra là 114,2 triệu đồng/1DN, năm 2013 là 116 triệu đồng/1DN, thì đến năm 2014 con số này là 122,1 triệu đồng/1DN. Tóm lại, chất lượng công tác kiểm tra chưa phản ánh được xu thế phát triển của công tác này. Điều đó xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân của việc chạy đua theo số lượng, theo kế hoạch mà chưa coi trọng chất lượng của công tác này.

Hoạt động thanh tra thuế ở CTHD chủ yếu là thanh tra theo kế hoạch đã lập hằng năm, trong đó chú trọng thanh tra thuế đối với DNNN và doanh nghiệp ngoài quốc doanh đối với những trường hợp chủ yếu sau: Doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh đa dạng, phạm vi kinh doanh rộng; Doanh nghiệp kinh doanh lỗ, đặc biệt liên tục trên 3 năm; Các doanh nghiệp có số nợ thuế lớn; Doanh nghiệp nhiều năm chưa được thanh tra; Các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế ... Ngoài ra, thực hiện thanh tra các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế hoặc để giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan QLT hoặc theo Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.3. Đánh giá công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương

2.3.1. Những ưu điểm trong quản lý nợ thuế

Thứ nhất, Cục thuế tỉnh Hải Dương đã thực hiện quản lý nợ thuế một cách nghiêm túc theo quy trình ban hành của Tổng cục thuế trong Quyết định số 2379/QĐ-TCT và Quyết định số 1401/QĐ-TCT thay thế, tiến hành đúng các công tác theo trình tự, tỉ mỉ, chuẩn xác. Do vậy Cục thuế tỉnh Hải Dương đã thực hiện việc kiểm tra rà soát, xác định tương đối chính xác số thuế nợ đọng của từng đối tượng nợ thuế, từng loại hình kinh tế, từng sắc thuế; cũng như tình trạng, nguyên nhân chủ yếu nợ thuế để từ đó có biện pháp xử lý hoặc kiến nghị các biện pháp xử lý đối với từng khoản nợ thuế. Nhờ điều này mà hoạt động cưỡng chế, thu hồi nợ diễn ra hiệu quả hơn.

Thứ hai, đồng thời với việc quản lý, đối chiếu các khoản nợ đọng thì các biện

pháp quản lý thu nợ được áp dụng như: đối với các khoản nợ thuế có khả năng thu thì thường xuyên tổ chức vận động, tuyên truyền, tăng cường xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm về thuế để răn đe. Theo dõi sát tình hình kê khai, nộp thuế của người nộp thuế để nắm được kịp thời nợ phát sinh, thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nộp để giảm tối đa các khoản nợ mới phát sinh. Còn đối với các khoản nợ khó thu, thái độ doanh nghiệp chây ì thì Cục thuế Hải Dương đã thực hiện các biện pháp cưỡng chế cứng rắn quy định trong Luật quản lý thuế để thu hồi tiền thuế.

Thứ ba, công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế đã bước đầu tạo sự chuyển biến về ý thức tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế. Bằng các hoạt động tuyên truyền hỗ trợ thường xuyên, quan tâm sát sao tới khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, giải quyết nhanh gọn các công văn thắc mắc của đối tượng nộp thuế, Cục thuế tỉnh Hải Dương đã tạo được niềm tin cho phía doanh nghiệp, giải quyết được các sai sót trong quá trình kê khai nộp thuế. Tranh thủ được lòng tin của người dân cũng như sự ủng hộ từ phía cơ quan chính quyền UBND tỉnh Hải Dương, Cục thuế tỉnh Hải Dương đã tạo được những chuyển biến tích cực trong nhận thức của người dân về trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế của mình. Đây là thành tựu nổi bật của Cục thuế tỉnh Hải Dương trong suốt thời gian qua, thúc đẩy hoạt động thu NSNN đạt hiệu quả cao.

Thứ tư, đội ngũ cán bộ, công chức thuế tại Phòng Quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương ngày càng được trẻ hóa, và tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Việc sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm hỗ trợ linh hoạt và chuẩn xác hơn, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác thống kê, tổng hợp, lưu trữ số liệu, báo cáo.

2.3.2. Những hạn chế trong quản lý nợ thuế và nguyên nhân

a) Những mặt hạn chế trong quản lý nợ thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương

Ngoài những thành tựu kể trên, hoạt động quản lý nợ thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương còn tồn đọng một số hạn chế cần khắc phục. Việc phát sinh nợ thuế theo như phần thực trạng đã trình bày bên cạnh nguyên nhân khách quan về tình hình kinh tế một phần là do chất lượng quản lý nợ thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương

chưa cao. Trong thời gian vừa qua, công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế tại Cục thuế tỉnh Hải Dương bên cạnh những kết quả đạt được đáng khích lệ thì cũng còn một số tồn đọng cụ thể như sau:

Một là, thực tế cho thấy thì mặc dù tỷ lệ nợ thuế so với tổng thu ngân sách do Cục thuế quản lý có xu hướng giảm xong số tuyệt đối về tổng số thuế nợ lại tăng qua các năm, năm sau cao hơn so với năm trước. Cụ thể như đã được trình bày ở phần thực trạng trên, năm 2012 số tiền thuế nợ là 514 tỷ, năm 2013 tổng thuế nợ đột biến lên tới 707 tỷ, năm 2014, mức nợ thuế là 526 tỷ. Đặc biệt, số thuế nợ khó thu tăng dần qua các năm còn khoản nợ có khả năng thu thì lại có xu hướng giảm xuống. Cụ thể, năm 2012, nợ khó thu là 186 tỷ đến năm 2015, khoản nợ khó thu đã lên mức 220 tỷ. Song song đó, nợ có khả năng thu từ 2012 đến 2015 giảm từ 266 tỷ xuống còn 177 tỷ. Mức chênh lệch giữa những khoản nợ này thể hiện việc quản lý thuế của Cục thuế Hải Dương cần phải có sự xem xét, chỉnh sửa và bổ sung thêm nhiều biện pháp khắc phục hơn nữa.

Hai là, công tác thu hồi nợ đọng kết quả đạt được chưa cao, mặc dù năm sau có số thu hồi nợ thuế cao hơn năm trước nhưng vẫn chưa đạt được theo như kế hoạch đề ra đó là thu hồi nợ đọng tiền thuế năm trước chuyển sang đạt trên 85% và số nợ phát sinh tại thời điểm 31/12 hàng năm ở mức thấp hơn 10% so với số thuế ghi thu. Công tác đôn đốc, thu hồi nợ thuế đã được triển khai với số lượng nhiều hơn xong hiệu quả lại chưa cao. Các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ gắn liền với công tác cưỡng chế nợ thuế chưa thực sự quyết liệt dẫn đến tình trạng nợ đọng vẫn ở mức cao.

Ba là, công tác phân loại tiền thuế nợ theo tính chất nợ chưa hiệu quả, dẫn tới tình trạng gia tăng số thuế chờ xử lý và điều chỉnh. Đây là số thuế ảo mà cơ quan thuế cần nhanh chóng bóc tách để có nhìn nhận chính xác nhất về tình hình nợ thuế của các đơn vị do Cục thuế quản lý. Tổng số nợ thuế chờ xử lý và điều chỉnh năm 2012 là trên 60 tỷ, tăng qua các năm và đến năm 2015 đã tăng lên mức trên 110 tỷ. Điều này chứng tỏ hiệu quả của công tác phân loại nợ thuế chưa cao, thiếu sự sát sao của cán bộ, công chức thuế trong việc nắm bắt bản chất các khoản nợ.

b) Nguyên nhân

b1) Nguyên nhân về hệ thống pháp luật thuế

Thứ nhất, hệ thống luật đã được bổ sung sửa đổi và hoàn thiện hơn xong vẫn còn một số vướng mắc và thiếu tính thực tiễn.

Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung Luật Quản lý thuế được ban hành đã làm cho tình hình nộp thuế đã nghiêm chỉnh hơn, tuy nhiên trong quá trình thực hiện cũng còn một số vướng mắc. Các quy định về gia hạn nộp thuế chưa phù hợp với tình hình thực tế, chưa bao quát hết các trường hợp phát sinh thực tế như: trong Luật quản lý thuế và Nghị định số 85/2007/NĐ-CP chỉ quy định 4 trường hợp được gia hạn nộp thuế; vì vậy trong thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đặc biệt là các trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa có cơ chế xử lý giãn nợ cũng là nguyên nhân làm cho số nợ thuế tăng lên trong thời gian qua. Đối với nhiều doanh nghiệp trong thời gian qua thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp như sáp nhập, giao, khoán kinh doanh hoặc cổ phần hóa gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, còn nợ thuế nhưng không được gia hạn nộp thuế. Hoặc việc gia hạn nộp thuế cho người nộp thuế bị thiên tai, hỏa hoạn gặp khó khăn thì về mặt thủ tục theo quy định phải có Biên bản của Hội đồng xác định giá trị của tài sản bị thiệt hại, Trung tâm định giá hoặc Công ty định giá nhưng thực tế nhiều trường hợp không có văn bản này nên chưa cơ sở để giải quyết.

Thứ hai, một số quy định không hợp lý dẫn đến hiệu quả công tác quản lý nợ thuế chưa cao.

Việc quy định trình tự thanh toán tiền thuế, tiền nợ: Theo quy định của Luật quản lý thuế, trường hợp NNT vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt thì thứ tự thanh toán như sau: tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền thuế phát sinh, tiền phạt. Do đó, khi NNT có đồng thời khoản nợ cũ và khoản nợ mới phát sinh và nộp tiền để thanh toán khoản nợ mới phát sinh thì số tiền này sẽ tự động được bù trừ với khoản nợ cũ trước đó. Chính vì quy định này mà nhiều trường hợp các doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính, cố gắng để hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thuế mới phát sinh nhưng vì quy định này nên phần

thuế mới phát sinh sẽ vẫn trở thành nợ. Điều này gây khó khăn không nhỏ cho các đơn vị đã cổ phần hóa, đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, thay đổi người đại diện pháp luật ... vẫn còn những khoản nợ từ trước và gặp khó khăn về tài chính tạm thời không thể thanh toán khoản nợ thuế từ trước. Điều này làm cho nợ thuế ngày càng dày lên và các đơn vị không đủ nguồn lực để nộp nợ thuế.

Việc quy định mức phạt chậm nộp: Theo quy định hiện hành, NNT bị tính phạt chậm nộp 0,05%/ngày. Tuy nhiên mức phạt này hiện nay vẫn còn thấp hơn mức lãi suất ngân hàng vì thế hiệu quả của biện pháp hành chính chưa mang lại hiệu quả cao.

Việc quy định số ngày chậm nộp tiền thuế: Theo quy định của Luật quản lý thuế, số ngày chậm nộp tiền thuế được tính từ ngày hết hạn nộp tiền thuế, tiền phạt đến ngày số tiền thuế, tiền phạt của NNT được nộp và NSNN (tính cả ngày NNT nộp tiền vào NSNN). Quy định này chưa có tính khuyến khích đối với người nộp thuế, thậm chí cả ngày nộp tiền vào NSNN cũng được tính là ngày chậm nộp.

Theo quy định hiện hành, cá khoản tiền thuế đã nộp vào NSNN nhưng do sai sót thì phải được phát hiện và điều chỉnh trong năm ngân sách và chậm nhất là 31/1 của năm sau. Nếu trong thời hạn đó mà khoản nợ sai của NNT chưa được điều chỉnh thì NNT phải nộp khoản tiền đó vào NSNN trước rồi sau làm thủ tục hoàn thuế (với khoản đã nộp nhưng sai sót). Quy định này có tác dụng khuyến khích NNT phát hiện sớm và điều chỉnh các khoản sai sót kịp thời nhưng nó lại không thuận lợi cho cả NNT và CQT trong công tác quản lý nợ thuế. Về phía NNT, nhiều khi NNT không phát hiện ra sai sót của mình hoặc sai sót không thuộc về phía NNT (thuộc về phía ngân hàng hoặc kho bạc). Do đó, NNT chỉ biết mình phát sinh nghĩa vụ thuế và đã hoàn thành chứ không biết có sai sót và vẫn còn nợ thuế. Hơn nữa, những khoản thuế phát sinh vào dịp cuối năm, nếu có sai sót và chiếu theo thời hạn điều chỉnh thì rất khó khăn cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

b2) Nguyên nhân từ phía cơ quan quản lý thuế

Thứ nhất, việc chuyển sang hình thức quản lý thuế mới: tự khai - tự nộp khiến các Chi cục thuế, Cục thuế chưa kịp thích ứng.

Trong những năm vừa qua, mô hình tổ chức bộ máy công tác quản lý thuế mới chuyển sang áp dụng hình thức tự khai - tự nộp thuế, vì vậy cơ quan thuế nói chung và Cục thuế tỉnh Hải Dương chưa kịp thích ứng và triển khai. Mặt khác, những năm trước đó việc giám sát, xác định số nợ thuế chưa chặt chẽ, không bám sát tình hình nộp thuế, nên số nợ thuế tăng nhanh.

Thứ hai, công tác phối hợp giữa cán bộ, công chức Phòng Quản lý nợ và cường chế nợ thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương với các Đội quản lý nợ thuế tại các Chi cục chưa hiệu quả. Hầu như các phòng và đội làm việc một cách độc lập, chỉ gắn kết về mặt báo cáo số liệu. Đây cũng là một vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý nợ và cường chế nợ thuế ở Cục thuế tỉnh Hải Dương.

Thứ ba, chưa chủ động tích cực trong việc phối kết hợp với các cơ quan hữu quan như KBNN, các ngân hàng, Viện Kiểm sát, UBND,...trong vấn đề thực hiện đơn đốc thu hồi nợ thuế. Sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong công tác quản lý nợ còn chưa kịp thời; đặc biệt trong việc cung cấp số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, một số ngân hàng có biểu hiện miễn cưỡng và thiếu hợp tác. Mặt khác, chưa có cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế với Ngân hàng Nhà nước nên vẫn còn tồn tại tình trạng ngân hàng chậm cung cấp thông tin cho cơ quan thuế. Công tác phối hợp, hỗ trợ truy tìm, điều tra xác minh các đối tượng nợ thuế bỏ trốn chưa tốt. Ngoài ra, các cơ quan pháp luật thực hiện điều tra xử lý đối tượng vi phạm pháp luật thuế chưa tích cực dẫn đến nhiều vụ việc thường kéo dài, không có kết luận xử lý hoặc khi xử lý không thông tin cho cơ quan thuế biết để phối hợp xử lý thu nợ.

Thứ tư, công tác lập kế hoạch, giao chỉ tiêu thu tiền thuế nợ chưa được chi tiết cụ thể đến từng cán bộ quản lý nợ cũng như các đội thuế có liên quan dẫn đến công tác đơn đốc thu hồi nợ thuế chưa đem lại hiệu quả cao.

Thứ năm, Phòng Quản lý nợ và quản lý thuế tại Cục thuế tỉnh Hải Dương vẫn tập trung chủ yếu vào công việc đối chiếu, xác định số nợ thực tế, chưa có những triển khai mạnh các biện pháp nhằm thu hồi nợ và cường chế thu nợ. Do vậy, hiệu quả đơn đốc thu nợ còn thấp.

b3) Nguyên nhân từ phía người nộp thuế

Thứ nhất, nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng nợ đọng thuế là do ý thức tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế tại Việt Nam nói chung, tỉnh Hải Dương nói riêng chưa cao, cố tình dây dưa, chây ì không chịu nộp số thuế theo nghĩa vụ gây nợ thuế cao. Biểu hiện là tỷ trọng nợ thuế ở khu vực ngoài quốc doanh và khu vực doanh nghiệp nhà nước khá cao, trong khi nhóm doanh nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lại thấp nhất (mặc dù tỷ trọng trong tổng thu ngân sách nhà nước không phải là ít). Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu phấn đấu của các nhà kinh doanh là lợi nhuận tối đa. Do vậy họ luôn tìm cách để tăng lợi nhuận và giảm thiểu chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Với việc cho rằng nộp thuế cho Nhà nước đã làm giảm đi quyền lợi vật chất mà lẽ ra họ được hưởng. Cho nên vì lợi ích trước mắt của riêng mình họ luôn có tư tưởng và hành động không tuân thủ pháp luật về thuế, tìm mọi cách để không phải nộp thuế hoặc nộp thuế với mức thấp nhất so với nghĩa vụ phải nộp theo quy định trong các luật thuế.

Thứ hai, hiểu biết pháp luật thuế của người dân còn hạn chế. Trong các chương trình giáo dục, đào tạo hiện nay đã phổ biến về ý thức nộp thuế là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người. Đồng thời, trong các chương trình đào tạo nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học, thuế được đưa vào là một học phần để giảng dạy. Tuy nhiên, việc pháp luật và chính sách thuế thay đổi quá nhanh và quá nhiều làm cho cơ quan thuế cũng khó khăn trong việc thích nghi, chưa kể đến người nộp thuế. Việc nắm bắt được hết các pháp luật thuế hiện hành không phải NNT nào cũng đáp ứng được. Cho nên, không chỉ là vấn đề về ý thức tuân thủ pháp luật thuế mà chính nhận thức và hiểu biết pháp luật thuế của người nộp thuế cũng còn hạn chế.

Tóm lại, qua nghiên cứu tìm hiểu, Cục thuế tỉnh Hải Dương trong những năm vừa qua đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý nợ thuế, cụ thể đã chủ động triển khai các biện pháp thu nợ, tích cực tuyên truyền phổ biến luật thuế, thực hiện cải cách hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế của mình, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra những đối tượng nợ đọng và xử lý theo đúng pháp luật... Vì vậy, công tác quản lý nợ và

cưỡng chế thuế tại Cục thuế tỉnh Hải Dương đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ được giao. Mặc dù vậy, trong quá trình triển khai công tác quản lý nợ, Cục thuế tỉnh Hải Dương vẫn tồn tại một số bất cập như đã được trình bày ở phần trên như: Số nợ đọng ngày càng gia tăng, mức nợ đọng lớn, biện pháp đôn đốc thu hồi nợ thuế chưa thực sự đem lại kết quả cao. Trước thực trạng như vậy, đòi hỏi Cục thuế tỉnh Hải Dương phải triển khai các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế để góp phần chống thất thu NSNN.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Quan điểm, định hướng hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương

3.1.1. Quan điểm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương

Đảm bảo đúng chủ trương, chính sách, pháp luật thuế trong từng giai đoạn, Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế có hiệu lực thi hành từ 01/07/2007; Quyết định số 2379/QĐ-TCT ngày 22/12/2014 về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế có hiệu lực từ 01/04/2015 thay thế cho Quyết định số 1395/QĐ-TCT ngày 14/10/2011; Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/07/2015 thay thế cho Quyết định số 2379/QĐ-TCT. Đây là bước tiến mới trong quản lý thuế theo hướng tiên tiến, hiện đại. Nội dung quản lý thuế đã thể hiện rõ hiện đại hoá toàn diện công tác quản lý thu thuế cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính, bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ, áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát cho được tất cả các đối tượng nộp thuế, hạn chế thất thu thuế ở mức thấp nhất, bảo đảm thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu vào NSNN. Bổ sung quyền cưỡng chế thuế, điều tra các vụ vi phạm về thuế cho cơ quan thuế, áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thuế trên phạm vi toàn quốc. Thực hiện tuyên truyền, giáo dục về thuế bằng nhiều hình thức phong phú để nâng cao ý thức tự giác tuân thủ pháp luật của đối tượng nộp thuế; khuyến khích và phát triển mạnh mẽ các dịch vụ tư vấn, kế toán thuế; mở rộng diện nộp thuế theo phương pháp kê khai. Đặc biệt kể từ 1/7/2016, khi Luật số 106 sửa đổi, bổ sung 3 Luật đó là Luật Thuế GTGT, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế có hiệu lực thi hành sẽ tháo gỡ rất nhiều khó khăn, vướng mắc cho DN trong vấn đề nợ thuế. Theo đó, công tác quản lý thuế nói chung và quản lý nợ thuế nói riêng hướng tới mục đích chia sẻ khó khăn với những người nộp thuế có ý thức, thái độ tuân thủ pháp luật thuế nhưng hiện tại đang gặp khó khăn về tài chính.

Cục thuế tỉnh Hải Dương tổ chức chỉ đạo thực công tác quản lý nợ thuế đối

với các doanh nghiệp do văn phòng cục thuế quản lý đi theo đúng chủ trương đường lối của Nhà nước và quan điểm của Tổng cục thuế. Quan điểm đó dựa trên qui định xử lý đối tượng chậm nộp thuế phù hợp với thông lệ quốc tế, và đảm bảo nguyên tắc tôn trọng sự tuân thủ tự nguyện của đối tượng nộp thuế và xử lý một cách công bằng. Cụ thể, quan điểm của Cục thuế tỉnh Hải Dương trong việc hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đạt mục tiêu nâng cao hiệu quả thu NSNN như sau:

- Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế phải được thực hiện trên cơ sở nâng cao hiệu lực quản lý thuế

Thực tiễn nước ta và kinh nghiệm trên thế giới cho thấy còn có một bộ phận tổ chức, cá nhân cố tình trốn thuế, gian lận thuế, cố tình chây ì nộp thuế bằng nhiều thủ đoạn tinh vi hành vi chiếm đoạt tiền thuế. Các vi phạm trên sẽ gia tăng nếu cơ quan quản lý thuế không áp dụng các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn. Theo quan điểm này, nếu cơ quan thuế không quản lý được người nộp thuế sẽ làm cho việc quản lý nợ gặp khó khăn dẫn đến không có cơ sở để quản lý nợ. Đồng thời, nếu không làm tốt công tác quản lý thuế nói chung và công tác kê khai và kế toán thuế nói riêng thì sẽ không có cơ sở dữ liệu để quản lý nợ thuế. Chính vì vậy, áp dụng các biện pháp quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế phải đảm bảo nhằm phát hiện kịp thời các hành vi chây ì nợ thuế, thực hiện thu đủ, thu kịp thời tiền thuế vào NSNN, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp đồng thời nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, đảm bảo tính hiệu lực của pháp luật nhà nước. Ngoài ra, quản lý nợ thuế còn phải phù hợp với cơ chế quản lý thuế theo chức năng.

- Hoàn thiện của công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế phải đảm bảo tăng thu ngân sách từ thuế nhưng vẫn phải đảm bảo lợi ích cho các tổ chức sản xuất kinh doanh trong xã hội

Cơ sở của quan điểm này là nguyên tắc lịch sử cụ thể của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Theo đó, chính sách thuế nói chung và chính sách quản lý đơn đốc nợ nói riêng muốn đi vào thực tế cuộc sống thì phải phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Mặc dù thuế là nguồn thu ngân sách chính của nhà

nước song đảm bảo tăng nguồn thu ngân sách phải gắn liền với lợi ích kinh tế chung của xã hội, nghĩa là vẫn tạo điều kiện để doanh nghiệp, người nộp thuế phát triển, khuyến khích tăng trưởng. Nếu chính sách thuế không phù hợp và không tạo điều kiện thuận lợi để người nộp thuế phát triển sản xuất kinh doanh có thể dẫn tới vô hiệu hoặc không phát huy đúng tác dụng như mong muốn.

- Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế phải được thực hiện phù hợp với trình độ quản lý và điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam hiện nay

Quan điểm này xuất phát từ đòi hỏi tất yếu khi đất nước ta mở cửa nền kinh tế, mở rộng quan hệ kinh tế - chính trị với các nước và tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế. Trong điều kiện này, hoạt động của các thực thể kinh tế trong nước và quốc tế đan xen và chịu tác động đồng thời của hệ thống chính sách thuế và hệ thống quản lý thuế. Chính vì vậy, theo quan điểm này, cơ quan thuế cần thiết phải đặc biệt quan tâm việc cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của công tác quản lý thuế nói chung và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước khi hội nhập kinh tế quốc tế.

3.1.2. Định hướng nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương

Trong thời gian tới, cần xem xét tạo điều kiện cho đối tượng nộp thuế phát triển kinh doanh, có thể có những chính sách ưu tiên đối với một số đối tượng trong việc khoan nợ, cho phép nộp theo phân kỳ các khoản nợ thuế, hoặc không tính phạt chậm nộp trong một thời gian nhất định để tạo điều kiện cho đối tượng nộp thuế phát triển trong thời kỳ suy thoái kinh tế như hiện nay, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã được Quốc hội thông qua, Việt Nam phải đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển theo chiều sâu dựa trên tri thức đổi mới, sáng tạo, khoa học và công nghệ cao, trong đó doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân là động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP về việc hỗ trợ phát triển

doanh nghiệp đến năm 2020 ngày 16 tháng 5 năm 2016, trong đó nêu rõ nhiệm vụ phải xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển và trở thành động lực của nền kinh tế. Theo đó, các cơ quan quản lý nhà nước khi ban hành và thực thi chính sách phải bảo đảm xác định rõ mỗi nhiệm vụ có một đầu mối và người chịu trách nhiệm. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát cần bảo đảm mục tiêu ngăn chặn, phát hiện và xử lý vi phạm đồng thời hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật.

Việc đảm bảo quan điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc đề xuất những giải pháp có giá trị với thực tiễn quản lý kinh tế đất nước. Từ đó, Cục thuế tỉnh Hải Dương đã đưa ra những định hướng hoàn thiện quản lý nợ thuế trên địa bàn giai đoạn 2015-2020 như sau:

- Thực hiện đầy đủ nghiêm túc các bước, các nội dung đã được quy định tại quy trình Quản lý nợ; quy trình cưỡng chế nợ thuế.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ Người nộp thuế nhằm tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho Người nộp thuế
- Tập trung chỉ đạo các đơn vị có số nợ lớn như Thành phố Hải Dương, huyện Kinh Môn vào cuộc quyết liệt trong công tác QLN và CCNT.
- Phòng Quản lý nợ thực hiện việc kiểm tra, giám sát một cách thường xuyên, liên tục đối với các Chi cục bằng nhiều hình thức, biện pháp như: Ban hành thông báo 07/QLN hàng tháng; Thực hiện kiểm tra trực tiếp tại các Chi cục về những nội dung, công việc cụ thể.
- Hạn chế tối đa các trường hợp nợ tiền thuế phát hiện truy thu qua thanh tra, kiểm tra.
- Cục Thuế kiên quyết không xét thi đua đối với các đơn vị không đảm bảo được các nhiệm vụ, chỉ tiêu thu nợ đã giao.

3.1.3. Mục tiêu của công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Hải Dương trong giai đoạn tới

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII đã nhận định mục tiêu kinh tế đất nước

đến năm 2020, xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động, trong đó có các doanh nghiệp có quy mô lớn, nguồn lực mạnh. Khu vực tư nhân Việt Nam đóng góp khoảng 48 - 49% GDP, khoảng 49% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 30 - 35% GDP. Năng suất lao động xã hội tăng khoảng 5%/năm. Hàng năm, có khoảng 30 - 35% doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động đổi mới sáng tạo. Theo đó, để hoàn thành mục tiêu này các cơ quan quản lý nhà nước nói chung, cơ quan ngành thuế nói riêng phải lấy doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ, hỗ trợ và phát triển các doanh nghiệp để trở thành động lực của nền kinh tế.

Theo chỉ thị về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và lập kế hoạch đầu tư công 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của UBND tỉnh Hải Dương, mục tiêu trong công tác thu ngân sách trong 5 năm tới được nêu cụ thể như sau: Nâng cao khả năng huy động vào NSNN, gắn với công khai, minh bạch và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý ngân sách. Chủ động và tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng kết cấu hạ tầng. Theo kế hoạch định hướng này Cục thuế tỉnh Hải Dương đã xây dựng mục tiêu, yêu cầu thực hiện Luật quản lý thuế nói chung và thực hiện QĐ 1401/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế nói riêng giai đoạn 2015-2020 cụ thể:

- Phấn đấu hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu ngân sách hàng năm. Thi đua khai thác nguồn thu, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu có hiệu quả;

- Đẩy mạnh các biện pháp đôn đốc nợ đọng thuế, phấn đấu giảm số thuế nợ đọng xuống mức thấp nhất. Đẩy mạnh cải cách và hiện đại quản lý thu, hoàn thành vượt mức kế hoạch cải cách và hiện đại hóa đã được Tổng Cục Thuế phê duyệt.

- Nâng cao kỷ luật, kỷ cương, cải cách lề lối làm việc, thái độ, tác phong ứng xử, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, phục vụ tốt nhất cho người nộp thuế.

- Triển khai hình thức kê khai thuế qua mạng Internet, phấn đấu đến hết năm 2016 có 100% doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng Internet và nộp thuế điện tử.

- Đảm bảo số nợ không vượt quá 5% tổng thu ngân sách: Để hoàn thành thu NSNN năm 2016, Cục thuế sẽ tăng cường đôn đốc, cưỡng chế nợ thuế theo đúng thủ tục, trình tự quy định của pháp luật. Thực hiện rà soát, phân loại nợ; giao chỉ tiêu thu nợ hàng tháng cho từng bộ phận, từng cán bộ để phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp thu nợ để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu nợ năm 2016 nhằm đảm bảo số nợ có khả năng thu đạt tỷ lệ không quá 5% so với tổng thu NSNN trên địa bàn.

3.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương

3.2.1. Giải pháp trong thực hiện quy trình quản lý nợ thuế

Nâng cao chất lượng nghiệp vụ quản lý nợ thuế là giải pháp hữu hiệu và mang tính cốt lõi giải quyết vấn đề về nợ đọng thuế. Đây là giải pháp đặc biệt quan trọng trong điều kiện hiện nay và thời gian sắp tới. Như đã phân tích tại các phần trên, việc quản lý nợ nếu chính xác là điều kiện cần để từ đó cơ quan thuế áp dụng những biện pháp đôn đốc thu nợ phù hợp. Nếu quản lý nợ thuế không đầy đủ và bao quát các khoản nợ sẽ làm cho số nợ tăng hoặc không phản ánh đúng thực chất nợ tại cơ quan thuế. Mặt khác, sẽ làm cho tình trạng nợ kéo dài, gây khó khăn cho việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế của nhà nước. Đảm bảo quản lý nợ chính xác góp phần quan trọng trong việc đôn đốc nợ, giảm thiểu số nợ thuế, chống thất thu NSNN. Chính vì vậy, để thực hiện giải pháp này, cơ quan thuế cần tập trung thực hiện những việc sau:

Trước tiên, Cục thuế Hải Dương cần triển khai công tác quản lý nợ thuế theo đúng quy trình hướng dẫn tại Quyết định số 1401/QĐ-TCT ban hành ngày 28 tháng 7 năm 2015 về quy trình quản lý nợ thuế. Đây là cơ sở cốt lõi để thực hiện quản lý nợ thuế theo đúng triển khai của Tổng cục thuế.

Cục thuế Hải Dương cần phải rà soát, phân loại chính xác số nợ thuế đến 31/12 hàng năm. Nếu trường hợp trong quá trình rà soát, phân loại nợ phát hiện sự

chênh lệch giữa cơ quan thuế và đối tượng nợ thuế thì Cục thuế cần nhanh chóng ban hành quyết định điều chỉnh, xoá các khoản nợ thuế không có thực sau khi bộ phận quản lý đã rà soát, đối chiếu và xác định. Đó có thể là các khoản nợ chờ điều chỉnh do cơ quan thuế tạm tính nghĩa vụ thuế, nợ chờ điều chỉnh do chứng từ luân chuyển chậm, số thuế tính nhầm, nợ phạt chậm nộp tính nhầm v.v... hoặc đối với các khoản nợ đã được xử lý tạm khoan nợ, giãn thời hạn nộp thuế theo các quy định có hiệu lực trước khi Luật Quản Lý thuế có hiệu lực thi hành thì tiếp tục theo dõi thu hồi vào NSNN theo các quyết định khoan nợ giãn nợ. Đến hết thời hạn theo các quyết định khoan, giãn nợ mà người nộp thuế chưa nộp hết số thuế nợ thì cần cương quyết thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo Luật Quản lý thuế để thu hồi nợ thuế. Đối với các khoản nợ chờ xử lý do khiếu nại, cơ quan thuế rà soát lại các thủ tục giải quyết khiếu nại, thuộc quyền giải quyết của cấp Cục thuế thì phải khẩn trương xem xét ra quyết định giải quyết khiếu nại, thuộc thẩm quyền cấp Tổng cục thuế hoặc Bộ Tài chính thì báo cáo Tổng cục, Bộ để giải quyết. Khi đã có quyết định giải quyết khiếu nại cần đôn đốc cán bộ quản lý nợ xử lý dứt điểm khoản nợ chờ xử lý do khiếu nại.

Đối với các trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn khách quan khác do thiên tai, tai nạn bất ngờ thì xử lý gia hạn nộp thuế theo Luật Quản lý thuế. Đối với các khoản nợ thuế do chây ì: phải thực hiện các biện pháp cưỡng chế Luật Quản lý thuế đã quy định để thu hồi vào ngân sách. Đối với các khoản nợ khó thu của các doanh nghiệp đã giải thể, các đối tượng đã bỏ trốn, mất tích không có đối tượng để thu hồi nợ các cơ quan thuế cần theo dõi riêng, không tính phạt chậm nộp. Sau đó, cần tổng hợp, báo cáo Cục thuế tổng hợp báo cáo Tổng cục Thuế để xin chủ trương xử lý.

Đối với các khoản nợ thông thường cần phải thường xuyên tổ chức vận động, tuyên truyền, giải thích về nghĩa vụ cho người nộp thuế, tăng cường xử lý nghiêm minh các vi phạm về thuế để răn đe. Theo dõi sát tình hình kê khai, nộp thuế của người nộp thuế để nắm bắt được kịp thời nợ phát sinh, thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nộp để không phát sinh nợ mới.

Việc xác định các khoản nợ một cách chính xác, phân loại nợ thuế hợp lý rõ ràng theo tính chất nợ, theo từng sắc thuế, loại hình, và khả năng thu hồi nợ giúp Cục thuế tỉnh Hải Dương có những nhận định rõ ràng về tình hình nợ thuế trên địa bàn. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đôn đốc thu hồi nợ phù hợp. Với những khoản nợ có khả năng thu hồi thì Cục thuế cần tổ chức hỗ trợ, tuyên truyền vận động doanh nghiệp tự giác nộp thuế, trong trường hợp cố tình chây ì mới dùng các biện pháp mạnh hơn. Với các khoản nợ khó có khả năng thu hồi Cục thuế cần có sự xem xét xử lý nợ sớm nhất có thể.

Xây dựng kế hoạch cho hoạt động tuyên truyền hỗ trợ cũng khá quan trọng. Cục thuế cần xây dựng kế hoạch rõ ràng, thực hiện các biện pháp tuyên truyền đúng đối tượng, đúng thời điểm, lên kế hoạch cân đối với chi phí. Chú trọng những biện pháp tuyên truyền có sức lan tỏa rộng và mang tính thực tế như truyền hình, tổ chức gặp mặt doanh nghiệp và quan trọng nhất là hỗ trợ giải quyết thắc mắc của doanh nghiệp. Để công tác nghiệp vụ nâng cao hiệu quả, Cục thuế tỉnh Hải Dương cũng cần cải thiện hơn về cơ sở vật chất như: máy vi tính, phần mềm, tủ hồ sơ, tài liệu,... để phục vụ công tác chuyên môn tốt hơn. Đặc biệt cần ứng dụng các công nghệ thông tin tiên tiến vào hệ thống máy móc làm việc, đồng bộ hóa tin học nhằm giúp hoạt động quản lý nhanh gọn và chính xác hơn.

3.2.2. Giải pháp về phân công công việc đối với cán bộ công chức thuế làm công tác quản lý nợ thuế

Thời gian qua, hiệu quả công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế chưa cao có một phần trách nhiệm của bộ phận quản lý nợ thuế. Bộ phận này chưa tham mưu tốt cho lãnh đạo Cục thuế các biện pháp xử lý nợ thuế phù hợp. Thêm vào đó, chưa gắn lương, thưởng và các lợi ích khác của cán bộ quản lý nợ với việc hoàn thành trách nhiệm được giao. Chính vì vậy, thời gian tới Cục thuế tỉnh Hải Dương cần bổ sung lực lượng cán bộ cho Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế thuế. Đồng thời, cần tổ chức sắp xếp bố trí lực lượng cán bộ của bộ phận liên quan tham gia quy trình hợp lý đảm bảo đối tượng nộp thuế phải có cán bộ cụ thể quản lý theo dõi đôn đốc nộp thuế. Lãnh đạo Cục thuế cần giao chỉ tiêu kế hoạch cần đạt được cho Trưởng phòng,

phó trưởng phòng Quản lý nợ và cưỡng chế thuế để tăng cường trách nhiệm cho bộ phận này.

Bất cập của công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế hiện nay là việc phân công cán bộ quản lý nợ chưa hợp lý. Do vậy, trước mắt cơ quan thuế cần phân công cán bộ quản lý nợ và cưỡng chế thuế một cách rõ ràng trên cơ sở nhu cầu công việc và trình độ cán bộ. Hoặc có thể phân công cán bộ quản lý khép kín từ quản lý nợ đến đơn đốc thu hồi thuế hoặc phân công quản lý trên cơ sở phát sinh công việc. Mỗi khoản nợ, đối tượng nộp thuế cụ thể phải có cán bộ quản lý chịu trách nhiệm. Đảm bảo mỗi cán bộ quản lý nợ được giao quản lý một số đối tượng nợ thuế, khoản nợ thuế phù hợp, có khả năng hoàn thành nhiệm vụ, hạn chế tình trạng quá tải của cán bộ ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác quản lý nợ.

Cần đưa vào tiêu chuẩn đánh giá thi đua, đánh giá công chức nếu cán bộ thuế phụ trách quản lý nợ, đơn đốc thu nộp không hoàn thành chỉ tiêu đơn đốc thu nộp, để nợ thuế của các đối tượng mình phụ trách vượt quá chỉ số quy định. Trường hợp việc không hoàn thành nhiệm vụ đơn đốc thu nộp và thu hồi nợ đọng mà có nguyên nhân khách quan, thì cần xem xét thỏa đáng những nguyên nhân khách quan này để có phương án xử lý phù hợp. Cần xử lý nghiêm cán bộ có vi phạm, thông đồng hoặc bao che cho người nộp thuế để phát sinh nợ thuế, không thu hồi nợ đọng.

Cần phân công nhiệm vụ và gắn trách nhiệm thu nợ thuế rõ ràng cho từng cán bộ trong Phòng quản lý nợ thuế để nâng cao tính trách nhiệm và tinh thần phấn đấu của cán bộ ngành thuế.

Đi liền với việc tăng cường trách nhiệm của bộ phận quản lý nợ thuế và công chức ngành thuế, Cục thuế cũng cần có sự đầu tư về đào tạo đội ngũ, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ ngành thuế có nhiều cơ hội tham gia học tập, trau dồi kiến thức chuyên môn như tạo điều kiện đi học Đại học, sau đại học, thạc sĩ,... để nâng cao trình độ.

3.2.3. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận quản lý nợ và các bộ phận có liên quan khác trong quản lý nợ thuế

Quản lý nợ thuế là nhiệm vụ chính của Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế thuế.

Tuy nhiên, các bộ phận khác trong cơ quan thuế cũng có trách nhiệm phối hợp thực hiện nhiệm vụ này với Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế thuế, đó là các phòng: Thanh tra, kiểm tra thuế; Phòng Kế khai và kế toán thuế; Phòng Tuyên truyền hỗ trợ,...và các Đội quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế tại Chi cục thuế các huyện. Phòng Kế khai và kế toán thuế có trách nhiệm phối hợp đối chiếu số liệu nợ thuế, xác định chính xác số nợ thuế với Đội Quản lý nợ và cưỡng chế thuế. Phòng Thanh tra, kiểm tra thuế có trách nhiệm đối chiếu nợ thuế với Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế thuế và phối hợp đôn đốc thu nộp với những đối tượng theo dõi của Phòng Thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, hiện nay, công tác phối hợp giữa các bộ phận này còn chưa thật ăn khớp. Đặc biệt là công tác đôn đốc thu nộp do cả hai bộ phận cùng chịu trách nhiệm nên khó phân định trách nhiệm. Trong khi chờ sự sửa đổi quy định của Tổng cục Thuế, Cục thuế tỉnh Hải Dương cần có quy định nội bộ về trách nhiệm phối hợp, cơ chế phối hợp và phân định trách nhiệm tạm thời giữa các bộ phận này nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ, đặc biệt là công tác đôn đốc thu nộp thuế.

Không chỉ là sự phối hợp giữa các bộ phận trong nội bộ Cục thuế tỉnh Hải Dương, lãnh đạo Cục thuế cần có sự chủ động trong các hoạt động liên kết chặt chẽ với một số cơ quan, bộ phận liên quan mật thiết như KBNN, các ngân hàng, Bảo hiểm xã hội, Viện Kiểm sát, ... nhằm quản lý chặt chẽ các hoạt động kê khai nộp thuế của đối tượng nộp thuế, tránh thất thu ngân sách nhà nước.

3.2.4. Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế và trách nhiệm của cán bộ, công chức ngành thuế

Để công tác thu thuế, thu nợ đạt hiệu quả cao phải xuất phát từ chính ý thức của người nộp thuế và nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức ngành thuế. Hiện nay, tình trạng nợ đọng thuế lớn một nguyên nhân quan trọng là do ý thức chây ì, gian lận để trốn thuế của người dân. Vì vậy hiệu quả của công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động tuyên truyền hỗ trợ cho đối tượng nộp thuế. Với việc tăng cường công tác tuyên truyền sẽ giúp người nộp thuế nắm được các quy định của luật thuế, từ đó nâng cao ý thức chấp hành tốt pháp luật

thuế làm giảm thiểu tình trạng nợ đọng thuế.

Cục thuế tỉnh Hải Dương cần tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về các chính sách thuế để mọi tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Đồng thời, từ các diễn đàn này phê phán mạnh mẽ các hiện tượng vi phạm pháp luật thuế, công khai tên các doanh nghiệp còn chây ì nợ thuế kéo dài... Công tác tuyên truyền còn giải quyết được các vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình kê khai, nộp thuế, hỗ trợ người nộp thuế một cách tốt nhất. Không chỉ dừng ở việc tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, hoạt động tuyên truyền còn phải đảm bảo được các công chức, cán bộ ngành thuế cũng được trang bị đầy đủ các kiến thức về pháp luật quản lý thuế, trách nhiệm cũng như đạo đức nghề nghiệp của công chức ngành thuế, nâng cao được lòng tin của nhân dân.

3.2.5. Ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quản lý nợ thuế

Cục thuế tỉnh Hải Dương cần đưa các ứng dụng khoa học tiên bộ vào trong hệ thống cơ sở vật chất nhằm phục vụ công tác quản lý một cách hiệu quả nhất. Việc sử dụng công nghệ thông tin, đồng bộ hóa máy tính, cài đặt và cập nhật các phần mềm mới giúp cho công tác hỗ trợ kê khai, nộp thuế diễn ra nhanh chóng, chính xác hơn, hạn chế việc kê khai sai hoặc gian lận thuế. Đồng thời việc đồng bộ hóa bằng các ứng dụng tin học tiên bộ, giúp cho hoạt động quản lý thuế dễ dàng hơn, dễ kiểm tra, kiểm soát, công tác phân loại nợ thuế, theo dõi nợ thuế cũng thuận lợi, dễ dàng hơn.

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị với Tổng cục thuế

Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế cần tổ chức thực hiện lấy ý kiến của toàn dân để đánh giá mức độ phù hợp của chính sách quản lý thuế trong đời sống xã hội, trên cơ sở đó có những bổ sung sửa đổi Luật một cách kịp thời nhằm hoàn thiện một số nội dung của Luật quản lý thuế.

Tổng cục Thuế cần phối hợp chặt chẽ với các Bộ Tư pháp, Giáo dục - đào tạo, Văn hóa thông tin, Ban Văn hóa tư tưởng trung ương xây dựng và cung cấp các đề

cương tuyên truyền cho hệ thống mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên và biên soạn nhiều bài học về thuế cơ bản, nhẹ nhàng đưa vào môn giáo dục công dân cho học sinh các cấp II, III. Thường xuyên tổ chức các cuộc thi “Tìm hiểu về thuế”.

Ngành thuế cần nhanh chóng nghiên cứu ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế. Bộ tiêu chí này có thể ban hành chung trong bộ tiêu chí đánh giá tất cả các mặt hoạt động của cơ quan thuế hoặc được ban hành trong quy trình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

Tổng cục thuế cần đẩy nhanh quá trình đơn giản hóa thủ tục hành chính trong công tác hoàn thuế, xóa nợ, điều chỉnh nợ thuế. Đây là điều kiện đương nhiên, bởi vì dù chính sách có đúng đắn đến mấy mà không được tổ chức thực hiện theo đúng nội dung đề ra thì chính sách ấy cũng trở nên vô nghĩa.

Bộ Tài chính cần tham mưu để Chính phủ kịp thời điều chỉnh ban hành các chính sách, các hướng dẫn sát hợp với sự biến động của sản xuất và kinh doanh như: các chính sách miễn giảm thuế, các chính sách hướng dẫn tìm thêm thị trường tiêu thụ sản phẩm, chính sách hỗ trợ người lao động khi mất việc làm, đặc biệt là chính sách hỗ trợ vốn, trong đó chú trọng hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ vốn cho các dự án có hiệu quả, tạo ra nhiều việc làm, kích thích sự phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, cần thiết phải hạn chế việc thay đổi chính sách thuế. Việc thay đổi chính sách thuế sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong hoạch định chiến lược kinh doanh dài hạn, ảnh hưởng đến số nợ ngân sách và số tiền nợ thuế tăng lên hay giảm đi. Do vậy, mỗi thay đổi cần phải được cân nhắc, đồng thời pháp luật thuế phải mang tính dự báo, các quy định cần đón trước những diễn biến kinh tế xã hội để đảm bảo khả năng thực thi dài hạn. Việc thay đổi chính sách thuế không những gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh doanh nghiệp mà còn gây khó khăn cho công tác quản lý thuế của cán bộ.

3.3.2. Kiến nghị với UBND tỉnh Hải Dương

Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh cần tăng cường chỉ đạo cấp ủy chính quyền các huyện, thị xã, thành phố tăng cường phối hợp với cơ quan Thuế trong công tác thu thuế, coi công tác quản lý thuế nói chung và quản lý nợ thuế nói riêng là một

trong những nhiệm vụ trọng tâm tại địa phương nhằm nâng cao hiệu quả thu NSNN.

Chỉ đạo các ban ngành tại địa phương phối kết hợp chặt chẽ hơn nữa với cơ quan Thuế trong công tác quản lý thu thuế trên địa bàn tỉnh nhằm phát hiện đưa vào quản lý kịp thời các nguồn thu mới phát sinh.

Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo công tác quản lý sử dụng đất đai, từ khâu quy hoạch sử dụng đến lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất đai để quản lý thu ngân sách đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định. Tăng cường quản lý khai thác, tăng thu đối với các khoản thu liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản để hạn chế tình trạng thiếu, sai sót trong quá trình khai thuế, làm gia tăng nợ thuế.

UBND tỉnh Hải Dương cần có sự quan tâm hơn nữa tới các hoạt động của Cục thuế tỉnh Hải Dương và Chi cục thuế các huyện, hỗ trợ trong các công tác tuyên truyền vận động, liên kết và hỗ trợ liên kết của Cục thuế tỉnh Hải Dương với các cơ quan chức năng, Sở ban ngành.

3.3.3. Kiến nghị với Cục thuế tỉnh Hải Dương

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật thuế, cung cấp dịch vụ thuế một cách tốt nhất cho người nộp thuế. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo đưa công tác thuế là trách nhiệm chung của toàn hệ thống chính trị và xã hội, từng bước đưa nội dung giáo dục pháp luật thuế vào giảng dạy trong trường học.

- Tăng cường công tác đối thoại với người nộp thuế, thông qua đó nắm bắt và tháo gỡ kịp thời những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện chính sách thuế. Trả lời kịp thời các vướng mắc cho người nộp thuế.

- Thường xuyên coi trọng công tác tổ chức cán bộ, phân bổ nguồn nhân lực phải đồng đều, hợp lý giữa các bộ phận chức năng, bổ sung nguồn nhân lực cho bộ phận thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền hỗ trợ để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Quan tâm tới công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức lối sống cho cán bộ công chức thuế để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế. Thường xuyên chăm lo đến đời sống, vật chất, tinh thần cho cán bộ công chức, đảm

bảo điều kiện về mọi mặt để họ phát huy tinh thần làm chủ, trách nhiệm, năng động và sáng tạo khi thực thi nhiệm vụ.

- Xây dựng quy chế phối hợp với các cơ quan như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Công an, Quản lý thị trường, các Ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước trong việc cung cấp trao đổi các thông tin của doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý nợ thuế, chống nợ đọng, thất thu ngân sách.

- Tăng cường công tác hiện đại hóa ngành thuế, triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 90001-2008 cho toàn ngành nhằm từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý thuế và cung cấp dịch vụ công.

- Tổ chức các biện pháp quản lý thuế như: tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp, công tác thanh tra, kiểm tra thuế, công tác thu nợ và cưỡng chế nợ thuế.

- Rà soát để loại bỏ hoặc kiến nghị loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại bộ phận “một cửa” của cơ thuế các cấp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Ngành thuế đang trong giai đoạn cải cách và hiện đại hóa, công tác quản lý thuế trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã đem lại hiệu quả, trình độ quản lý thuế đã từng bước được nâng cao phù hợp với quan điểm phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cũng như xu thế phát triển của đất nước, góp phần vào nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch ngân sách địa phương, với phương châm Minh bạch - Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới, Cục thuế tỉnh Hải Dương quyết tâm xây dựng ngành thuế tiên tiến, hiện đại, chuyên nghiệp, quản lý thuế tiến tới công bằng, hiệu quả và phục vụ tốt người nộp thuế. Để hoàn thiện công tác quản lý thuế thì các khâu trong hoạt động quản lý thuế phải được nâng cao, trong đó có hoạt động quản lý nợ thuế. Để thực hiện công tác quản lý nợ thuế tốt, góp phần thực hiện tốt Luật Quản lý thuế, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: hoàn chỉnh chính sách thuế; thực hiện tốt công cuộc cải cách hành chính thuế; cải tiến tổ chức bộ máy tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nộp thuế, đẩy mạnh mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện thực hiện nghĩa vụ thuế; nâng cao cơ sở hạ tầng xã hội góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, từng bước hoà nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

Đối chiếu với mục đích nghiên cứu, luận văn **“Quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương”** đã đạt được những kết quả sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về nội dung quản lý nợ thuế; Tìm hiểu thực trạng quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp do Cục thuế tỉnh Hải Dương quản lý trong giai đoạn 2012 - 2015. Từ đó, đánh giá và nhận định thành tựu đạt được cũng như những hạn chế và nguyên nhân hạn chế của công tác quản lý nợ thuế của Cục thuế tỉnh Hải Dương. Trên cơ sở phân tích thực trạng, luận văn đã trình bày một số giải pháp và kiến nghị với cơ quan quản lý nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương trong thời gian tới.

Được sự giúp đỡ tận tình của TS. Thân Danh Phúc, tác giả đã hoàn thành luận

văn thạc sỹ với đề tài “**Quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Hải Dương**”. Tuy nhiên, đây là một đề tài nghiên cứu rộng, mặc dù bản thân cũng đã có nhiều cố gắng song do giới hạn về thời gian nghiên cứu nên Luận văn không tránh khỏi những thiếu sót hạn chế, kính mong sự góp ý, chỉ dẫn của các thầy cô, bạn bè và đồng nghiệp giúp bổ sung hoàn thiện đề tài.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Ái (2002), *Giáo trình Thuế Nhà nước*, Nxb Thống kê, Hà Nội
2. Dương Đăng Chinh – Phạm Văn Khoan (2009), *Quản lý tài chính công*, Nxb Tài chính.
3. PGS. TS Nguyễn Cúc (2010), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, Đại học Thương Mại.
4. Học viện Hành chính (2007), *Giáo trình Quản lý nhà nước về tài chính*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
5. Ths. Nguyễn Việt Hà(2010), *Quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế tại địa bàn huyện Đông Anh – TP Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Chuyên ngành quản trị kinh doanh.
6. Ths. Hoàng Văn Hải (2014), *Quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế tại Cục thuế Vĩnh Phúc*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
7. Ths. Trần Thị Hạnh (2015), *Quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp tại Chi cục Thuế huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
8. Ths. Lê Văn Hòa (2014), *Quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế đối với doanh nghiệp tại chi cục thuế Kim Thành tỉnh Hải Dương*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Chuyên ngành Quản trị kinh doanh.
9. Quang Hiệp (2014), *Phát triển nhìn từ Thuế*, Tạp chí thuế số 3/2014
10. Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Thị Liên (2007), *Giáo trình thuế*, Nxb Tài Chính, Hà Nội.
11. Quốc hội (2006), *Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11*.
12. Quốc hội (2012), *Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế*.
13. Quốc hội (2014), *Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế*.
14. Chính phủ (2016), *Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/05/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020*.

15. Bộ Tài chính (2010), *Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục thuế trực thuộc Tổng cục thuế.*

16. Tổng cục Thuế (2011), *Quyết định số số 1395/QĐ-TCT ban hành ngày 14/10/2011 về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế*

17. Tổng cục Thuế (2014), *Quyết định số số 2379/QĐ-TCT ban hành ngày 22/12/2014 về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế*

18. Tổng cục Thuế (2015), *Quyết định số số 1401/QĐ-TCT ban hành ngày 28/07/2015 về việc ban hành quy trình quản lý nợ thuế*

19. Lê Xuân Trường, Lê Minh Thắng (2012), *Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế*, Tạp chí Tài chính số 3/2012

Nguồn khác:

20. <http://dl.vnu.edu.vn/bitstream/11126/14795/1/00050000374.pdf>

21. <http://haiduong.gdt.gov.vn/wps/portal>